NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ THƯƠNG-NGHIỆP

CÁCH TỔ-CHỨC MỘT NHÀ BUÔN

Ta vào một nhà hàng tây, bất-cứ là nơi cửa hàng nhỏ hay là chốn thương-cục lớn, thấy cách xếp-đặt chỉnh-tề, người phần việc đâu đấy, kẻ tiếp khách, người gói hàng, chỗ trả tiền, nơi vào sổ, coi như phiền mà thật giản, tựa-hồ khó mà rất dễ, khác nào như một cái máy, có cơ-quan, có bộ-phận, thảy đều hành-động theo phép-tắc, mà xét ra thật nhặm-lẹ vô-cùng. Coi đó thời biết nghề buôn cũng có phương-pháp, không phải chỉ ở một cái tài tháo-vát của người đi buôn. Đã hay rằng người buôn phải thạo cách bán-buôn, sành đường hơn-thiệt, thời mới tranh được mối hàng, thu được lời lớn; nhưng mà ngoài cái tư-cách riêng ấy lại phải thuộc những phương-pháp chung về sự mưu-công doanh-lợi ở đời nay, thời mới có thể gọi được là một tay buôn-bán hoàn-toàn. Những phương-pháp ấy không phải là nhà thuyết-lý nào ngồi không mà bịa đặt ra, chẳng qua là những điều đã kinh-nghiệm có hiệu-lực nên ghi-nhớ lấy để lợi-dùng. Bởi thế nên ở các nước văn-minh đều có khoa thương-học, lại đặt trường thương-nghiệp, là vì nghề buôn có phương-pháp có thể truyền-dạy được.

Người ta thường nghĩ rằng buôn-bán cốt là mua cho rẻ bán lấy đắt, thời miễn có vốn buôn được rẻ, khôn-khéo bán được đắt là đủ, hà-tất phải giảng-cứu đến khoa thương-học mới thành một người buôn sành. Vẫn biết rằng không tất-nhiên phải tốt-nghiệp ở trường thương-nghiệp mới làm được nghề buôn-bán, cứ xem như đàn-bà nước ta buôn-bán đảm-đang biết bao nhiêu, mà nào có học-hành, có sổ-sách chi đâu, thời đủ biết. Nhưng mà nghề buôn đời nay khác đời xưa; trừ không muốn mở-mang cho to-tát, cứ khư-khư theo lối cũ thời không kể, đã muốn mưu cho công-nghệ khoáng-trương, thương-nghiệp phát-đạt, định lấy thực-nghiệp làm cái then-máy để phú-quốc lợi-dân, thời không thể không biết qua những phương-pháp về sự doanh-nghiệp đời nay.

Đầu các phương-pháp ấy là phép tổ-chức (*l'organisation*). Các nước đều công-nhận rằng nước Đức trước khi chiến-tranh sở-dĩ được phú-cường như thế, khiến cho trong cơn mơ-mộng dám làm-le muốn cướp lấy bá-quyền trong thế-giới, chỉ là vì người Đức vốn có cái tài tổ-chức hơn các nước. Vậy thời tổ-chức là gì? Tổ-chức nói nôm nghĩa là xếp-đặt, xếp các công việc, việc nào trước việc nào sau, mỗi việc nên dùng cách xử-trí thế nào cho đích-đáng; đặt các cơ-quan, cái nào vào chỗ nấy, để ứng-dụng cho điều-hòa, được thuận-tự; nói tóm lại là trong một mớ công việc phiền-phức biết chia ra mành-mối, phân ra trước sau mà tùy-nghi thi-thố được thích-đáng, không lẫn-lộn, không cẩu-thả, được sáng-suốt, được rõ-ràng. Ta khen người nào

làm việc giỏi thường hay nói là người « sáng việc » ; ấy phép tổ-chức chính là cái thuật làm cho « sáng việc », ví như gỡ một mớ chỉ loạn cho ra đầu ra mối, không rối-lẫn lung-tung. Việc đã sáng rồi thời xử-trí tất phải đắc-sách, sự-nghiệp tất được thành-công. Vì tổ-chức trước là xếp-đặt mà sau là gây-dựng, hễ xếp-đặt ra mành-mối thời gây-dựng tất nên công, khác nào như mớ sợi rối hễ xếp ra mối thời dệt thành tấm. Hai chữ tổ - chức chính nghĩa đen là đan dệt, như dệt vải vậy.

Phàm kinh-doanh nghề-nghiệp, bất-cứ nghề gì, phép tổ-chức cũng là quan-trọng lắm. Xét như nghề buôn nước ta, sở-dĩ chưa mở-mang được to-tát, một phần là bởi người mình không hiểu nghĩa đoàn-thể, nhưng một phần chính là bởi chưa tường phép tổ-chức. Bởi hai cớ đó nên bao nhiêu hội buôn của người mình lập ra từ trước đến nay đều kế-tiếp nhau mà khuynh-đảo hết. Nay muốn cho buôn-bán thành-công thời các nhà buôn ta phải nên nghiên-cứu những cách tổ-chức của các cửa hàng tây thế nào, tuy chưa thể một mai bắt-chước được cả, nhưng cũng có thể lần lần theo gương người ta mà cải-cách lối buôn-bán cũ của mình.

Bài này là khảo trong các sách dạy về khoa thương-học ở nước Pháp, dịch-thuật những điều cốt-yếu về sự tổ-chức một cửa hàng lớn ở bên Tây thế nào. Các nhà buôn ta coi đó thời biết cách xếp-đặt trong nhà hàng tây chỉnh-đốn là đường nào và phép tổ-chức về nghề buôn - bán quan - trọng biết bao nhiêu.

***

Trước khi nói về cách xếp-đặt trong nhà hàng, hẵng nói về tư-cách người bán hàng, không phải là tư-cách thiên-nhiên, mỗi người một khác, nhưng là tư-cách trên pháp-luật, trên thực - tế, ai cũng như ai ; tư - cách ấy tức là những quyền-lợi cùng trách - nhiệm của người buôn-bán.

Buôn-bán cốt nhất là sự giao-dịch các đồ-hàng ; lại gồm cả các việc khác phụ-thuộc về việc giao-dịch đó, như : vận-tải, môi-giới, hối-đoái, bảo-hiểm, v. v. Người buôn-bán không có biến-hóa các sản - vật, chỉ di-dịch chỗ này sang chỗ khác, bảo-tồn lấy cho giữ-gìn được lâu ; cũng có khi thời pha lẫn thứ nọ với thứ kia để tiêu-thụ cho dễ. Đó là lấy nghĩa kinh-tế mà giải tính-cách người buôn-bán. Lấy nghĩa pháp-luật thời có hẹp hơn. Theo điều thứ nhất trong Thương-luật nước Pháp thời gọi là người « buôn-bán » (*commerçants*) ấy là những người lấy việc buôn-bán làm chuyên - nghiệp. Việc buôn-bán (*actes de commerce*) là những việc giao-dịch các đồ hàng, cùng các việc phụ-thuộc vao việc ấy (vận - tải, hối - đoái, v. v.), và việc giao - dịch vàng-bạc cùng các ngân-phiếu giá-phiếu.

Theo luật thời người buôn-bán phải giữ sổ-sách, phải khai giá - thú (cho biết vợ chồng chung vốn hay là riêng của), phải trả những thuế riêng như thuế môn-bài ; khi nào có nợ không trả được thời phải khai vỡ nợ (*faillite*), hay là bị tòa tịch-ký (*liquidation judiciaire*). Đó là những trách - nhiệm riêng của người buôn-bán. Quyền-lợi riêng thời như sau này : khi nào có sự gì phân-tranh ở trong việc buôn-bán thời không phải ra tòa án thường, được ra tòa - án riêng gọi là tòa-án thương - mại, thủ-tục giản hơn, xử việc mau hơn và phí-tổn ít hơn các tòa án thường ; được quyền bảo - cử và ứng-cử các tòa-án thương - mại (*tribunaux de commerce*) và các hội-nghị thương - nghiệp (*chambres de commerce*) ; được hưởng quyền sở-hữu về « ngôi hàng » (*fonds de com-*

merce) [1] có pháp - luật - nhân - cách, người ngoài không được giả - mạo, không được chiếm-cứ.

Đó là những trách - nhiệm cùng quyền-lợi riêng của các người buôn-bán. Người nào đã mở của hàng, đã khai môn-bài, theo luật Đại-Pháp, thời được những quyền-lợi ấy và phải những trách-nhiệm ấy, gồm lại tức là cái tư-cách của nhà buôn-bán đời nay.

Nhà buôn đã đủ tư-cách như thế thời phải xếp-đặt công-việc trong hàng trong xưởng mình thế nào? Đây nói gồm cả hàng cả xưởng, vì người chủ một xưởng chế-tạo, tuy là một nhà công-nghệ, nhưng cũng có kiêm cả tư-cách nhà buôn-bán, vì đồ chế-tạo ra chắc phải tiêu-thụ đi, tức là buôn-bán vậy.

Vậy trước hẳng nói qua về cách xếp-đặt trong một xưởng thế nào, rồi sau nói tường về cách xếp-đặt trong một cửa hàng buôn.

Phép tổ-chức thực-nghiệp đời nay, dù về công-nghệ, dù về thương-nghiệp, đều lấy sự phân-công chuyên-nhiệm làm gốc, nghĩa là chia công việc ra từng bộ-phận, mỗi bộ-phận có người coi riêng. Các bộ-phận ấy khác nào như những tỉ-sảnh trong các nha-thự của Nhà-nước.

Trong một xưởng chế-tạo (*usine*) lớn thường chia ra năm « sở » (*services*) như sau này:

1° — Sở quản-lý (*Service administratif*) coi về những sổ-sách, viết thư-từ, giữ quỹ, kiểm tiền, điều - đình các việc, giao-thiệp với ngoài, trông nom và trả công người làm, kiểm-điểm và coi giữ các kho, nhận hàng về, gửi hàng đi;

2° — Sở giao-dịch (*service commercial*), coi về việc đặt thương-điểm, phái mối-lái đi các nơi, quảng-cáo trong báo, mua các vật-liệu, tìm người đặt hàng, kiếm nơi bán buôn, chuyền các đơn đặt hàng (*commandes*) cho sở chế-tạo, viết các thư-từ về việc mua bán;

3° — Sở chế-tạo (*service technique*) coi riêng về việc chế-tạo, như vẽ kiểu, tính-toán, thí-nghiệm, định-giá, chỉ-huy cho các đốc-công, truyền - bảo những cách-thức làm;

4° — Sở kiểm-điểm (*service du contrôle*), kiểm-điểm những đồ đã chế-tạo ra, trước khi gửi đi;

5° — Sở kinh-lý (*service d'entretien, travaux neufs et services généraux*), coi chung về các việc củi lửa, điện nước, nhà cửa, máy-móc, hỏng đâu chữa đấy, cần đến đặt thêm, nói tóm lại là các việc giữ-gìn bày-đặt ở nội trong nhà trong xưởng.

Ngoài các sở đó thời có một phòng thư-ký (*secrétariat*) để thông-đồng liên-lạc các sở với nhau, một phòng tàng-thư (*archives*) để chứa giữ các giấy-má quan-hệ đến công-việc trong xưởng. Mỗi một sở có một người chủ-nhiệm, công việc thường thời giao-thiệp với nhau bằng máy-nói hoặc bằng bút-ký vào những mảnh giấy nhỏ gọi là "phiến" (*notes*); nhưng mỗi ngày các chủ-nhiệm lại có hội-thương một lần trong phòng ông Chánh Quản-lý để bàn-bạc các việc quan-trọng.

Đó là cách tổ-chức một xưởng chế-tạo lớn; không phải rằng nhà máy xưởng thợ nào cũng có đủ bấy nhiêu cơ-quan đâu; nhưng trong một xưởng to-tát thời phải xếp-đặt như thế mới là chỉnh-đốn.

Nay nói về cách tổ-chức các bộ-phận trong một cửa hàng buôn to. Thường thường cũng chia ra các sở như sau này:

---

(1) « Ngôi-hàng » không những là cái cửa hàng cùng các đồ-hàng bầy đấy, lại là cái tên hiệu nhà hàng, cái dấu hiệu đồ hàng nữa. Tên ấy, dấu ấy, tuy là vật vô-hình, mà cũng là cái vốn của nhà buôn được có quyền sở-hữu (*droit de propriété*), người ngoài chiếm lấy tên ấy, giả-mạo hiệu ấy, luật-pháp nghiêm-trừng, coi như ăn cắp ăn trộm đồ vật thiệt vậy.

1º — Sở quản-lý (*Service administratif*) coi về người làm;

2º — Sở buôn (*Service des achats*), phải tra xét về các thời-giá khi cao khi hạ, tìm những nơi nào có hàng bán mà đến mua, hoặc thửa đặt các mặt hàng theo kiểu-mẫu của mình và trông nom cho người ta làm đúng mẫu, khi người ta nộp phải nhận hàng, phải kiểm-điểm, phải chứa vào kho, phải ghi vào sổ cho bao giờ cũng biết đúng trong kho còn bao nhiêu, v.v ;

3º — Sở nhận đơn (*Service de réception des ordres*), để nhận những đơn của các khách mua hàng, biên vào sổ, rồi phân-phát ra các khu (*rayons*) để giao hàng cho khách, khi giao phải kiểm-điểm cho đúng đâu vào đấy ; sở này tức là coi về việc bán chịu ;

4º — Sở bán (*Service des ventes*), mỗi ngày bán những gì phải biên vào sổ, cho biết thứ nào chạy, thứ nào không, ngày nào đắt ngày nào ế; định giá bán các đồ hàng ngoài vốn buôn mỗi thứ ăn lãi bao nhiêu phân ; như sở buôn thời phải giữ "phiếu" (*fiches*) về các nhà bán buôn cho mình và các mặt đồ hàng buôn, để lâm-thời tra-cứu cho dễ, vậy thời sở bán cũng phải giữ phiếu, biên rõ từng người khách mua hàng, từng thứ đồ hàng bán, từng nơi đặt chi-điểm, để lâm-thời hội lại biết đường tiêu-thụ rộng hẹp thế nào;

5º — Sở tiêu-thụ (*Service des débouchés*), phải theo lời chỉ-dẫn của sở bán mà tìm phương mở rộng mối hàng ra, kiếm thêm lấy nhiều khách ; sở này thường chia ra hai bộ: một bộ điều-tra (*département de la documentation commerciale*), sưu-tập các sách-vở báo-chí, nhặt những điều gì có quan - hệ đến việc buôn-bán, đến các mặt hàng, chuyền cho các sở kia biết, rồi chứa giữ lấy ; một bộ quảng - cáo (*département dela publicité*), coi việc đăng cáo-bạch vào các báo, hoặc dùng các cách quảng-cáo khác cho được thêm khách mua hàng,

6º — Sở đệ-tống (*Service des expéditions*) coi việc đưa hàng gửi hàng cho khách, giao-thiệp với nhà lĩnh-trưng vận-tải, với các công-ti bảo-hiểm, các viên thừa-hành của sở Thương-chánh ;

7º — Sở tố-tụng (*Service du contentieux*) điều-đình và lo-liệu về các việc phân-tranh trong khi buôn-bán.

8º — Sở thư-tín (*Service de la correspondance*) nhận thơ đến, gửi thơ đi, ghi vào sổ và chuyền đạt giấy-má cho các sở.

9º — Sở hội-kế (*Service de la comptabilité*) coi về việc tính-toán và sổ-sách.

Ngày nay ở các sở nhà buôn dùng các thứ máy cũng bớt được thì-giờ và mau được công-việc nhiều, nhất là thứ máy đánh chữ để chép thơ-từ giấy-má thật là tiện-lợi lắm, bây giờ không sở buôn nào là không có. Dùng máy thời chỉ phải chú-ý và cẩn-thận, hai tư-cách ấy đàn bà thường có, nên những việc ở bàn giấy thường giao cho đàn-bà coi ; còn đàn ông thời coi về những việc chuyên-môn và phải đi các nơi để kiếm thêm mối hàng hoặc mở thêm thương-điểm.

Ngoài thứ máy đánh chữ lại còn các thứ máy gấp thơ, để bì, gắn thơ, đếm thơ, mở thơ, dán tem ; lại có các thứ máy tính, máy nhận tiền ghi số (*caisse enregistreuse*), máy nói là một thứ ống lưu-thanh thay được tốc-ký (*sténographie*), máy gói hàng và buộc hàng, máy lựa, đếm và chồng các tiền rời ; máy tự-động để chuyền hàng ; đồng-hồ ghi số cho biết người làm đến và về đúng vào giờ nào phút nào.

Ấy cách xếp - đặt trong một cửa hàng buôn to bên Tây như thế ; mới coi thời tưởng là phiền, nhưng xét kỹ ra mới biết các bộ-phận ràng buộc lẫn nhau, kiểm-điểm lẫn nhau, rất là chặt

chế, rất là cẩn - thận, khiến cho khó lòng mà sai-lầm giả - dối được, hoặc có giả-dối sai-lầm thời cũng nhận ra ngay. Nhưng quan-trọng nhất trong các bộ - phận ấy là phần coi về tiền-bạc, giữ các sổ-sách, tức là sở hội-kế vậy. Vậy sau đây nói về hội-kế thế nào.

. . .

Hội-kế là : 1° phân các khoản ra từng loại mà lập thành kế-biểu (*comptes*) ; 2° ghi các khoản vào những sổ-sách riêng ; 3° kiểm các khoản bằng lối tính quân-bình (*balances*) ; 4° kê mục-lục (*inventaire*) để kiểm lỗ lãi.

Hội-kế cần nhất phải hai điều : một là rõ-ràng, hai là đúng ngày. Người buôn-bán không nên coi việc giữ sổ-sách là một việc pháp-luật bắt thời phải làm, hay là theo lệ thường làm cho tắc-trách mà thôi. Phải biết rằng có hội-kế phân-minh mới biết công-việc trong nhà mình thế nào, buôn-bán lỗ lãi ra làm sao. Vậy không những phải giữ sổ-sách cho đúng luật, lại phải nghĩ cách biên chép thế nào cho mau, cho tiện, cho rõ-ràng, cho dễ tìm, và thứ nhất là phải giữ cho đúng ngày, đừng để chậm, đừng bỏ sót.

Theo thương-luật của nước Pháp, thời nhà buôn nào cũng phải có một quyển sổ nhật-ký (*livre journal*), một quyển sổ chép thơ (*livre copie de lettres*) và một quyển sổ mục-lục (*livre relevé des inventaires*). Mấy quyển đó là bắt-buộc nhà nào cũng phải có, nhưng thường-thường có nhà buôn lại thêm mấy quyển nữa như quyển sổ-cái (*grand livre*), và các sổ phụ về việc mua, bán, giao-dịch trong cửa hàng, sổ quĩ, sổ tổng-đệ, v. v. — Luật nước Anh thời không bắt-buộc các nhà buôn riêng phải giữ sổ, chỉ bắt-buộc các công-ti mà thôi. Luật Tây-ban-nha (Espagne) thời ngoài ba quyển sổ giống như luật nước Pháp, lại bắt giữ một quyển sổ-cái nữa. Luật nước Đức thời nói chung rằng các nhà buôn đều phải giữ sổ - sách, nhưng không nói rõ những sổ-sách gì.

Phép giữ sổ-sách ngày nay cũng có nhiều cách mới giản-tiện hơn xưa. Như sổ-cái bây giờ có nơi không đóng liền mà dùng những tờ giấy dời (tiếng anh gọi là *Loose Leaf system*), cách này thời tiện xếp và dễ biên, khoản nào đã liễu - kết rồi thời bỏ tờ ấy ra, khoản nào mới thời đặt thêm tờ khác vào, thành ra sổ dùng được mãi. Lại còn cách dùng « phiếu » (*fiche*), biên mỗi người, mỗi việc hay mỗi thứ hàng vào một phiếu, xếp dựng vào những tủ riêng có ngăn kéo, tra tìm cũng tiện-lợi lắm. Như sổ người bán, sổ người mua, sổ đồ hàng, hay dùng cách ấy, khi xếp muốn đảo lên đảo xuống, thêm vào rút ra tiện hơn là sổ đóng liền. Xếp thời hoặc xếp theo số, theo vần hay là theo xứ cũng được.

Luật bắt nhà buôn nào mỗi năm cũng phải làm một cái sổ đối - chiếu (*bilan*), so-sánh các khoản để rõ tình-hình trong nhà thế nào. Sổ đối-chiếu muốn cho đúng, cho rõ, thời phải kê cho tường và làm cho nhất-luật. Thứ nhất là phải ước-lượng cho đúng giá các đồ hàng còn để trong nhà. Các nhà buôn nhiều khi hay ước tặng lên quá, tính phỏng cả lãi vào đấy, thành ra không được xác. Phàm đồ hàng còn chứa trong kho thời phải tính theo giá buôn, rồi châm - chước với thời-giá khi cao khi hạ. Nếu thời giá hạ thời là lỗ, khoản lỗ ấy ước lượng là bao nhiêu phải biên vào bên « Chịu » (*passif*). Nếu thời - giá cao thời có lãi, nhưng lãi ấy đã thu vào được đâu, vì đồ hàng vẫn còn nằm đấy ; như vậy thời tuy rằng có lãi mà lãi chưa có thể chia cho những người có cổ-phần được, vậy cũng phải biên vào bên « Chịu », nhưng biên rõ là một khoản dự-trữ, rồi chuyển dần

vào bên « Được » (*Actif*).[1]

Sổ đối - chiếu phải cho rõ - ràng, nghĩa là ghi chép cho phân-minh, và chia họp các khoản cho xác - hoạch. Lại phải cho tường-tất, chớ đừng vắn-tắt quá, vì biên tắt quá thời lâm-thời tra đến không biết được rõ tình-hình trong nhà thế nào. Sau nữa, lại phải cho nhất-luật, nghĩa là năm nào cũng làm theo một thể-thức giống nhau, để khi nào phải so-sánh nhiều năm cho dễ.

Một cái sổ đối-chiếu mà làm trúng-cách thời đọc qua một lượt biết được rõ tình-hình tài-sản trong nhà hay trong hội tốt hay xấu, các khoản « khấu nợ » (*amortissements*)[2] mất bao nhiêu, thu lãi được bao nhiêu, rút lại là hàng bán có được chạy và vốn nhà có tăng-tiến không. Sổ đối-chiếu phải phụ thêm một cái « biểu lợi-hại » (*compte de pertes et profits*), kê rõ những khoản kinh-phí và khoản thu-lợi, xem sổ và biểu thời rõ được sự buôn-bán lỗ-lãi thế nào. Thường xét ra một hội buôn có cơ phát-đạt được, mà tiền kinh - doanh cùng tổng - phí lúc ban - đầu (*frais généraux*) nhiều quá, lãi thu vào không phụ, sau đến thất-bại. Cho nên mỗi năm phải biết rõ bên được bên chịu thế nào và tiền lãi tiền phí bao nhiêu để liệu mà tăng-giảm các phí kinh-doanh. Thứ nhất là phải chú-ý về các khoản « khấu-nợ », hễ khấu các nợ trước đi mà còn thừa thời mới thật là có lãi. Lại phải xét số những người mua chịu, nếu đọng lại nhiều người chưa trả tiền thời phải hạn-chế sự bán chịu lại. Sau nữa lại phải biết rõ số tiền xuất-nhập thường thường, tiếng tây gọi là « tiền luân-chuyển (*fonds de roulement*), nghĩa là những khoản có thể thâu được ngay và những khoản cần phải trả ra ngay.

Việc giữ sổ-sách các nhà buôn cũng là một khoa học chuyên-môn, phải là người thông-thạo mới làm được. Cho nên ở các nước Thái-Tây đều có những trường riêng dạy về khoa hội-kế, thường thường chia ra hai ban, một ban dạy về hội-kế nhà nước, một ban dạy về hội-kế các nhà buôn. Lại có những công-ti các tay chuyên-môn về khoa hội-kế, nhà hàng hay hội buôn nào cần phải kiểm-điểm sổ-sách thời nhờ các công-ti ấy phái người đến xét, làm giấy chứng-nhận, rồi ăn tiền hoa-hồng. Nước Pháp thời có hội *Compagnie des Experts-comptables de Paris* (Công-ti các nhà Hội - kế chuyên - môn thành Paris) lập ra năm 1912; nước Anh có những hội *public accountants*, tức là những thầy công-văn chuyên coi về sổ-sách nhà buôn; nước Đức thời có những hội gọi là "hội tín-dụng" (*Treuhandgesellschaften ou sociétés fiduciaires*), trước coi về việc buôn-bán các giá-phiếu ngân - phiếu, nay cũng kiêm cả việc kiểm-điểm sổ-sách cho các nhà buôn.

Ngoài những sổ-sách như bên trên đã kể, một cửa hàng hay một hội buôn lớn lại phải thường làm những sổ « nội-dung thống-kế » (*statistiques intérieures*), nghĩa là gồm những tổng-số các khoản (như số buôn, số bán, số tiền công, số kinh-phí, v.v.) trong một thời-kỳ hoặc vắn hoặc dài, một tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm, rồi kê-liệt ra để dễ so-sánh xem mỗi khoản tăng giảm thế nào. Các sổ thống-kế này thường làm thành biểu (*tableaux*), thành đồ (*cartogrammes*), họa hình ra cho dễ xem.

* *

Buôn-bán phải có vốn, đó là một lẽ

(1) Phàm sổ đối-chiếu (*bilan*) phải có hai phần đối nhau : một phần gọi là bên « Được » (*actif*) là gồm các của-cải cùng các khoản hiện có trong nhà và những món người ta nợ mình ; bên « Chịu » (*passif*) là những khoản mình phải chi ra ngoài hoặc mình nợ người ta.

(2) Tiền « khấu nợ » là những khoản mỗi năm trích riêng ra để trả vào các món nợ lâu năm từ trước, hoặc bù vào các khoản kinh-phí mua nhà đất, mua máy-móc, v. v.

cố-nhiên, không ai là không hiểu. Vậy thời vốn là phần cốt-yếu của mọi việc buôn-bán công-nghệ, và cách dùng vốn là một điều quan-trọng trong phép tổ-chức các nhà buôn. Nay đã xét cách xếp-đặt về hình-thức như trên, nên xét đến cách dùng vốn thế nào.

Vốn nguyên-thủy là thuộc về thiên-nhiên, rồi người ta mỗi ngày mới đem công khai-khẩn ra, biến-hóa đi, và lợi-dụng lấy. Sự khai-khẩn biến-hóa ấy là bằng cái sức làm, một là làm việc bằng chân tay, hai là làm việc bằng trí-não ; lại cũng bằng cái tính để dành, làm ra được bao nhiêu, tiêu dùng không hết, biết dành-dịn lại, thành ra vốn mỗi ngày một tăng thêm lên. Biết lấy nhân-lực mà lợi-dụng cái vốn thiên-nhiên, lại dành-dịn mà bảo-tồn lấy, biến-hóa mà khoáng-trương ra, đó là cái đặc-tính một xã-hội văn-minh.

Vốn thời nhiều hình-trạng lắm, tự cái đồ dùng của người đời xưa phát-minh ra rồi đời sau mỗi ngày một sửa-sang cho tiện-lợi, tức tiếng tây gọi là cái «vốn phát-minh» (*capital invention*), cho đến những máy-móc của công-nghệ đời nay chế-tạo ra, cho đến những sản-vật cùng tài-liệu thiên-nhiên, cho đến những dấu hiệu người ta đặt để làm biểu-hiệu cho tài-sản, như tiền-tệ, giấy-phiếu, v.v., bấy nhiêu thứ đều là cái vốn cho người ta lợi-dụng cả.

Nay lấy phương-diện lợi-dụng mà xét thời thường chia ra vốn để (*capital fixe*) và vốn chạy (*capital circulant*). Vốn để là cái vốn mua nhà đất, máy móc, đồ dùng, vv, tức là tiền để dọng một chỗ để giúp cho các việc giao-dịch, chế-tạo khác; vốn này không cần phải lưu-truyền mà có ích-lợi, nhưng càng dùng nó lại càng mòn đi, phải dự khoản hàng năm để tiếp dần vào. Vốn chạy là cái vốn đem dùng ra thời nó mất hẳn đi, có mất đi mới được việc. Phàm trong công-nghệ thương-nghiệp, hễ vốn để đã to thời vốn chạy cần đến ít, mà vốn để ít thời vốn chạy phải cần đến nhiều. Cái số-lượng ít nhiều thế nào là tùy mỗi nghề; song thường nhận ra về nghề nông càng phát-đạt thời vốn chạy càng phải nhiều, mà về công-nghệ thời lại vốn để phải nhiều hơn. Về công-nghệ vốn để càng ngày càng nhiều, một là bởi sự chế-tạo càng ngày càng mạnh, hai là bởi nghề máy-móc càng ngày càng tấn-tới, mỗi thứ máy dùng được ít lâu lại phải thay lấy kiểu tốt hơn cho làm được mau và được nhiều mới bán được giá rẻ và tranh lại được các nhà khác. Người ta đã tính ra về nghề chế các kim-loại thời phần vốn để đối với toàn-số tư-bản là 62 phần trăm (62%), về nghề nung men thời 32 phần trăm (32%), về nghề làm máy 42 phần trăm (42%), về nghề điện 57 phần trăm (57%). Bởi số vốn để mỗi ngày một tăng lên, nên công-nghệ đời nay thường gặp nhiều khi khủng-hoảng, vì xưởng máy nào cũng cần phải có việc mà chạy luôn mới được, nếu không đủ việc cho máy chạy thời máy nằm đó không những thiệt mất lời mà lại hại đến vốn.

Coi cách dùng vốn như thế thời biết rằng cũng có mấy cái phép-tắc nhà buôn nhà nghề cần phải biết. Đại-khái phàm kinh-doanh một nghề-nghiệp gì, không nên có bao nhiêu vốn dùng hết cả, nhất là về hạng «vốn để» là các vốn nằm đó mà mỗi ngày một mòn đi ; nhưng cũng không nên dè-sẻn quá mà không chịu kinh-phí những khoản yếu-cần. Vốn để là một cái gánh nặng cho nhà nghề nhà buôn, tuy không có không được, nhưng cũng phải cố hạn-chế cho khỏi phí quá; đến như vốn chạy thời thật là cái nguồn lợi trực-tiếp ngay. Vậy thời phải châm-chước cái phân-số như trên kia đã nói mà hết sức tăng phần vốn chạy lên, nghĩa là nên dùng cách động hơn

là cách tĩnh, và đại-để phải luân-chuyển đồng tiền vốn luôn, không nên để im để đọng bao giờ; càng chuyển vốn được mau bao nhiêu thời lại càng thu lợi được nhiều bấy nhiêu. Cho nên nhà nghề nhà buôn nào cũng vậy, ngoài phần vốn để, cần phải có một phần vốn chạy cho dư-dũ để mà buôn đồ hàng, mua vật-liệu, chi-phí những việc hằng ngày, trả công cho người làm việc.

Các khoản kinh-phí trong một cửa hàng buôn hay là một xưởng chế-tạo có thể chia ra làm hai hạng: một là « tổng-phí » (*frais généraux*), nghĩa là những khoản kinh-phí chung trong nhà, thường-thường phải chi ra thời công việc trong nhà mới chạy được; hai là hạng « đặc-phí » (*frais spéciaux*), nghĩa là những khoản kinh-phí riêng về một bộ-phận hay là một hạng công việc riêng nào, như phí vận-tải, phí thương-chánh, phí chế-tạo, phí hối-đoái, v.v....

Vấn-đề « tổng-phí » cũng là một vấn-đề quan-trọng trong việc tổ-chức một nhà buôn. Nhiều khi vì các khoản tổng-phí nhiều quá mà việc buôn-bán công-nghệ phải nguy-hỏng; mà các khoản tổng-phí thời dễ tiêu quá lên lắm, cho nên phải cẩn-thận mới được. Hễ khi nào có khoản nào ngờ sẽ nhiều quá số đã dự-toán thời nên kê vào một cái kế-biểu riêng mà chú-ý xem-xét từng tí.

Tổng-phí có thể chia ra làm bốn mục như sau này: 1) tiền chi-phí riêng của ông chủ, lương người làm việc và công thợ; 2) tiền thuê nhà, tiền giấy mực, tiền đèn điện, tiền củi than, tiền quảng-cáo, tiền lộ-phí, v.v.; 3) các tiền thuế, tiền môn-bài, tiền bảo-hiểm; 4) tiền lãi các món vay, tiền khấu-trừ các « vốn để ».

Thuộc về người làm việc và các thợ-thuyền thời nhà buôn hay nhà nghề nào muốn cho người làm được việc phải cố giữ lấy lâu, đừng nên thay đổi luôn; vì mỗi lần lấy người mới vào phải mất công mất thì-giờ tập việc vô-ích. Muốn giữ được người làm lâu thời ngay từ lúc đầu phải định lệ rõ-ràng cứ hạn bao lâu thời tăng lương cho người ta một lần; lại phải phân chức-việc của mỗi người, định trách-nhiệm cho phân-minh, nhưng cũng không nên phân-biệt kẻ trên người dưới lắm, sợ ngăn-trở mất cái tính hoạt-bát, trí phát-khởi của mỗi người, mà lại sinh ra những sự tranh-dành ghen-tị. Ông chủ cũng phải giữ đừng làm mất lòng người làm, mà phải cố được người ta yêu-mến mình; trong sự lao-động có một phần thuộc về tâm-lý, mình phải khéo biết lợi-dụng; phải biết rằng cũng một việc làm, cũng một người làm, mà người ta vui lòng mà làm thời vừa mau vừa được việc hơn là mình giữ người ta ngồi lâu, miễn-cưỡng mà phải làm. Muốn được lòng người làm, muốn công việc mình chạy, thời phải trả công cho phải-chẳng. Có câu ngạn-ngữ nước Anh rằng: «tiền công xấu, việc làm xấu» (*bad pay, bad work*), nghĩa là việc làm với tiền công có trực-tiếp quan-hệ vậy. Ngày nay có nhiều công-ti lớn cho người làm được dự phần chia lãi, đó thật là một cái chính-sách hay, vì lợi-quyền của công-ti với lợi-quyền của người làm cũng là một, người làm tất tận-tâm làm việc, không còn có bụng khác nữa.

Tiền thuê nhà cũng là thuộc vào hạng tổng-phí, khi làm văn-tự thuê nhà dài hạn, phải nên tính cẩn-thận, vì khoản kinh-phí này không như các khoản khác mà lâm-thời có thể giảm bớt đi được.

Còn các khoản tổng-phí khác như tiền giấy mực, cũng nên giữ-gìn, vì dễ phao-phí lắm. Lại những khoản bảo-tồn tu-bổ các đồ-đạc nhà-cửa, cũng có thể liệt vào hạng tổng-phí được; trừ khi nào nhiều quá thời nên kê vào mục riêng về « Đồ-đạc và nhà-cửa».

Lại những đồ hàng đọng lại không bán được tất có thiệt-hại vào đấy, những bạn hàng có người vỡ nợ không trả được, hay là các khoản phí-tổn về những việc kiện-cáo, bấy nhiêu thứ dẫu giữ-gìn cẩn-thận thế nào cũng không khỏi được, vậy cũng nên ước-lượng trước mà tính vào số tổng-phí.

Phần to nhất trong hạng tổng-phí là tiền lãi những vốn đã xuất ra, mà phần này lại nhiều người không chú-ý đến. Vốn xuất ra để doanh-nghiệp, dẫu vốn của mình nữa cũng phải coi như là vốn đi vay, nghĩa là phàm vốn phải sinh lãi, không những là cái lãi thường như lãi đi vay, lại phải tùy mỗi việc mà tính thêm lên bao nhiêu phần nữa gọi là số bảo-hiểm (*coefficient de risque*). Lãi ấy phải tính làm sao cho đủ bảo-tồn được tiền gốc mà lại sinh-sản thêm ra, như vốn dùng để mua máy-móc thì mỗi năm phải dự-tính bao nhiêu về số lãi cái vốn ấy đã, rồi lại dự-tính một khoản nữa để khấu-trừ dần vốn đi, như người vay nợ vừa trả gốc vừa trả lãi; vốn lãi đã khấu hết rồi thời máy còn dùng được bao lâu nữa là được lãi bấy lâu, nhưng dẫu không dùng được nữa cũng đã hoàn vốn rồi và có thể mua máy khác thay vào được.

. .

Nhà buôn cần phải biết rõ cái « giá vốn » các đồ hàng của mình để châm-chước mà tính giá bán cho phải chẳng. Giá vốn (*prix de revient*) là gồm giá buôn và các phí-tổn khác, muốn tính cho đúng cũng khó lòng lắm, chỉ có thể ước-lượng được mà thôi. Như tính giá vốn một thứ đồ hàng gì thời phải tính như sau này: 1º) giá mua buôn; 2º) phí-tổn lúc mua và lúc cất (như mối-lái, tiền cân, tiền xe xuống tàu, tiền thuế xuất-cảng, v. v...); 3º) phí vận-tải và bảo-hiểm hàng đến bến (thuế nhập-cảng, tiền cân, tiền xe về nhà hay là chứa trong kho, v. v.); 5º) phí trả tiền hàng (bằng giấy thép, bằng nhà băng, v. v.); 6º) một phần tổng-phí tính theo số giao-dịch trung-bình trong một năm. — Giá vốn đã tính xong rồi thời sẽ châm-chước mà tính giá bán, định ăn lãi bao nhiêu thời tính thêm bấy nhiêu vào giá vốn, liệu thế nào cho phải-chẳng và phải nhớ rằng ăn lãi ít mà bán được nhiều còn hơn là ăn lãi nhiều mà bán được ít. Lại phải xem xét tình-thế trong thương-trường mà định một cái « giá-hạn », ngoài hạn ấy thời có lãi, đúng hạn ấy thời vừa đủ vốn và đủ tiền phí-tổn gửi hàng cho khách, dưới hạn ấy thời có lỗ ít nhiều, để tùy khi hàng cao hàng hạ, khi bán chạy hay không bán chạy mà liệu hoặc tăng hoặc giảm cho thích-đáng. Khi nào xét ra trong thương-trường giá hàng hạ quá, thời nhà buôn muốn giữ được y-nguyên số lãi, phải dùng nhiều cách: hoặc là kiếm nơi nào buôn rẻ hơn nơi mình buôn trước, hoặc là tìm phương giảm bớt các khoản phí; muốn giảm phí thời hoặc là trực-tiếp giảm ngay từng khoản, hoặc là gián-tiếp tăng số giao-dịch lên, vì buôn nhiều, tiền phí-tổn tính ra nhẹ hơn là buôn ít; nhưng cách chắc nhất là cố giảm lấy tiền tổng-phí đi. Có một điều phải nên chú-ý là phải làm thế nào cho hàng đừng đọng trong kho lâu quá, vì hàng càng nằm trong kho bao nhiêu, thời tiền tổng-phí càng nặng lên bấy nhiêu. Nếu cùng trong khoảng một năm, cùng bằng ngần ấy vốn, mà buôn vào bán ra được hai-mươi lần thời tiền tổng-phí chắc nhẹ hơn được một nửa là buôn-bán được có mười lần thôi. Ấy cái bí-thuật của các nhà buôn đời nay là thế: là tăng số buôn-bán lên cho nhiều để giảm số tổng-phí cho ít đi. Trong sách thương-học gọi thế là

« đổi kho » (*renouvellement de stock*), hay là « thay vốn » (*renouvellement de capital*), nghĩa là cùng bằng bấy nhiêu vốn mà buôn vào bán ra được nhiều lượt, không phải để đọng lâu ngày. Vậy thì trong khi tính tiền phí cùng tính giá hàng phải nhận kỹ cái kỳ-hạn đổi-kho thay-vốn vắn dài thế nào, hễ thay đổi luôn thời là hàng chạy và có thể tính giá nới hơn được, vì tiền phí đã giảm bớt đi vậy.

. . .

Cách tổ-chức một nhà buôn còn nhiều điều quan-hệ nữa, không thể nói cho hết được. Trở lên là kể lược mấy điều cốt-yếu, như cách xếp - đặt các bộ-phận, cách biên giữ các sổ-sách, cách lợi-dụng tiền vốn, v. v. là những điều người buôn-bán nào cũng phải suy-tính cho đến nơi đến chốn, không thể mô-hồ cẩu-thả được. Nay còn một điều nữa, những nhà buôn-bán ở các nước lấy làm một sự thường mà ở nước ta còn ít người biết : là sự bảo - hiểm. Bảo - hiểm là phòng - bị những sự nguy-hiểm bất-kỳ, như cháy nhà, mất trộm, đắm tầu, bị lụt, v. v. ; có dự-phòng trước cũng giảm được sự tổn-hại nhiều. Các công-ti bảo-hiểm hiện nay ở đâu cũng có đặt chi-điểm, và bảo-hiểm về đủ mọi đường, thậm-chí có công-ti bảo-hiểm cả sự chết nữa. Các nhà buôn-bán là những người rất cần phải bảo - hiểm lắm.

NGÔ THƯƠNG-GIA

KHẢO VỀ CÁC LUÂN-LÝ-HỌC-THUYẾT CỦA THÁI-TÂY

Bản-chí kỳ trước đã đăng hết những bài « Khảo về lịch-sử luân-lý-học nước Tàu »(1). Các bạn đọc báo đọc qua những bài ấy thời cũng đủ rõ các lý-tưởng về luân-lý ở nước tổ văn-minh cõi Á-đông ta từ đời thượng-cổ đến giờ duyên-cách thế nào. Tự Đường Ngu Tam-đại, cho đến Tống, Nguyên, Minh, Thanh, trải hơn ba nghìn năm, những quan-niệm về thiện-ác, về đạo-đức, về tâm-tính, các tiên-nho tiền-triết nghị-luận nghiên-cứu thật nhiều, dần-dần gây thành một nền luân-lý vững-vàng bền-chặt, làm cái trụ cốt cho các xã-hội Đông-phương ta trong mấy mươi thế-kỷ nay. Nền luân-lý ấy bền-chặt vững-vàng cho đến nỗi cái phong-trào mới đời nay dù mãnh-liệt đến đâu cũng không mong phá-hoại cho được. Song, phong-hội mỗi ngày một mở-mang, cuộc đời mỗi ngày một biến-cải, người ta cũng phải theo thời mà thay đổi, không thể cứ khư-khư giữ cái nền-nếp cũ mãi được. Duy theo thời có hai cách : một là nhắm mắt mà theo liều, hi-tân yếm-cựu, cứ thấy mới là theo, cứ thấy cũ là bỏ, không biết phân-biệt dở hay phải trái thế nào ; hai là suy-xét mà kén-chọn, cái gì cũ của mình mà không hợp-thời thời nên bỏ, cái gì mới của người mà thật chánh-đáng thời nên theo, không câu-nệ mà cũng không du-tòng. Chỉ hiềm rằng đương buổi giao-thời, những người theo thời có ý-thức thời ít, những kẻ theo thời vô-ý-thức thời nhiều, bởi thế mới diễn ra lắm cái cảnh bi-kịch hí-kịch trong xã-hội. Nhưng mong rằng tân-học mỗi ngày một thâm-thuý, người nước ta rồi ra không những chỉ biết cảm cái hình-thức của văn-minh mới mà biết thấu đến nơi tinh-thần,

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 34, 35, 36, 37, 38, 42, 43, 45, 46.

đến chỗ nguồn-gốc, bấy giờ thời hai cái tân-cựu phong-trào sẽ tự-nhiên điều-hoà nhau, và cái xã-hội cổ mấy nghìn năm của nước Việt-Nam ta này sẽ lại phục-hồi được cái cảnh-tượng hoà-bình ổn-kiện như xưa, khác nào như trên mặt bể khỏi lúc phong-ba bão-táp lại được bình-tĩnh như thường vậy.

Nay xét văn-minh học-thuật của Thái-Tây, không phải chỉ chuyên-trọng về đường thực-tế, mà cũng giảng-cứu về lẽ đạo-đức nhiều. Các nhà cựu-học ta có nhiều ông vẫn tưởng rằng Âu-Tây không trọng luân-thường đạo-lý bằng Á-đông; tưởng thế là tưởng lầm, vì các bậc hiền-triết Âu-châu nghiên-cứu về luân-lý-học cũng chẳng kém gì các bậc hiền-triết của nước Tàu đời xưa, có lẽ nhiều điều bản-bạc lại xác-tạc hơn tiên-nho ta nhiều. Duy Âu-Tây tuy trọng tinh-thần mà cũng trọng vật-chất nữa, người mình mới tiếp-súc cái văn-minh của họ thời chỉ tiếp-súc cái phần vật-chất trước mà chưa cảm-giác đến chỗ tinh-thần; bởi thế nên thường hay xét-đoán lầm.

Bản-chí trước đã khảo về lịch-sử luân-lý-học nước Tàu là cái gốc văn-minh của Đông-Á, nay lại khảo về các luân-lý-học-thuyết của Thái-Tây, để các bạn đọc báo so-sánh cái tư-tưởng về luân-lý của hai phương Đông Tây giống nhau và khác nhau thế nào, và cho quốc-dân ta biết rằng văn-minh Thái-Tây không phải chỉ ở súng-đạn máy-móc mà thôi, cũng biết tôn-trọng những lẽ cương-thường đạo-đức chẳng kém gì Đông-phương ta vậy.

. . .

Ở nước Tàu thời trong luân-lý-học-giới tuy có chia ra nhiều phái, nhưng xét kỹ phái nào cũng đại-đồng tiểu-dị, xuất-nhập đạo Nho cả, dẫu các phái lấy Lão Trang làm thày, kết-cục cũng là qui-nạp về Nho-giáo hết. Bởi thế nên luân-lý-học nước Tàu có cái vẻ thống-nhất, đối với xã-hội có một cái thế-lực rất mạnh, không kém gì tôn-giáo vậy. Mà thực, đạo Nho vốn là một nền luân-lý mà nghiễm-nhiên có cái tính-cách như một nền tôn-giáo; Khổng-phu-tử vốn là một nhà luân-lý mà tự-nhiên trở nên một bậc giáo-chủ, sánh vai với Đức Gia-tô, Đức Phật-tổ, mà làm ông thày cầm cân nẩy mực cho sự sinh-hoạt của bốn năm trăm triệu con người trong ngót hai-mươi-lăm thế-kỷ tới nay. Xét về phần lý-tưởng thời những nhà luân-lý triết-lý Âu-châu, như ông SOCRATE (Tô-cách-lạp) nước Hi-lạp, ông KANT (Khang-đức) nước Đức, tư-tưởng còn có phần siêu-việt hơn Khổng-phu-tử; nhưng xét về phần thế-lực trong xã-hội thời Âu-châu không có người nào sánh bằng Khổng-phu-tử. Bởi thế nên tự Khổng-phu-tử về sau, các nhà luân-lý-học nước Tàu là học-trò ông Khổng cả, dẫu thời-đại càng xa, môn-phái càng nhiều, mà môn nào phái nào chẳng qua cũng là bản-bạc phát-minh các vi-ngôn đại-nghĩa trong đạo Nho đó mà thôi, nói thế cũng không phải là quá-đáng vậy. Đạo Nho ví như một cái cây cổ-thụ, các học-phái kia khác nào như những cành những ngọn mọc ở cây ấy mà ra, tuy càng ngày càng rườm-rà rậm-rạp mà cũng là do một gốc mà ra. Luân-lý-học-giới của Âu-châu thời không thế và có thể tỉ như một cái vườn rộng, trong trồng vô-số các thứ cây, tuy cứ lấy từng cây thời không có cây nào sánh bằng cây cổ-thụ của Đông-phương ta kia, nhưng gồm cả lại thời thành như một cái rừng rậm, ở trong các danh-hoa dị-thảo thiếu gì. Mà thật, các nhà luân-lý-học ở Âu-châu mỗi nhà xướng một học-thuyết, mỗi nhà lập một học-phái, không thuyết nào giống thuyết nào, không phái nào giống phái nào, phái nào thuyết nào cũng có cái sở-trường sở-đoản, không thuyết nào phái nào có cái thế-lực

nhất-thống được tư-tưởng người ta. Bởi thế nên mới xét ra, ngờ như luân-lý-học-giới Âu-châu là cái trường cạnh-tranh của các học-phái học-thuyết phản-trái nhau, nhà khảo-cứu như bước chân vào chốn mê-li, không biết lấy gì làm tiêu-chuẩn; nhưng nếu biết đem cái tư-tưởng triết-trung mà phán-đoán thời mới rõ cái tôn-chỉ của các học-phái học-thuyết ấy thâm-thiết và trước-minh là dường nào.

Trước khi bàn về các học-thuyết luân-lý, hãng nên giải qua cái mục-đích và phương-pháp của luân-lý-học Thái-Tây thế nào. Theo chữ nho thời luân-lý-học là học về những lẽ luân-thường, nghĩa là cách người ta ăn ở với nhau trong xã-hội thế nào cho được hòa-bình, cho có trật-tự. Theo chữ tây cũng thế: chữ *morale*, nghĩa là sự học về cách ăn ở của người ta, nhưng không phải là cách ăn ở như hiện trong xã-hội, tức là cách ăn ở thế nào là nên là phải; cho nên có người giải nghĩa luân-lý-học là học về các nghĩa-vụ ở đời. Nghĩa-vụ là gì? Nghĩa-vụ là việc vì nghĩa phải làm. Phàm làm người đã có trí khôn, có tự-do, thời tiện-thị có nghĩa-vụ, nghĩa là có những việc trí-khôn mình, tự-do mình nó buộc mình phải làm, mình không muốn làm cũng được, không ai bắt, nhưng tự trong bụng mình biết rằng làm thời hay hơn, nên hơn, phải hơn. Vì nghĩa-vụ không phải là một sự cưỡng-bách như pháp-luật. Nghĩa-vụ là một lời khuyên của trí khôn, của lẽ phải, khiến cho người ta lấy quyền tự-do mà theo làm; càng không ai bắt lại càng phải nên làm, vì tự mình thấy như mình có trách-nhiệm ở đấy, trách-nhiệm đối với lương-tâm mình. Ấy người ta sở-dĩ hơn vạn-vật là biết có trách-nhiệm như thế.

Luân-lý-học đã là học về cách ăn ở của người ta, thời gốc là ở lòng người. Bởi thế nên các tiên-nho nước Tàu dạy về đạo xử-thế, thường hay bàn đến tâm-tính người ta. Âu-châu thời đã có hẳn một khoa-học riêng gọi là tâm-lý-học, chuyên xét về sự hoạt-động trong tâm-tính người. Luân-lý-học với tâm-lý-học có mật-thiết quan-hệ với nhau, đó cũng là một lẽ tự-nhiên vậy. Luân-lý-học là xét về đạo làm người nên thế nào là hay là phải; tâm-lý-học là xét tâm-tính người ta hiện thế nào: muốn định cho người ta thế nào là nên là phải, há chẳng phải biết người ta hiện thế nào rư? Vả tâm-lý-học là xét về các cơ-quan trong lòng người, các năng-lực của người ta, mà luân-lý-học tức là dạy cái cách lợi-dụng các cơ-quan, các năng-lực ấy thế nào cho xứng-đáng.

Trong vạn-vật duy có người ta là có cái quan-niệm rằng ở đời có sự tuy không ai bắt làm mà phải làm, có thể thời mới nên, có thể thời mới phải. Các giống vật khác đều có phép-tắc phải theo cả, nhưng nó theo mà nó không biết; giống nào đều có định-mệnh của giống ấy, nhưng nó khuynh-hướng theo cái số-mệnh ấy mà nó không biết, túng-sử biết cũng không thể đi sai ra ngoài cái số-mệnh ấy được; dù muốn hay dù không muốn cũng bị lẽ thiên-nhiên đưa-đẩy mà phải theo. Người ta cũng là một giống vật, đã là một giống vật thời cũng có những phép-tắc thiên-nhiên, không theo không được; cho nên trong đời người có một phần to không thuộc về quyền tự-do của người ta, người ta không thể nào can-thiệp vào được; phần ấy là phần sinh-lý, như sự ẩm-thực nam-nữ. Nhưng người ta lại được hơn các giống vật khác, là biết tri-giác sự sinh-hoạt của mình, biết bao-quát cả cuộc đời mình, biết băn-khoăn mà tự hỏi cái lý-do, cái mục-đích của đời mình

là thế nào. Ngoài cái phép-tắc thiên-nhiên, không thể nào tránh được, khác nào như một cái máy lớn mà người là một bộ-phận ở trong, máy quay mình cũng phải quay, người ta lại còn biết quan-niệm một cái phép-tắc tự do nữa, thuộc về tinh-thần, tự mình lấy làm nên làm phải, tùy ý mình muốn theo thời theo, muốn không cũng được, nhưng tự biết rằng theo thời mới nên mà không theo thời không nên. Bởi thế nên trong vạn-vật, duy có người ta là có thể tự mình cấu-tạo được cái vận-mệnh của mình; các giống khác thời nó theo vận-mệnh của nó mà nó không biết; duy người ta là có tư-cách dám ra tay mà gây-dựng lấy cuộc đời mình.

Này muốn chứng rõ sự ấy, cứ xét ngay các năng-lực trong tâm-tính người ta hành-động thế nào thời đủ biết. Cứ như tâm-lý-học đã phát-minh, thời người ta có ba cái năng-lực thuộc về tinh-thần: một là « ý-chí », là cái chí quyết muốn; hai là « trí-tuệ », là cái trí hiểu-biết; ba là « cảm-tình », là cái tình cảm-động. Ta thử xét ba cái năng-lực ấy vận-động ra làm sao.

Người ta là một giống có tính rất hoạt-động, nhưng sự hoạt-động ấy không phải là một cái sức mạnh vô-tri vô-giác đâu; người ta biết *quyết muốn*, nghĩa là trong hai ba đường hoạt-động, biết kén chọn đường nào là hơn là phải. Sự kén chọn ấy là tự-do, không gì ép-buộc, duy phải kén-chọn thế nào cho xứng-đáng, thế nào là phải là nên. Muốn kén chọn trái đi cũng được, không phải là không, nhưng kén chọn thế nào phải trách-nhiệm với lương-tâm mình như thế.

Người ta lại là giống biết tư-tưởng. Không những biết cảm-giác những sự ở quanh mình, không những biết quan-niệm những sự cảm-giác ấy, không những biết ghi nhớ và lý-hội các sự mình kinh-nghiệm, mà lại biết tưởng-tượng ra một cái lẽ phải cao hơn muôn sự ở đời, muôn sự đều phải tùy theo mô-phỏng vào đấy, nghĩa là người ta có tư-cách biết tưởng-tượng ra một cõi hoàn-toàn tuyệt-đích, gọi là cái « lý-tưởng » (*l'idéal*), cao hơn sự thực ở đời. Tư-cách ấy tức gọi là « lý-tính » (*la raison*). Lý-tính không những biết tưởng-tượng ra một cái phép-tắc hoàn-toàn tuyệt-đích cho sự-vật ở ngoài, mà lại biết tưởng-tượng ra một cái phép-tắc hoàn-toàn tuyệt-đích cho bản-thân người ta, nghĩa là biết rằng trong cách người ta cư-xử ở đời cũng phải có phép-tắc, cũng phải cho thế nào là nên là phải.

Sau nữa, người ta lại là giống có cảm-tình, và cái cảm-tình ấy lại thường biểu-lộ được cái tính cao-thượng của giống người. Tuy cảm-tình của người ta là đối với mình trước nhất, tuy người ta ai cũng có cái lòng tự yêu tự quí mình hơn cả (tức là cái lòng duy-kỷ), song cũng biết cảm-tình với kẻ khác, cũng nhiều khi biết thương yêu kẻ khác (tức là cái lòng vị-tha). Lại thường có cái lòng cảm-hoài tưởng-vọng cao-xa hơn nữa, khao-khát muốn cho hết thảy mọi sự đều được tốt đẹp, được tuyệt-phẩm cả. Bởi có lòng khao-khát như thế, nên hễ làm được sự gì hay, gần được cái cõi hoàn-toàn kia, thời thấy trong mình vui-vẻ khoan-khoái không gì bằng; trái lại, hễ làm sự gì dở, xa-cách cái cõi hoàn-toàn kia, thời thấy trong lòng buồn-rầu và hơi như hổ-thẹn.

Ấy cứ lấy tâm-lý-học mà chứng-minh cho luân-lý-học thời rõ tâm-lý và luân-lý quan-hệ với nhau mật-thiết là đường nào. Trong các khoa-học lấy bản-thân người ta làm đích, thời tâm-lý-học là gốc mà luân-lý-học là ngọn. Nhưng đã biết gốc là thế, ngọn là thế,

lại phải có một phương-pháp thế nào để lợi-dụng cái gốc kia mà gây nên cái ngọn này : phương-pháp ấy là sự giáo-dục vậy. Cho nên luân-lý-học không những có quan-hệ với tâm-lý-học mà lại có quan-hệ với sự giáo-dục nữa, ba khoa ấy thật là liên-lạc với nhau, không thể phân-dời được.

Nhà giáo-dục trước nhất phải thuộc tâm-lý-học, không phải là để cho biết cái cơ-quan trong lòng người mà thôi, cốt là để cho khéo lợi-dụng để đạt tới cái mục-đích của mình. Mục-đích nhà giáo-dục là thế nào ? Là gây-dựng cho thành người có nhân-cách hoàn-toàn. Bà Necker de Saussure là một nhà giáo-dục có tiếng ở nước Pháp về đầu thế-kỷ thứ 19, đã giải cái mục-đích sự giáo-dục như sau này: « Giáo-dục một đứa con trẻ là dự-bị cho nó có ngày làm trọn được cái chủ-nghĩa một đời nó. » Như vậy thời phải biết cái chủ-nghĩa đời người là gì. Tùy quan-niệm về cái chủ-nghĩa ấy thế nào thời cái phương-châm sự giáo-dục cũng theo đó mà thay đổi. Nay gây-dựng một đứa con trẻ thời nên gây-dựng ra phương-diện nào ? Đó là một vấn-đề rất quan-trọng cho sự giáo-dục, vì các năng-lực trong tâm-tính người ta muốn uốn-nắn ra phương-diện nào cũng được. Vả phàm làm sự gì phải biết cái mục-đích thế nào, thời mới biết nên làm ra làm sao.

Cổ-ngữ Âu-châu có câu rằng : « Người ta ai cũng phải biết tô lấy pho tượng của mình. » Phép giáo-dục chính là phép tô tượng đó : tự mình giáo-dục mình là tự tay tô lấy tượng mình ; ông thày giáo-dục đứa con trẻ là cầm trong tay một cái chất báu mà phải nặn thành hình, tô thành tượng. Nhưng nặn ra hình gì, tô ra tượng gì, tất-nhiên phải có một cái mẫu ở trước mắt thời mới khỏi sai-lầm vậy. Tâm-lý-học, giáo-dục-học chẳng qua là dạy cho người ta cái nghề tô tượng, chỉ cho người ta cái chất làm tượng, cùng những phương-pháp nên tô nên nặn thế nào ; nhưng kiểu-mẫu cái tượng thế nào, thời chính là luân-lý-học phải bày rõ ra cho ta biết.

Như vậy thời luân-lý-học, nhất là đối với nhà giáo-dục, quan-trọng biết bao nhiêu ! Luân-lý-học là định cái đích, chỉ cái hướng cho nhà giáo-dục phải theo đó mà thi-thố thời mới mong thành công chánh-đáng được.

Hoặc-giả có người nạn rằng : Luân-lý-học là chủ dạy sự đạo-đức cho người ta ; nhưng mà đạo-đức há là một món có thể dạy được sao ? Đạo-đức là một sự ở trong tâm-tính người ta, người nào vốn không có tâm-tính ấy thời đọc mấy mươi pho sách dạy luân-lý cũng không sao trở nên người đạo-đức được, cũng như người không có tài nghị-luận thời đọc mấy mươi pho sách về lý-luận-học cũng không sao bàn cho có lẽ được, hay là người không có tài diễn-thuyết thời đọc mấy mươi pho sách về tu-từ-học cũng không trở nên người biện-thuyết giỏi được. Cho nên ông Pascal đã có câu nói rằng : « Thật luân-lý không cần chi học luân-lý » (*La vraie morale se moque de la morale*), nghĩa là người ta miễn là có lòng ngay dạ thẳng thời là người đạo-đức, chớ có người chuyên-trị về khoa luân-lý-học rất thông-tường mà vị-tất đã có chút đạo-đức nào.

Lời biện-nạn đó không phải là không có lẽ. Có người bàn về các nghĩa-vụ rất sành-sỏi mà tự mình không làm được trọn nghĩa-vụ mình ; thật thế. Người vô-học mà biết làm lành ở tốt, còn hơn kẻ triết-học chỉ biết ngồi không nghị-luận, ngôn bất cố hành ; thật thế. Tuy vậy mà thử ngẫm-nghĩ cho kỹ thời biết rằng luân-

lý-học không phải là không có ích-lợi cho người đời.

Vẫn biết rằng luân-lý-học không thể làm cho người không có bụng tốt thành ra có được, nhưng mà người đã sẵn có bụng tốt tự-nhiên mà lại biết suy-nghĩ nữa, biết hiểu cái lý-do sự hành-vi của mình, biết cái lẽ sở-dĩ làm sao mà việc này tốt, việc kia xấu, việc này nên, việc kia không nên, thời chẳng hơn là người có bụng tốt mà mang-nhiên không biết gì rư? Phàm sự học-vấn bao giờ cũng là hay, huống lại học về cách ăn-ở trên đời thời lại càng hay biết bao nhiêu, vì người ta ở đời còn gì quan-trọng cần phải biết hơn là cái bổn-phận làm người?

Vả lại theo lời nói của ông Guizot: « Cái ánh sáng tự-nhiên nó vẫn hay mập-mờ », nghĩa là không học mà biết thời sự biết ấy không lấy gì làm chắc-chắn cho lắm. Ở đời, lúc bình-thường mà làm được trọn đạo cũng đã khó thay, huống gặp những khi nguy-biến, trong lòng bối-rối, công việc mênh-mang, nếu không có một cái phép-tắc nào để nương-tựa, để noi theo, mà chỉ bằng ở cái lòng đạo-đức tự-nhiên mà thôi, thời cũng khó lòng mà ăn-ở cho nhất-thiết chánh-đáng được. Đã hay rằng người ta ai cũng có cái quan-niệm tự-nhiên về sự nghĩa-vụ: song chẳng qua là biết mang-máng rằng ở đời có việc nên làm, có việc không nên làm; còn việc gì là việc nên làm, việc gì là việc không nên làm, vì lẽ gì mà nên làm, bởi cớ gì mà không nên làm, hay là gặp cảnh-ngộ nào là nên làm, vào trường-hợp nào là phải tránh, thời phi người đã có học-thức, đã từng suy-nghĩ, cũng khó mà biết được. Cho nên ông Guizot lại có câu nói rằng: « Ở vào thời-buổi rối-loạn, nhiều khi làm việc nghĩa-vụ không khó bằng biết việc nghĩa-vụ ở đâu mà làm. » Vậy thời việc nghĩa-vụ có thể học được, đã có thể học được thời tất có thể dạy được. Ấy luân-lý-học có ích-lợi là thế.

Sau này lại còn một lẽ nữa, là cái luân-lý phổ-thông trong xã-hội, cái luân-lý mà người ta từ khi lọt lòng mẹ ra đã nhiễm lấy rồi, cái luân-lý mà những kẻ vô-học thường theo mà không biết tấy, phần nhiều cũng là gốc ở sự suy-nghĩ, sự học-vấn mà ra. Cái luân-lý phổ-thông ấy khác nào như một tấm lương-tâm chung của xã-hội, mà tấm lương-tâm này mỗi thời-đại có khác nhau, khi lên khi xuống, khi thấp khi cao, rút lại cũng là chịu ảnh-hưởng những học-thuyết của các bậc tri-thức suy-tầm nghiền-ngẫm mà khởi-xướng ra. Tùy các học-thuyết ấy hay hay-là dở mà cái lương-tâm chung kia tiến hay là thoái, vì nó là một vật rất bất-thường, có khi trụy-lạc suy-đồi, có khi thanh-cao phấn-phát. Xét lịch-sử thời cái lương-tâm chung của các xã-hội từ xưa đến nay tiến-hóa cũng đã nhiều, coi như cái tục mãi-nô, nghĩa là tục buôn-bán người ta làm nô-lệ, đời nay ở các nước văn-minh dẫu người rất ngu-dốt cũng cho là một tục ác-liệt không thể dung được, vậy mà đời xưa đến những bậc đại-hiền đại-triết cũng cùng với xã-hội công-nhận là một sự thường, xem thế thời đủ biết.

Như vậy thời trong một quốc-dân, một xã-hội nào, muốn cho người ta ăn-ở cho hòa-bình, làm-ăn được thịnh-vượng, há chẳng cần phải truyền-bá những học-thuyết luân-lý hay để dạy cho người ta biết cái đạo chánh-đáng mà theo rư? Một nước mà thịnh hay suy là do người ta hay hay dở; vậy thời muốn cho nước được phú-cường thịnh-trị phải làm cho cái lương-tâm chung trong xã-hội càng ngày càng tăng-tiến thêm lên. Nay không

nói đến phương-diện xã-hội, cứ lấy cái phương-diện cá-nhân mà xét, người ta dẫu học gì cũng có ích, hoặc là có ích cho bản-thân mình, hoặc là có ích cho đường sinh-kế, nhưng trong các sự học, học để làm người, há chẳng phải là cái học thiết-yếu hơn cả ru? Trên kia đã mượn câu của ông PASCAL để bác luân-lý-học, nay lại mượn câu khác của ông để chứng rằng luân-lý-học là có ích. Ông nói rằng : « Lúc phiền-muộn trong lòng, dẫu tôi biết trăm nghìn sự khác mà không biết cái đạo làm người, cũng không thể giải phiền cho tôi được ; nhưng nếu được biết cái đạo làm người mà không biết sự gì ở ngoài nữa, thời như thế cũng đủ làm cho tôi được vui lòng mãi-mãi. »

. . .

Ấy cái quan-niệm về luân-lý-học của các học-giả Âu-châu vừa cao-thượng, vừa thiết-thực và vừa quan-hệ cho đời người như thế. Các tiên-nho nước Tàu thường gồm cả tâm-lý-học, luân-lý-học, và chính-trị-học, thần-học, triết-học làm một, cho nên lời bàn có khi viển-vông mà không được xác-tạc. Trong các học-thuyết luân-lý của Tàu, một phần nhiều là bàn về tâm-tính, mà coi tâm-tính như một vật hư-linh huyền-diệu, không phải là một cái hiện-tượng có thể kinh-nghiệm mà quan-sát được, như trong khoa tâm-lý của Thái-Tây. Các học-giả Âu-châu thời không thế : các học-giả Âu-châu phân-biệt luân-lý-học với các khoa-học khác thuộc về tinh-thần, như tâm-lý, triết-học, v. v., và định cho luân-lý-học một cái mục-đích rõ-ràng, một cái phạm-vi nhất-định : phạm-vi ấy là gồm cả các sự ăn-ở của người ta ở đời, mục-đích ấy là chỉ cho người ta cách ăn-ở thế nào là xứng-đáng, là hợp với cái chủ-nghĩa làm người ; nói tóm lại thời giải nghĩa luân-lý-học là cái thuật cư-xử ở đời (*la morale est l'art de vivre*). Luân-lý-học đã định-nghĩa rõ-ràng như thế, nên các học-giả không hề vượt ra ngoài phạm-vi, và chỉ chuyên-tâm nghiên-cứu về các điều bổn-phận, các việc nghĩa-vụ của người ta, trước là đối với bản-thân mình, sau là đối với gia-tộc, với quốc-gia, với xã-hội, với cả nhân-loại, trình-độ tuy càng lên càng cao, mà gốc cũng là ở sự hành-vi của con người ta cả. Bởi thế nên luân-lý-học của Thái-Tây xét kỹ ra có cái tính-cách thiết-tha về nhân-sự hơn là luân-lý-học của Tàu. Song tuy thiết về thực-sự mà không phải là không trọng về nguyên-lý, duy lấy nguyên-lý làm gốc cho thực-sự mà thôi. Cho nên luân-lý-học thường chia ra làm hai bộ-phận : một là « thuyết-lý luân-lý » (*morale théorique*), chủ xét các nguyên-lý về sự đạo-đức ; hai là « thực-tiễn-luân-lý », chủ về cách ứng-dụng các nguyên-lý ấy ra việc đời.

Cứ thực thời phạm luân-lý-học là thuộc về lý-thuyết cả, vì chẳng qua là định đại-khái những phép-tắc ăn-ở cho người ta, còn sự hành-vi là việc riêng của mỗi người. Nhưng trước nhất phải định rằng người ta ở đời có nghĩa-vụ ; lại phải giải rằng nghĩa-vụ là gì, bản-thể nó thế nào ; lại phải phân-biệt nghĩa-vụ khác sự vui-thú, sự ích-lợi, sự hạnh-phúc thế nào ; nói tóm lại là phải định đại-cương về các nghĩa-vụ ở đời, người ta dù ở vào cảnh-ngộ nào, chuyên về công-việc gì, cũng phải biết ; đó là cái mục-đích riêng của khoa thuyết-lý-luân-lý.

Nhưng những nghĩa-vụ chung ấy lại tùy mỗi cơ-hội, mỗi cảnh-ngộ ở đời, mà khác đi. Mục-đích của khoa thực-tiễn-luân-lý tức là chỉ cho người ta những nghĩa-vụ ấy ứng-dụng ra mỗi cảnh-ngộ, mỗi cơ-hội thế nào, nghĩa là dạy cho

người ta gặp mỗi khi ở đời phải ăn-ở ra thế nào. Nói tóm lại thời thuyết-lý-luân-lý là nói chung về nghĩa-vụ làm người, mà thực-tiễn-luân-lý là nói riêng về từng nghĩa-vụ một. Bởi thế nên có chia nghĩa-vụ ra làm nhiều hạng.

Trước nhất hẳng lấy người ta đứng đan-độc một mình, cũng có nghĩa-vụ với mình (đó tức gọi là bản-thân-luân-lý) ; rồi lấy người ta đứng giữa trong vạn-vật, cũng có nghĩa-vụ với các loài ở quanh mình, nhất là những giống động-vật có ích-lợi cho mình ; sau đến người ta đứng trong xã-hội là nơi trường-sở chân-chính của mình, phải có nghĩa-vụ đối với các kẻ đồng-loại mình (tức gọi là xã-hội-luân-lý) là phần quan-trọng đệ-nhất trong luân-lý-học ; song đó là những nghĩa-vụ chung với mọi người trong cái xã-hội lớn của nhân-loại ; ngoài cái xã-hội lớn ấy lại còn những xã-hội nhỏ, tức là những đoàn-thể như gia-tộc (gia-tộc luân-lý), quốc-gia (công-dân luân-lý), vạn-quốc là gồm cả các quốc-gia (quốc-tế luân-lý hay là vạn-quốc công-pháp), trong mỗi đoàn-thể ấy người ta đều có những nghĩa-vụ riêng. Sau hết thời đến tôn-giáo-luân-lý, dạy về nghĩa-vụ người ta đối với cái Đệ-nhất Nguyên-lý (*la Cause première*) trong vũ-trụ, cái đệ-nhất nguyên-lý này tùy mỗi đạo-giáo có khác nhau, hoặc gọi là Thái-Cực, Thái-Huyền, hoặc gọi là Thiên-Đế, Thiên-Chúa, khi thì coi là một cái lý-tưởng hồn-nhiên, thuần-nhiên, khi thời coi như một đấng hoàn-toàn tuyệt-đích, làm mô-phạm cho loài người.

Nay luân-lý-học muốn nghiên-cứu bấy nhiêu vấn-đề thời phải dùng phương-pháp gì? Luân-lý-học là thuộc về hạng khoa-học nào? Có phải là một khoa-học suy-diễn chứng-giải không (*science déductive et démonstrative*)? Có mà không. — Có là lấy cái nghĩa rằng sự nghĩa-vụ cũng có cái tính đích-xác như trong số-học. Nghĩa-vụ đã truyền phải làm gì thời là truyền một cách hoàn-toàn tuyệt-đích, cho nên hễ phép-tắc đã định rồi, thời cứ việc suy đấy mà luận ra, nghĩa-vụ đã định rồi thời cứ việc suy đấy mà làm ra, không còn phải hỏi nên châm-chước thế nào nữa. Nhưng đó là nghĩa-vụ đã định rõ-ràng rồi thời mới suy-diễn được đích-xác như thế. Đang khi còn phải tìm nghĩa-vụ ở đâu thời không thể dùng phép suy-diễn được. Chỗ khởi-điểm tất là phải ở trong sự-thực : muốn trừu-tượng lấy cái quan-niệm thuần-tuy chân-chính về nghĩa-vụ thời phải dùng phép qui-nạp, (*méthode inductive*) phải do sự kinh-nghiệm trong tâm-lý, do sự hành-vi của người ta, rồi nơi cao mãi lên mà trực-giác tưởng-tượng ra một cái lẽ hoàn-toàn tận-thiện, tức là nghĩa-vụ vậy.

Trong việc qui-nạp trừu-tượng đó, bao nhiêu năng-lực trong tinh-thần người ta đều hoạt-động cả. Theo khoa lý-luận-học thời người ta phàm nghiên-cứu sự gì, muốn tìm lấy chân-lý, muốn chứng ra sự thực, phải có thành-tâm, phải biết tin mình, tin ở lẽ phải mới được. Đối với luận-lý-học, sự thành-tin đó lại càng cần lắm. Ông PLATON là nhà đại-triết-học nước Hi-lạp đời xưa đã có câu nói rằng : « Muốn học triết-lý phải đem cả tâm-tư mà học mới được ». Muốn học luân-lý cũng vậy, không thể lấy bụng hoài-nghi mà học được, vì những điều đạo-lý là những điều như lời ông PASCAL đã nói « phải có lòng yêu-mến thời mới thấu-hiểu được. » Lại một nhà làm sách đời nay có câu nói rằng : « Người ta có quyết chí ăn-ở theo phép-tắc thời mới tìm thấy phép-tắc mà theo ; muốn tìm được sự thực

phải tìm lấy điều lành trước đã. » Lại nói rằng : « Hễ người ta có lòng chân-chính thời tất tìm thấy lẽ phải ; không có trí-tuệ soi-sáng thời lòng chính-trực có khi sai-lạc, nhưng mà không có lòng chính-trực thời trí-tuệ cũng chẳng phát-minh được gì »

Nói tóm lại thời luân-lý-học tuy không có cái tính đích-xác như số-học hay là các khoa thực-học khác, tuy không thể lấy sự thí-nghiệm mà chứng-giải được, nhưng cũng có một lẽ phải tất-nhiên ; muốn cảm-giác, muốn thấu-hiểu cái lẽ phải ấy, thời phải có lòng thành-tín, mà phải đem cả tâm-tư mà khuynh-hướng vào thời nó mới biểu-lộ ra. Chí mình đã quyết theo, lòng mình đã hâm-mộ, thời tự-khắc nó xuất-hiện ra rõ-ràng, nó đã xuất-hiện ra thời nó có cái sức rất mạnh, không có cái chân-lý, không có sự kinh-nghiệm của khoa-học nào sánh tầy.

(Còn nữa)

THƯỢNG-CHI.

MỘT CÁI THƯƠNG CHO BÁO-GIỚI BẮC-KỲ

Báo-giới quốc-văn ở Bắc-kỳ mới phải một cái thương : ông cử PHAN KẾ-BÍNH, biệt hiệu BƯU-VĂN, là trợ-bút báo *Trung-Bắc tân-văn* mới tạ-thế ngày 30 tháng 5 tây năm 1921 ở nguyên-quán ông là làng Thụy-khuê, thuộc huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-đông, gần thành-phố Hà-nội, thọ 46 tuổi. Ông PHAN là một tay kỳ-cựu trong báo-giới, đặt mình vào trường ngôn-luận trước sau mười-bốn mười-lăm năm trời. Văn-chương tài-học của ông thế nào, những bậc tri-thức trong quốc-dân ta chắc đã biết cả ; ngày nay cứ dở những tập *Đăng-cổ tùng-báo*, *Đông-dương tạp-chí*, *Trung-Bắc tân-văn* cũ, thời thấy không có tuần nào là không có tên ông trên báo. Nhưng cái công dịch-thuật trước-tác của ông, tựu-trung có giá-trị nhất là tập *Nam-hải dị-nhân*, hiện Chính-phủ đã có nghị-định đặt làm giáo-khoa-thư ở các trường trung-học, tập *Hưng-đạo đại-vương*, hai quyển ấy đã in thành sách ; còn tập *Việt-Nam phong-tục* và *Việt-Hán văn-khảo* đã đăng trong *Đông-dương tạp-chí* năm xưa mà chưa từng in riêng ra sách. Nên ước-ao rằng báo-quán *Trung-Bắc tân-văn* sẽ đem in mà xuất-bản hai quyển ấy, thời chắc quốc-dân sẵn lòng hoan-nghênh vì là những sách đứng-đắn, có giá-trị, không giống những tập thơ-văn mới xuất-bản gần đây.

Ông cử PHAN thật là một bậc chân-nho, tài-học đã cao mà đức-hạnh lại tốt, chẳng may mất sớm, ai biết tiếng biết người cũng phải ngậm-ngùi thương tiếc ; thật là một sự thiệt-thòi to cho làng văn quốc-ngữ ta mới nhóm thành. Hôm đưa đám ông, ngày mồng 1 tháng sáu tây, bản-chí chủ-bút có đọc bài viếng như sau này để tỏ lòng thương-tiếc của đồng-nhân đối với ông cử PHAN KẾ-BÍNH :

« Thưa các Ngài,

« Hôm nay chúng ta đến đây đưa linh-cữu ông cử Phan Kế-Bính ra huyệt, tôi xin phép các ngài đọc mấy lời kính viếng vong-linh ông cử Phan.

«Tuy đương lúc buồn-rầu này, một tiếng thở dài thương tiếc, vài hàng nước mắt chứa-chan, còn bằng mấy mươi bài diễn-thuyết, song một người tài-học đức-hạnh như ông, bình-sinh đã từng cúc-cung tận-tụy với xã-hội, đem ngọn bút tâm-huyết mà cảnh-tỉnh cho kẻ đồng-bào, đến khi từ-biệt cõi trần-gian để vào trong giấc ngủ vô-cùng, những người ở lại, mong nối nghiệp ông, cũng phải giãi-tỏ chút nhớ thương, để gọi là biểu-dương cái tài-đức một kẻ đàn anh đi trước, phô bày cái gương tốt cho người hậu-tiến noi theo.

«Ông cử Phan vốn sinh-trưởng trong nho-học, lại gặp phải buổi nho-học thất-dụng với đời. Như người ta ra, thời dễ sinh lòng chán-nản, hoặc là mang cái tư-tưởng ẩn-độn, hoặc là làm ra giáng-bộ ngông-cuồng. Hai cái thái-độ ấy đều không hợp với tính-cách ông là người siêng-cần cẩn-thận. Hồi bấy giờ giữa là lúc ông Nguyễn Văn-Vĩnh mới ra khai-trương nghề làm báo và trước-thuật bằng quốc-văn ở Bắc-kỳ. Một người tân-học, một người cựu-học, không hẹn mà gặp nhau, khác tính mà tri-ngộ. Ông Nguyễn mới xướng ra cái chủ-nghĩa" vận-mệnh nước Nam ta sau này hay dở thế nào là ở chữ quốc-ngữ", chủ-nghĩa ấy bấy giờ chắc còn chưa được mấy người hiểu rõ. Nhưng ông Phan là người trầm-mặc, hay biết nghĩ xa, chắc trong bụng đã dự-liệu mà hiểu rằng cái phương-châm thời-thế mới là ở đó, không phải tìm đâu xa. Từ bấy đến nay, ông với ông Nguyễn không hề dời nhau, hai người như làm lẫn lót lẫn cho nhau, mà cùng ra tay gây-dựng cái nền văn mới cho nước nhà. Sự-nghiệp làm báo của ông, trước ở *Đăng-cổ tùng-báo*, sau đến *Đông-dương tạp-chí*, rồi tới *Trung-Bắc tân-văn* và *Học-báo* ngày nay thế nào, đã có các ngài trong Trung-bắc báo-quán tự-thuật, chắc được tường hơn. Tôi nay chỉ xin tỏ lòng kính phục ông là một bậc đàn anh đã có công to với quốc-văn trong buổi gây-dựng này.

«Tây-nho có câu rằng: «Văn tức là người», nghĩa là người sao văn vậy văn là cái hình-ảnh chân-chính của tâm-tính người ta. Ông cử Phan làm người thế nào, cách giao-tiếp, cách xử-sự thế nào, xin để các ngài đồng-sự với ông trong báo-quán Trung-Bắc nói mới đích-đáng. Nay cứ đọc văn ông cũng đủ hiểu được nhân-cách ông thế nào. Văn ông thứ nhất là có cái vẻ thuần-túy. Đương buổi quốc-văn mới nhóm thành, chưa có phương-châm nhất-định, nhà làm văn dễ hay múa-may ngọn bút mà viết ra những lời chếch-lệch chông-chênh, giữ cho được cái vẻ thuần-túy đó, thật cũng khó thay!

Nhưng văn-chương ông sở-dĩ thuần-túy cũng là bởi tính-cách ông là người thuần-túy. Ôi! ở vào buổi đời này, mới cũ giao nhau, Á Âu xung-đột, không những lời ăn tiếng nói thường có giọng chông-chênh, mà tư-cách người ta cũng không khỏi bác-tạp. Mấy người đã đem thân ra tri-trục với đời mà trọn đời giữ được vẹn cái nhân-cách thanh-cao? Ông cử Phan thật là một người như thế. Ông đã tầm-nhuần cái đạo-học của Khổng Mạnh, ông lại biết đem cái đạo-học ấy mà ứng-dụng ra đời, nhưng ứng-dụng ra một cách ôn-hòa uyển-chuyển, không có khăng-khăng ra mặt thủ-cựu, cũng không có xuẩn-xuẩn mà cô theo thời, nhất-thiết lấy cái đạo *trung-dung* của thánh-hiền làm tiêu-chuẩn. Ở một thời-đại cái gì cũng có ý thiên về thái-quá mà biết lấy hai chữ *trung-dung* làm đạo tu-thân, làm phương xử-thế, há chẳng phải là cái tâm-thuật một người đạt-nhân quân-tử ru?

« Than ôi! nước nhà đương buổi nhu-tài, mà một người có tài-học, lại có đức-hạnh, không được sống lâu để làm việc công-ích, thật cũng đáng tiếc thay! Nhưng mà người mất tiếng còn, những lời tâm-huyết cũng còn đó, đi đâu. Sau này, ngày qua tháng lại, cách mấy mươi năm, những hàng con em ta, tay cầm quyển *Nam-hải-dị-nhân*, nhờ đó mà được biết sự-nghiệp các bậc anh-hùng, hào-kiệt, chí-sĩ, cao-nhân của nước nhà, tất cũng nhớ đến tên người đã có công biên-tập ra sách ấy là ông cử Phan Kế-Bính vậy. Còn bọn ta đã được quen biết ông, đã được đọc văn ông, thời chắc không bao giờ quên được nữa.

« Ông cử Phan ôi! chúng tôi thương ông, chúng tôi tiếc ông, thương tiếc ông là người có đức có tài. Linh-hồn ông dù lên chốn thiên-đường hay vào nơi cực-lạc, chắc cũng không quên cái sự-nghiệp lúc sinh-thời, và sẽ ra công phù-hộ cho quốc-văn ta ngày một tân-tới, như vậy thời dù thác cũng như còn.

« Sau này xin có lời chia buồn cùng quí-quyến và các ngài trong báo-quán *Trung-Bắc-tân-văn*. »

N. - P.

VĂN-MINH ÂU Á KHÁC NHAU THẾ NÀO

ĐỘNG-VĂN-MINH VÀ TĨNH-VĂN-MINH

Ít lâu nay, người nước ta đang xu-hướng Âu-phong mỗi ngày một thịnh : lớn từ việc chính-trị, pháp-luật, học-thuật, nhỏ cho đến việc cư - xử ăn-mặc, nam-nữ giao-tế, chỉ lo cải-cách không mau, bộ-vũ không hệt. Vô-luận những sự phù-hư hủ-bại cũng nên sửa đổi đã đành, còn bao nhiêu phong-hóa di-truyền, đạo-đức vốn có từ mấy nghìn năm đến giờ, để làm cơ-sở dựng thành một nước bán-khai, cũng toan ruồng-rẫy đi cho hết. Thậm đến nỗi có người từ xưa vốn giữ cái chủ-nghĩa bảo-tồn quốc-túy, đến nay cũng xoay ra xu-hướng phong - trào. Song từ khi hai cái văn-minh mới cũ xung-đột cùng nhau, trong gia - đình đã nghe có tiếng phàn-nàn : « ân-tình lạnh-nhạt, lễ-nghĩa đảo-điên » ; trong xã-hội đã thấy có lời bình-nghị : « dân-trí càng phát-đạt, sinh-kế càng khó-khăn, tập-tục càng kiêu-sa, tội ác càng thâm-trọng. » Lại đến ngày phát-sinh ra cái họa Âu-chiến, ảnh-hưởng náo-động đến cả hoàn-cầu, thấy các nước văn-minh đem khoa - học chế ra lợi - khí, để tàn-sát đồng-loại, tình thương trạng thảm trong lịch-sử Á-đông chưa hề có thấy, cổ-kim thế-giới chưa hề có nghe, bấy giờ ai nấy bâng-khuâng, tấm lòng sùng-bái lại sinh ra cảnh-tượng hoài-nghi, không còn lấy đạo-lý công - nghiệp nào đủ làm bằng - cớ cho người ta tin cậy được.

Vậy sự khảo-sát giá-trị hai cái văn-minh mới cũ, cái nào là chân, cái nào là ngụy, tính-chất hai cái xã-hội Âu-Á, điều gì là dị, điều gì là đồng, cũng là cái vấn-đề trọng-yếu cho chúng ta ngày nay lắm. Nhân đọc *Đông-phương tạp-chí* có bài « Động-văn-minh và tĩnh-văn-minh », lược dịch mấy đoạn như sau này, để làm vật - liệu cho chúng ta thẩm - phán.

∴

Văn-minh là vật sinh-sản của xã-hội. Xã-hội sinh ra văn-minh, cũng như thổ-địa sinh ra cây cỏ. Mọi loài cây cỏ tùy tính-chất thổ-địa mà có khác, thì văn-minh các nước cũng phải tùy tính-chất xã-hội mà có khác. Xét trong lịch-sử Âu-Á, xã-hội thành-lập có hai điều trọng-yếu khác nhau :

1° Một là xã-hội Âu-châu bởi nhiều dân-tộc khác nhau hội-họp mà thành-lập. Như dân Hi-lạp (Grecs), Lạp-đinh (Latins), Nhật-nhĩ-man (Germains), Tư-lạp-phu (Slaves), Do-thái (Juifs), Mã-kì - đốn (Macédoniens), Hung - nô (Huns), Ba-tư (Perses), Thổ-nhĩ - kì (Turcs), đều tự Á thiên vào ở Âu, cùng nhau tranh-đấu trước sau hơn mấy trăm năm, cho đến việc Âu-chiến ngày nay vẫn còn là dân-tộc tranh-chiến. Xã-hội Á-đông như Mông 蒙, Mãn 滿, Hồi 回, Tạng 藏, Hán 漢, cùng các Miêu-tộc 苗 ở Nam-phương, tiếng nói phong-tục có khác nhau mà diện-mạo nước da như một, hỗn - hợp đã lâu thành ra đồng-hóa, tựu-trung những lúc Nam-bắc phân-tranh, quân hùng cạnh-trục, cũng có xảy ra những phen tranh-chiến, chẳng qua là dấu hưng vong một họ một triều trong thời-kỳ ngắn-ngắn, bộ - phận nho - nhỏ, thật không phải là dân-tộc cạnh-tranh. Còn như việc chinh-phạt tứ-phương cũng là để tỏ uy-đức đế-vương mà giữ cho yên nơi biên - bỉ. Không phải là chủ-nghĩa xâm-lược.

2° Hai là xã-hội Âu - châu phát-đạt ở các hải-khẩu hải-đảo, các nước giao-thông tiện-lợi ở đường buôn-bán. Của xứ này thiên sang xứ khác, tranh khôn

trục lợi cho nên việc tranh-cạnh lại càng gớm-ghê. Xã-hội Á-đông phát-đạt ở giữa hai đại-lục, bên giang-hà, thổ-địa tốt, sản-lợi nhiều, tiện-lợi ở đường nông-tang ; nhân-dân đều an-cư lạc-nghiệp, cho nên việc cạnh-tranh cũng ít.

Hai cái xã-hội thành-lập đã khác nhau như thế, cho nên cái quan-niệm nhân-dân đối với xã-hội cũng có khác nhau. Người Âu-châu lấy cạnh-tranh làm sinh-tồn, lấy trí-lực để duy-trì xã-hội. Nếu không đủ sức đối-kháng, tức là không có tư-cách sinh-tồn. Người Á-đông lấy an-phận làm sinh-tồn, lấy tương-an làm duy-trì xã-hội. Nếu hay sinh sự nhiễu-hại, tức là không có tư-cách sinh-tồn. Vì người ta bảo nhất-thiết mọi loài là tự trời sinh ra cả, trời đã sinh ra loài người, tất đã phú-dữ cho người ta đủ thông-minh tài-lực mà mưu sinh-tồn. Như câu nói : « *Thiên bất sinh vô-lộc chi nhân* » (天不生無祿之人). Ấy là minh-chứng cái ý-nghĩa : người ta sinh ra bởi tự-nhiên.

Tư-cách hai cái xã-hội khác nhau, một là cạnh-tranh xã-hội, một là tự-nhiên xã-hội, thì sinh ra sự-nghiệp văn-minh tự-nhiên có nhiều điều sai-dị ; nay lược thuật mấy mối như sau này :

a) Người Âu-châu lấy mọi sự thiên-nhiên là ác, phải có sức người kinh-doanh sửa trị mới là tận-thiện. Người Á-đông lấy mọi sự nhân-vi là ác, phải biết tuần thiên-lý, thuận thiên-mệnh mới là tận-thiện.

b) Cách sinh-hoạt của người Âu-châu thường thường hướng-ngoại, nghĩa là mỗi người trong xã-hội phải biết ra ngoài mà kiếm ăn, phải đua trí đua sức, cầu tinh cầu công, kẻ này đối với người khác mà sinh quan-hệ ; nhất-thiết văn-minh trong xã-hội cũng bởi tranh-cạnh mà ra. Cách sinh-hoạt của người Á-đông thường thường hướng-nội, nghĩa là mỗi người trong xã-hội phải hết sức mình mà kiếm ăn, phải cần-lao tiết-kiệm, thủ-phận an-thường, người này đối với người khác đều không xâm-hại nhau ; nhất-thiết văn-minh trong xã-hội đều bởi hòa-bình mà ra.

c) Trong một xã-hội Âu-châu có nhiều đoàn-thể : như các địa-phương, các giai-cấp, các quốc-gia, các dân-tộc, đều kết thành đoàn-thể mà nhân-cách cũng khác nhau. Đoàn-thể nào cứ giữ lấy nghĩa-vụ và quyền-lợi của đoàn-thể ấy làm chủ ; vì cá-nhân tranh-cạnh không được thắng-lợi bằng công-đồng tranh-cạnh, cho nên kết-cục đoàn-thể cũng là để tranh-cạnh đối-đãi cùng nhau. Trong một xã-hội Á-đông không có đoàn-thể, gọi là thành-chấn địa-phương, chẳng qua nhân địa-lý mà đặt tên, gọi là tỉnh, phủ, huyện, xã, cũng là nhân phép cai-trị mà khu-hoạch, cho đến nước này nước khác cũng là cương-vực phong-kiến của các vương-hầu đời trước. Ngoài nước là thiên-hạ, gọi là Man, Di, Nhung, Địch, cũng là dòng-dõi các đế-vương đời xưa. Đất ở có chỗ gần chỗ xa, phong-túc có nơi văn nơi chất ; theo lễ trung-thổ thì gọi là « Hạ », trái lễ trung-thổ thì gọi là « Di ». Các đứng vương-giả chưa hề có phân nội ngoại, biệt chủng-tộc. Cứ lấy tự mình làm gốc, suy ra họ-hàng, ra bạn hữu, ra hương-đảng, ra nước nhà, ra thiên-hạ, ra nhân-loại, ra thứ-vật, tự thân đến sơ, từ gần đến xa, không sai-dẳng cho nên cũng không xung-đột.

d) Xã-hội Âu-châu đã lấy cạnh-tranh làm điều trọng-yếu trong đạo sinh-tồn, cho nên coi thắng-lợi hơn là đạo-đức. Mà đạo-đức cũng là cái để duy-trì lấy thắng-lợi. Những điều đã qui-định để làm tiêu-chuẩn cho người trong lúc giao-tế cùng nhau, gọi là đạo-đức, cho nên

đạo-đức hay chú - ý ở công - đức, mà giữ lấy tự-do cho cá-nhân. Phàm mưu-đồ ích - lợi cho mình, khôi - trương quyền-lợi cho mình, hưởng-thụ tài-sản của mình, đều là nghĩa chính-đáng trong đạo-đức. Xã-hội Á-đông lấy trọng nghĩa khinh lợi làm cao-thượng, lấy điều thắng-lợi có phương-hại đến đạo-đức. Cho nên những nhà giáo-dục chỉ nói nhân-nghĩa, ít nói đến chữ lợi. Lấy vô - tranh vô - cạnh làm cao-thượng, lấy thanh - tâm quả - dục mà tu-thân : phàm những việc mưu-đồ ích-lợi, tranh - chiếm quyền - lợi, hưởng-thụ sa-sỉ tài-sản của mình, đều là sự không dung trong đạo-đức.

e) Xã-hội Âu-châu không lúc nào không ở trong tranh - chiến. Những lúc hòa-bình cũng là cái thời-kỳ nghỉ-ngơi sau khi tranh-chiến, hay là thời-kỳ dự-bị tranh-chiến. Tranh-chiến là thường mà hòa-bình là biến. Xã - hội Á-đông thời lo tránh cho khỏi tranh-chiến. Có khi nhân đất ít người nhiều, sinh-kế bức-bách, tránh không thể tránh cũng có sinh ra tranh - đoạt nhiễu-loạn. Song tranh-chiến cũng là để khôi-phục hòa-bình, hòa-bình là thường mà tranh-chiến là biến. Cứ trên lịch-sử mà xem, xã-hội Âu-châu là xã-hội « sinh-tồn cạnh-tranh », xã-hội Á-đông là xã-hội « nhất trị nhất loạn ».

Những điều đã thuật bên trên là lấy hiện-trạng hai cái xã-hội kết-quả khác nhau là thế : một bên chủ tranh-cạnh, một bên chủ tự-nhiên. Nói tóm lại thì xã-hội Âu-châu là xã-hội chủ *động*, xã-hội Á-đông là xã-hội chủ *tĩnh*. Chủ động cho nên phát-sinh ra những sự-nghiệp văn-minh hoạt-động, chủ tĩnh cho nên phát-sinh ra những sự-nghiệp văn-minh bình-tĩnh.

« Động-văn-minh » và « tĩnh-văn-minh » đều có cảnh - thú đặc - biệt : động-văn-minh như cảnh thành - thị, có thú phiền-hoa ; tĩnh-văn-minh như cảnh điền-viên, có thú đạm-bạc.

Người Đông-Á mà mộ cái văn-minh Âu - châu, cũng như nông - phu mục-đồng mới ra kẻ-chợ, mới thấy xe ngựa dập-dìu, hàng-hóa đầy giẫy, gái trai tuấn-tú, ăn ở hào-hoa, làm cho rối-loạn tai-mắt, mê-mẩn tâm-thần, tưởng mình được sinh-trưởng ở đó, thì nhất-sinh khoái - lạc là dường nào. Biết đâu ở chốn thành-thị, lại không có người đang đinh tai lộng óc trong trường cướp lợi tranh danh, có người đang thối ruột nát gan giữa lúc vào sinh ra tử.

Người Âu-châu đối với cái văn-minh Đông-Á, chưa chắc có cùng một cái quan-cảm ấy. Song xem những lời ký-thuật của người du-lịch trong mấy tỉnh Điền-Thục (滇蜀), thường tương-tiếp với xã-hội tối-cựu ở Trung-hoa, có nói rằng : « Văn-minh Âu-Mĩ khiến cho người ta tao-nhiễu cả ngày, không được một lúc nào nghỉ-ngơi. Muốn đem cái phong - vị chân-thật chất-phác của Á-đông mà chữa cái bệnh nhiệt chung cho người Âu-Mĩ. » Ấy là lời minh - chứng người thành-thị lại mộ thú điền-viên.

Lấy hiệu-quả văn-minh hai cái xã-hội khác nhau mà luận : Người trong xã-hội động-văn-minh có tính - chất mạo-hiểm dũng - cảm, hay ra ngoài mà sinh-nhai, vì thế mà đường sinh-hoạt ngày được phong-phú ; người trong xã-hội tĩnh-văn-minh có tính-chất cần-kiệm bảo-thủ, không hay ra đến ngoài, vì thế mà sinh-nhai ngày một nghèo-sẻn. Người hay hoạt-động, thân-tâm đã lao-lục, lại được sinh-hoạt phong - hậu để đền lại ; người hay điềm - tĩnh, sinh - nhai nghèo-sẻn, lại được thân - tâm an - nhàn để đền lại. Cũng là cái cơ tạo-hóa thừa - trừ.

Vả sự doanh-dưỡng của người ta, cũng tùy cảnh-ngộ mà định phong-sắc : người hoạt-động lắm, thì đường phí-dụng tất phải nhiều ; người hoạt-động ít thì phí-dụng cũng ít. Hiện nay người Âu-châu giàu có gấp mấy người Đông-Á, lấy của cấp-dưỡng của mười người giàu ở Á-đông chưa đủ cung-cấp cho một người Âu-châu. Người Âu-châu được giàu - thịnh như thế cũng là vì những chính-sách hạn-chế nhân-khẩu, không cho bành-trướng ra nhiều ; vả hay có chiến-tranh tàn-sát lẫn nhau, cũng giảm bớt nhân-khẩu. Hiện nay lấy nhân-khẩu và tài-sản mà so-sánh thời Âu Á khác nhau xa lắm. Nếu lấy người Âu ở vào cảnh-ngộ người Á chỉ trong trăm năm, nhân-khẩu tất mười lần nhiều hơn. Bấy giờ đem nhân-khẩu với tài-sản ra mà so-sánh, người Âu cũng như người Á hiện-thời mà thôi.

Nhà xã-hội-học có nói rằng : « Lấy sức người mà nói : người Âu mười mà người Á có một ; lấy số người mà nói thời người Âu mười mà người Á trăm. »

Nhà phong-thủy ở Trung-quốc cũng có nói : « Đinh đa tài thiểu, tài vượng đinh suy, 丁多財少財旺丁衰 », cũng là nghĩa ấy.

Người Âu-châu nên giàu mạnh lại là nhờ sức kinh-doanh, hay lấy nhân-lực kháng-đối với thiên-hành, phàm những điều tật-khổ vì trời làm cho người phải chịu đều lấy sức người mà trừ cho hết, tránh cho khỏi. Người Đông-Á đã chịu diên-nguy thống-khổ trong những lúc cơ-cận tật-dịch, còn lúc bình-thời số nhiều nhân-dân vẫn phải lấy thân chống với đói rét đau ốm. Tuy - nhiên người Âu - châu đã giảm được cái thống-khổ thiên-nhiên, lại chịu nhiều cái thống-khổ nhân - tạo. Trong những lúc chiến-tranh vì tôn - giáo, vì chính - trị, vì chủng-tộc, cái thảm-độc binh-đao lại càng kịch-liệt hơn là thủy - hoả tật-dịch. Trong lịch-sử Á - đông cũng có lúc xảy ra loạn-lạc tranh-chiến, hoặc bởi cơ-cận hung-hoang mà sinh ra đạo-tặc, trong một thời-kỳ rất ngắn, hoặc bởi chính-quyền thay đổi, anh-hùng đua - tranh, trong một bộ-phận rất nhỏ, thực chưa hề có quan-hệ đến tôn-giáo, dân-tộc, hay chính - thể. Tức như vừa rồi Trung-quốc ba lần cách-mệnh mà số hi-sinh trong trường chiến-đấu chưa bằng một trận Âu-chiến. Có người nói : « Người Á-đông có tính ẩn-nhẫn, không hay chiến-đấu », kỳ-thực là vì người cùng của ít, cả đời chống đỡ với cái thống-khổ thiên-nhiên còn chưa xong, còn sức nào mà chịu thêm cái thống-khổ nhân-tạo. Có người đã kinh - nghiệm rằng những năm được mùa, người làng sẵn tiền hay chơi cờ-bạc, có người phải bán ruộng bán nhà, sinh ra lường-đảo trộm - cướp mà trong làng tao-nhiễu không yên. Gặp năm mất mùa, người làng thiếu ăn, đều phải chăm cầy chăm cuốc, nhân thế mà trong làng lại được yên-ổn. Kỳ thay tính loài người, lúc tránh được cái thống-khổ thiên-nhiên, lại gặp ra cái thống-khổ nhân-tạo !

Nói tóm lại : kết-quả hai cái văn-minh đều có lưu-tệ. Sinh-lý trong xã-hội không khác gì sinh-lý trong nhân-thân : những người hiếu-động, khí-huyết sung-túc dễ sinh ra thiên-thắng, hay mắc chứng huyết - sung. Những người trầm-tĩnh, khí-huyết hòa-bình, dễ sinh ra suy-nhược, hay mắc chứng huyết-hư. Huyết-hư là bởi đồ doanh-dưỡng không đủ, huyết-bào không được đỏ, huyết-dịch không được trong, những nấm nhỏ lẫn vào mà sinh ra hư-lao, hay là loa-lịch. Bệnh-trạng xã-hội « tĩnh văn-minh », tức là bệnh-trạng huyết - hư. Huyết-sung là đồ doanh-dưỡng thái - quá, ngưng - trệ trong

Quan cai-trị hạng nhất Blanchard de la Brosse,

Đổng-lý phủ Khâm-sứ ở Huế.

Quan Đổng-lý De la Brosse nguyên trước là chánh tòa giao-thiệp với các báo-quán, rồi làm trưởng tòa Chánh-trị ở phủ Toàn - quyền. Trước nữa thời làm chánh chủ-bút tạp-chí Revue Indochinoise, ngài cũng là một tay văn-học vậy. Hồi nước Xiêm nhượng cho Đông-Pháp mấy hạt Battambang và Siamréap, ngài có theo quan Toàn quyền Beau sang kinh-lược nơi địa-giới nước Xiêm, khi về làm một bài kỹ-thuật văn-chương hay lắm, đã nổi tiếng trong làng văn Đông-Pháp hồi bấy giờ. Gần đây thời ngài về nghỉ bên Đại-Pháp, nhân được quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng Sarraut cử làm phó văn-phòng cho ngài. Đương ở chức ấy thời ngài được quan Khâm-sứ Pasquier mới sang làm Đổng-lý phủ Khâm-sứ ở Huế. Quan De la Brosse lại là bạn thân với quan Phó Toàn-quyền Robin và quan Cai-trị Lacombe hiện làm trưởng tòa chánh trị ở phủ Toàn-quyền; coi đó thời biết ngài là người giao-thiệp rộng và lại đồng một chánh-kiến với các bậc yếu-nhân trong Chánh-phủ Đông-Pháp bây giờ.

N. - P.

tràng-vị, phát ra hơi men, hút vào mạch máu, mà sinh độc, hay sưng gan sưng dạ, hoặc phát ra ung-thư. Chứng-trạng xã-hội động-văn - minh tức là chứng-trạng huyết-sung.

Ngày nay Âu-Á đã giao-thông, văn-minh hai cái xã-hội ngày càng tiếp-cận ; thế-tất điều-hòa hỗn-hợp, như hai giòng nước đã chảy thông vào một chỗ cao chỗ thấp phải cho bằng mới thôi. Lấy thực - sự mà xem : Người Âu - châu lấy sức tranh - cạnh hoạt-động, đã đem biết bao nhiêu là tư-bản để mở-mang sự-nghiệp, khai-thác lợi-nguyên ở bên Á-đông. Người Á-đông cũng lấy sức cần-mẫn khắc-khổ, đã cung-cấp biết bao nhiêu là vật-sản để ứng-dụng cho người Âu-châu. Người Âu-châu lấy khoa-học đã chế ra biết bao nhiêu là cơ-khí, để mở-mang công - nghệ cho người Á-đông. Người Á-đông cũng lấy tư-chất tinh-mẫn nhẫn-nhục đã có biết bao nhiêu người làm công trong các công-xưởng cho người Âu - châu.

Đấy là nói vật-chất-văn-minh, hai cái xã-hội đã giao-thông với nhau mà đều được ích-lợi ; đến như tinh-thần-văn-minh lại càng hiển - minh lắm : Những học - thuyết Âu - châu như « thiên-phú nhân-quyền », « vật cạnh thiên trạch » (天賦人權, 物競天擇) truyền-bá sang Á-đông, đã mau như gió đi, mạnh như nước chảy, trên từ việc chính-trị của quốc-gia, dưới cho đến việc giao - tế trong xã - hội, đều có biến - thiên, cơ không còn một sự gì là không chịu cái ảnh - hưởng những học - thuyết ấy. Từ mấy năm về trước, các nước Âu-châu cũng đang khảo-cứu học-thuật bên Đông - phương. Các nhà lịch-du, nhà văn-hào nước Nga, nước Pháp, nước Đức đã có nhiều nhà trước-tác, có ý tôn-sùng Khổng-giáo, lấy nhân-nghĩa làm chân-chính, lấy vũ-lực làm hiểm-nghèo. Ân-tri sau này xã-hội Âu-châu không chịu ảnh-hưởng mà biến-hóa tính-chất ?

. . .

Chúng ta ngày nay gặp lúc giao-thời, hai cái văn-minh đang xúc-tiếp với nhau ; ta không nên trái nghịch với trào-lưu hiện-thời, mà ta cũng không nên yểm-khí cái phong-hóa cựu-thời ; trong lúc xu-hướng phong-trào cũng phải bảo-tồn quốc-túy. Phàm xã-hội nào cũng phải lấy an-tĩnh làm cơ-sở. Có số nhiều người an-tĩnh mới sinh-sản ra số ít người hoạt-động. Đại-thế nước ta là nước làm ruộng, là xã-hội tĩnh-văn-minh, có số ít người hoạt-động như người trong chính-trị, văn-học, thương-cổ, cũng là nhờ số nhiều nông-phu công-nghệ cấp-dưỡng mà sản ra. Người Âu-châu hay đi khai-hóa ra bên ngoài, đại-thể là xã-hội động-văn-minh cũng là nhờ số nhiều các xã-hội an-tĩnh cấp-dưỡng mà sinh ra.

Ví như một nơi thành-thị đô-hội náo-nhiệt phồn-thịnh hơn các thôn-lạc chung quanh. Song nguyên-nhân cái phồn-thịnh ấy, chính là bởi số nhiều thôn-lạc chung quanh mà sinh ra. Thôn-lạc càng nhiều thì thành-thị càng thịnh. Xã-hội hoạt-động vẫn là số ít mà xã-hội an-tĩnh vẫn chiếm số nhiều.

Chúng ta đã sinh ra trong một xã-hội an-tĩnh, tương-lai cầu sinh-hoạt trong số ít, hay là cầu sinh-hoạt trong số nhiều ? Nếu chúng ta vì con cháu mà mưu sinh-tồn, tương-lai khiến cho ra làm quan-lại, làm văn-học, làm thương-cổ để cầu sinh-hoạt trong số ít, hay là cho làm nông-tang, làm công-nghệ để cầu sinh-hoạt trong số nhiều ? Khiến cho điều đong gạo mà ăn, thuê nhà mà ở, làm người hoạt-động trong thành-thị, hay là khiến cho cầy ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, làm dân an-tĩnh chốn điền-viên ? Cái vấn-đề này

không cần phải hỏi lại bỏi đi, ai cũng đà giải-quyết, vậy chúng ta đối với cái xã-hội an-tĩnh này, cũng không nên yếm-bạc cho lắm.

NGUYỄN BÁ-HỌC
dịch-thuật.

CẦM-HỌC TẦM-NGUYÊN

琴學尋源

(Khảo về nghề đờn ở nước ta)

TỰ

Trong đạo trị dân, lấy bốn món làm chủ : Lễ, Nhạc, Hình, Chánh. *Nhạc tuy coi như tuồng không dính chi với trị-đạo, mà cũng quan-hệ lắm, vì là điệu* đờn, ca, xướng, hát, *tự lòng người mà hiện ra. Cho nên người xưa lấy điệu đờn ca mà coi chánh-trị, phong-hóa. Thiên* « Nhạc-ký » *trong kinh* Lễ *có nói rằng :* « Nhạc giả thông luân-lý giả dã ; thị cố thẩm thanh dĩ tri âm, thẩm âm dĩ tri nhạc, thẩm nhạc dĩ tri chánh. » (樂者通倫理者也。是故審聲以知音。審音以知樂。審樂以知政。). *Nghĩa là : Nhạc là thông với luân-lý ; ấy cho nên xét tiếng mà biết điệu, xét điệu mà biết nhạc, xét nhạc mà biết việc chánh-trị. Nên sách có chữ khen một ông huyện giỏi rằng :* « Minh cầm nhi trị » (鳴琴而治). *Vì đó nên xưa học sách kinh* Thi (詩經) *đem ba trăm thiên, nào là* Phong (風), *nào là* Nhã (雅), *nào là* Tụng (頌), *ca mà hòa với đờn ; coi như đức Khổng-Tử là một bậc chí-thánh, mới vừa hết tang, đã ôm đến đờn*[1]. *Còn người xưa đi học chữ, đều có học đờn, để cho biết* thẩm-âm (審音). *Hiện bây giờ các nước văn-minh bên Âu-châu, nhất là nước Đại-Pháp, cũng đem điệu đờn mà xen với tiếng học ; trong các trường học đều có dạy đờn. Thiệt điệu đờn là một điệu hay, thế mà đến sau lại có nhà nói rằng :* « Gia hữu cầm, nữ-tử dâm. » *Tôi dám chắc rằng nhà đó không rõ điệu đờn, nên nói có sai. Nhưng mà lời nói ấy cũng hữu-sở-nhân. Vì là điệu đờn đến lúc* biến-phong (變風), *thời nghe ra giọng* Trịnh (鄭), Vệ (衛), *cho nên nghe tiếng đờn toàn cả* dâm-thanh. *Nếu nhà đó được nghe* chánh-thanh (正聲), *thời chắc là không nói lời ấy bao giờ. Trong kinh* Thi, *thiên* Châu-nam (周南) *với thiên* Thiệu-nam (召南) *là* chánh-phong (正風), *mà đầu thiên* Châu-nam *lại có thơ* Quan-thơ (關雎) *nói chuyện cầu một người con gái cho đến nỗi nằm không yên gối, ngủ không ngon giấc, như là :* 寤寐思服。輾轉反側, *mà cho là* chánh-phong, *vì là cầu mà được chánh, ấy là chánh. Cũng như đờn mà được* chánh-thanh, *tức là* chánh-phong, *thời con gái làm sao mà hư được.*

Chốn Kinh-thành đây, vốn rừng tơ-đồng, phàm xưa nay những tay đờn hay, đều là người có ở Huế cả. Tôi cũng chả dám tự xưng là được cầm-gia-tam-muội, nhưng mà thấy ngón đờn giờ, so với ngón đơn xưa, thiệt là chân trời góc bể. Ngón đờn xưa của ta thời hòa-nhã nghiêm-trang, mà ngón đờn nay thời

(1) 孔子既祥五日彈琴而不成聲十日而成笙歌(家語).

lắc-sắc tục-tợm, toàn cả dâm-thanh *; cho nên tôi sợ điệu đờn quá thành* Trịnh-Vệ, *rồi phong-hóa hoặc tùy theo đó mà đổi ra* biến-phong *chăng ! Ấy mới tìm-tòi mà làm ra quyển «* CẦM-HỌC TẦM-NGUYÊN *» này, kẻo để lâu rồi điệu* chánh-thanh *bọn lần như tro, dẫu sau có ai muốn đẽo-gọt lại nữa, e cũng khó lắm chăng!*

Trong những người đờn hay, có người nói với tôi rằng : « Đờn giờ bậy lốm, không nghe được. Ngón thời dặm xiên dặm quàng, đờn thời lí-lắc lí-lưởi, không có một ngón nhấn cho đúng chữ, dường sợ đau dây, lại thêm ca thời như giọng rao cháo rao chè, thiệt đã khó nghe, mà lại thêm múa-men bộ-tịch, lại càng dễ ghét lắm nữa. Thế mà khi nào mình đờn, thời người nghe lại cho đờn mình dở, e thiên-hạ giờ không có tri-âm chăng ! — Tôi đáp rằng: « Nói như vậy, cũng phải mà cũng không : Nói rằng đờn giờ bậy, nhấn không đúng chữ, thời phải, là vì họ đờn giờ không biết nhịp, nên phải dặm bậy dặm bạ mà đờn cho vừa nhịp, mà đã dặm vô, thời có rảnh tay đâu nữa mà nhấn. Còn như nói thiên-hạ giờ không có tri-âm, e chưa phải, là vì người nghe đờn, lỗ tai đã quen nghe biến-thanh, *ít khi được nghe ngón đờn* chánh-thanh, *cho nên cho đờn nay là hay. Cũng như người quen nghe giọng* hò-ô, *cho giọng* ngâm Kiều *là dở. » — Lại có người nói rằng : « Điệu ca giờ cũng nên sửa lại. » — Tôi lại đáp rằng : « Không vội gì sửa gấp. Ca với đờn cũng như bóng với hình, hình sao thời bóng vậy. Hễ khi nào những người đờn nay đều quyết-chí sửa theo điệu chánh-thanh xưa, thời điệu ca tự-nhiên phải đổi lại. »*

Có kẻ hỏi tôi rằng : « Những người đờn xưa hay, nào có ai chế bản gì mới không ? Chớ như đờn nay, tuy không hay, mà có bài mới, như là : « Chàng chàng ơi ! . . . » *vân-vân . . . » — Tôi đáp rằng : « Điệu đờn cũng như điệu thi, điệu từ vậy. Xưa nay nhiều nhà thi tao, từ nhã, ngâm ra như nhả ngọc phun châu, viết ra như thêu bông dệt gấm, mà thi thời cũng chẳng qua làm* luật-thi, triệt-cú, trường-thiên, *mà từ thời cũng chẳng qua làm* Trúc-chi, Giá-cô, Tây-giang-nguyệt, *vân-vân . . . Nội trong chừng nấy mà cho hay, cũng đã công-phu lắm rồi, lựa phải bày thêm điệu mới. Đờn cũng vậy. Bản xưa đờn không hết, huống chi là bày ra bản mới nữa. Cái nhà bày bản mới như là «* Chàng chàng ơi ! . . . » *đó, là cũng như học-trò học chưa hết* Thi, Thơ, Lễ, Dịch, Tánh-lý, Xuân-thu, *mà đã muốn làm thêm một bộ kinh mới nữa. . . . . »*

Trước hết tôi cũng chưa dám múa bút khua nghiên, còn ý nhường cho kẻ quảng-bác hơn làm, mà sau những người quen kẻ biết thường cứ khuyên-lơn mãi, tôi mới làm sách này ra, hoặc có ích được ít nhiều chi cho phong-hóa chăng!

Đôi lời quê-kịch, nói giạo ra đầu.

Năm Khải-Định thứ 2, mùa đông tháng 10.
HOÀNG YẾN *tự-tự.*

* * *

I

CẦM-HỌC TIỂU-DẪN

琴學小引

Ai cũng biết rằng đờn là một thú đứng đầu trong bốn thú phong-lưu tài-tử: *cầm, kỳ, thi, họa* ; mà không biết rằng Thánh-nhân xưa bày đờn ra, là để chánh-tâm dưỡng-tánh. Sách *Bạch-hổ-thông* 白虎通 có nói rằng : « *Cầm giả cấm*

dã, cấm chỉ ư tà, dĩ chánh nhơn-tâm dã» (琴者禁也。禁止於邪。以正人心也。) Nghĩa là : Cầm là cấm, bày cầm ra để cấm điều bậy, mà sửa cho ngay lòng người. Xưa vua Thuấn đờn cây đờn năm dây, ca bài ca *Nam-phong*, mà thiên-hạ đại-trị ; ông Mặc-Tử-Tiện đờn mà trị dân Đản-Phủ ; đức Khổng-Tử ở nước Tề ba tháng, nghe nhạc *Thiều* mà quên ăn. Cho nên người xưa đờn có *lục kị, thất bất đàn, bát tuyệt*, không phải như mình đờn bây giờ, gặp chăng hay chớ.

Lục kị (六忌)

1° — *Kị đại-hàn*. Hễ lạnh lắm thời vật gì cũng co mình lại, cho nên khi giá trời đờn không hay.

2° — *Kị đại-thử*. Hễ nóng lắm thời vật gì cũng nở ra, cho nên gặp lúc nóng như lửa đốt, đờn không hay.

3° — *Kị đại-phong*. Khi gió thổi ào-ào, cát bay tở-mở, đờn không hay.

4° — *Kị đại-vũ*. Khi mưa như chút xuống, nước đổ lao-xao, đờn không hay.

5° — *Kị tấn-lôi*. Khi dong réo vang trời, sấm gầm dậy đất, đờn không hay.

6° — *Kị đại-tuyết*. Khi tuyết chất đầy đàng, trắng trời sáng đất, đờn không hay.

Thất bất đàn (七不彈).

1° — Nghe tang không đờn.

2° — Khi nhạc đánh có chuông trống ồn-ào không đờn.

3° — Việc-vàn bối-rối không đờn.

4° — Trong mình không sạch - sẽ không đờn.

5° — Khăn áo không chỉnh-đốn không đờn.

6° — Không xông trầm không đờn.

7° — Không gặp tri-âm không đờn.

Bát tuyệt (八絕).

1° — *Thanh* (清). Hễ đờn hay dầu đụng cây đờn tiếng đục đi nửa, đờn cũng ra trong.

2° — *Kỳ* (奇). Khi đờn hay có ngón xuất-kỳ nhập-diệu, tự-nhiên trổ ra ngón đờn hay.

3° — *U* (幽). Hễ trong lòng có chuyện gì u-trầm, thời hiện ra nơi ngón đờn. Xưa đức Khổng-Tử đương đờn, thầy Tăng-Tử với thầy Tử-Cống đứng bên cửa mà nghe. Khi Ngài đờn xong, thời thầy Tăng - Tử nói rằng : « Y ! nghe ngón đờn thầy mình dường có ý tham-ngân, sao mà bất-nhơn thế ? » Thầy Tử-Cống đem lời thầy Tăng-Tử nói đó mà thưa lại, thời đức Khổng-Tử nói rằng : « Sâm (tên húy thầy Tăng-Tử), thiệt người hiền trong thiên-hạ, nay đã quen thầm-âm rồi. Khi ta đương đờn vừa có một con chuột chạy ra, con mèo thấy, mắt lăm-le, chân nhẹ-nhẹ, go mình bò theo rượng mà lần tới. rình bắt con chuột ; ta muốn cho bắt được, nên cho ta là tham-ngân cũng phải. » (1)

4° — *Nhã* (雅). Ngón đờn tươi mà hòa-nhã, không lụp-chụp lau-chau.

5° — *Bi* (悲). Khi trong bụng có chuyện gì bất-bằng, thời đờn nghe ra bi-sầu, ai-oán.

6° — *Tráng* (壯). Khi gặp chuyện gì đắc-ý, thời đờn nghe ra mạnh mẽ hùng-hảo.

7° — *Du* (悠). Ý mình tại chỗ cao-xa, thời ngón đờn nghe ra thăm-thẳm. Xưa Du Bá-Nha (làm quan thượng-đại-phu nước Tấn) đờn, Chung Tử-Kỳ nghe mà

(1) *Hàn-thi ngoại-truyện* 韓詩外傳.

biết rằng : « dương-dương hồ, chí tại cao-sơn. » (1)

8° – *Trường* (長). Ý mình tại chỗ sâu-xa, thời ngón đờn nghe ra dài-dặc. Bá-Nha đờn mà Tử-Kỳ biết rằng : « đăng-đăng hồ, chí tại lưu-thủy. » (1)

Ấy là khuôn-phép trong điệu đờn, những người muốn học đờn, xin phải cho biết, mới thấm mùi đờn, như không biết mùi, thời chẳng khác chi ăn đồ cao-lương, mà tưởng là giẻ rách.

II

CẦM-HỌC THÔNG-KHẢO

Trước khi khảo-cứu các thứ đờn, tôi xin kể sơ về « *bát-âm* » (八音) để coi cho biết.

Trong *Ngũ-kinh thông-nghĩa* 五經通義 nói rằng : « Tám thứ tiếng là : tiếng *đồng* (kim 金), tiếng *đá* (thạch 石), tiếng *tơ* (ti 絲), tiếng *tre* (trúc 竹), tiếng *kèn* (bào 匏), tiếng *đất* (thổ 土), tiếng *da* (cách 革) với tiếng *gỗ* (mộc 木). »

Trong *Thích-trí tượng-nhạc-lục* 釋智匠樂錄 nói rằng : « Tiếng đồng là những tiếng chuông (鐘), bác (鎛) chuông nhỏ), trác (鐸 chiêng), nao (鐃) chiêng nhỏ ; tiếng đá là tiếng khánh (磬) ; tiếng tơ là tiếng đờn, những là : cầm (琴), sắt (瑟), không-hầu 箜篌, tranh (箏), trúc (筑), tỳ-bà (琵琶) ; tiếng tre là tiếng trì (篪), địch (笛), thược (籥), (tiêu 簫), quản (管) ; tiếng đất là tiếng huân (塤), phủ (缶); tiếng da là tiếng trống (鼓 cổ) ; tiếng gỗ là tiếng chúc (柷), tiếng ngữ (敔). »

III

CÁC THỨ ĐỜN

Đờn Cầm 琴

Đờn Cầm nguyên Phục-Hy-thị 伏羲氏 bày ra đầu. Sách *Kim-cổ kỳ-quan* 今古奇觀 biên rằng : « Xưa vua Phục-Hy thấy chim phụng-hoàng về đậu trên cây ngô-đồng, nghĩ rằng : « Chim phụng-hoàng là lớn nhứt trong loài chim, ăn thời chỉ ăn trái tre, uống thời chỉ uống lệ-tuyền, đậu thời chỉ đậu cây ngô-đồng mà thôi. Vậy thời cây ngô-đồng là một cây báu nhứt trong loài cây, đem dùng làm nhã-nhạc được. » Bèn khiến người đốn cây ngô-đồng xuống, cưa ra làm ba khúc : đem khúc ngọn gõ thử xem, thời nghe tiếng quá trong ; đem khúc gốc gõ thử xem, thời nghe tiếng quá đục. Thử đến khúc giữa, thời tiếng đủ nặng, nhẹ, đục, trong. Bèn đem để nơi nước chảy dầm bảy-mươi-hai ngày, nghĩa là theo số khí-hậu ; rồi lấy lên, để trong im đợi cho khô, mới gạch thước tấc sai người thợ khéo là Lưu Tử Kỳ 劉子奇 đẽo ra mà làm thành đờn, đặt tên là *Diêu-cầm* 瑤琴. Đờn dài ba thước sáu tấc sáu phân (2), nghĩa là theo vành trời có 366

(1) *Lã-thị Xuân-thu* 呂氏春秋.

(2) Thước tấc trong này đều theo thước mộc, nhưng không rõ thước xưa có đúng theo thước nay hay không. Thước mộc bây giờ bằng 4 tấc tây (0m 40).

độ (trong sách *Cầm-thao* 琴操 cho là tượng 366 ngày, tức là nhà thiên-văn Âu-châu ngày nay nói rằng trái đất đi khắp vòng mặt trời 366 ngày), trước rộng tám tấc, nghĩa là theo bát-tiết (八節), sau hẹp bốn tấc, theo tứ-thời (四時), dài hai tấc, tượng lưỡng-nghi (兩儀): trục (軸) ngọc, phiếm (汎) vàng; mười hai phiếm, tượng 12 tháng, lại thêm một phiếm giữa, tượng tháng nhuận; năm giây, tượng ngũ-hành (五行) mà theo ngũ-âm (五音): *cung, thương, gióc, chủy, vũ* (宮, 商, 角, 徵, 羽).

Đến sau Bá Ấp-Khảo, con vua Văn-Vương nhà Châu, thêm một dây, kêu là *dây văn* (文絃). Đến đời vua Võ-Vương lại thêm một dây nữa, kêu là *dây võ* (武絃). Thành ra đờn cầm có bảy dây: *Cung, thương, gióc, chủy, vũ, văn, võ* (宮, 商, 角, 徵, 羽, 文, 武) (*hình vẽ I*).

H. v. 1. Đờn Cầm.
(vẽ theo thức đờn lễ-khí để tại Tân-Thơ-Viện ở Huế)

Trong *Tam-lễ-đồ* 三禮圖 với *Quảng-nhã* 廣雅 kêu dây văn, dây võ là dây *thiếu-cung* 少宮 với *thiếu-thương* 少商, thời kêu bảy dây là: *Cung, thương, gióc, chủy, vũ, thiếu-cung, thiếu-thương* (宮, 商, 角, 徵, 羽, 少宮, 少商).

Theo trong *Tam-lễ-đồ*, thời dây đầu là cung, dây thứ hai là thương, dây thứ ba là gióc, thứ tư là vũ, thứ năm là chủy, thứ sáu là thiếu-cung, thứ bảy là thiếu-thương. Vậy kể từ dây đầu trở lên, thời bảy bậc là: *Cung, thương, gióc, vũ, chủy, thiếu-cung, thiếu-thương*. So với bậc đờn bây giờ, thời tưởng là: *họ, xự, xừ, xàng, xê, cống, phàng* (合, 四, 凹, 上, 尺, 工, 反).

Còn đờn bên Âu-châu cũng bảy bậc: *do* (đọc là độ), *rê* (đọc là rê), *mi, fa* (đọc là pha), *sol* (đọc là xô-lơ), *la, si* (đọc xi); so với bậc đờn mình thời bậc đờn Tỳ đúng: *họ, xự, xừ, xàng, xê, cống, phàng*.

Nguyên đầu bày đờn cầm ra như thức kể trên đó, đến sau các nhà tinh nhạc, lần lần bày thêm đờn nọ đờn kia. Đời nhà Nguyên (Tàu) có: đờn một dây (nhứt-huyền-cầm), đờn ba dây (tam-huyền-cầm), đờn năm dây (ngũ-huyền-cầm), đờn bảy dây (thất-huyền-cầm), đờn chín dây (cửu-huyền-cầm).

Đờn cầm có nhiều tên: Đời vua Tuyên-vương nhà Châu đặt tên là *Hưởng-phong* 響風; đờn của người Thôi-Nhơn 崔翰 kêu là *Ngọa-băng* 臥冰; của Đái Qui 戴逵 kêu là *Hắc-hộc* 黑鵠; của Trọng-Nhược 仲若 là con Đái Qui, kêu là *Dược-phường* 躍斷; của Liễu Vân-Sướng 柳文暢 kêu là *Xuân-phong* 春風; của Tư-mã-Tương-Như 司馬相如 kêu là *Lục-ỷ* 綠綺; của Thái-Ung 蔡邕 kêu là *Tiêu-vĩ* 焦尾, v. v....

Bài đờn Cầm cũng có nhiều tên: *Phụng-qui-lâm* 鳳歸林, *Hạc-lệ-thiên*

鵝 喉 天, *Phụng-cầu-hoàng* 鳳 求 凰, vân-vân....

Các bậc đờn Cầm hay thủở xưa, những là : Bá-Ấp-khảo 伯 邑 考, đức Khổng-Tử 孔 子, Du Bá-Nha 俞 伯 牙, Tư-Mã Tương-Như, vân-vân.....

H. v. 2. Đờn Sắt.
(vẽ theo thức đờn lễ-khí để tại Tân-Thơ-Viện ở Huế)

Đờn Sắt 瑟

Trong sách *Đế-vương-thế-kỷ* 帝 王 世 紀 chép rằng : « Đờn Sắt nguyên của Bào-Hy-Thị 庖 犧 氏 bày ra, dài bảy thước hai tấc, hai mươi lăm dây ». Trong *Tam-lễ-đồ* lại nói rằng : « Đờn sắt dài tám thước một tấc, hai mươi ba dây ; đờn thường dùng thời mười chín dây. » Mà Văn-Tử 文 子 với Thi-Tử 尸 子 đều nói rằng : « Đờn Sắt hai mươi lăm dây. » (H. v. 2).

Trong sách *Tục-văn-hiến-thông-khảo* 續 文 獻 通 考 nói rằng : Đờn Sắt đời nhà Minh hai-mươi-lăm dây, hai bên dây đỏ, sợi giữa dây vàng, kêu là *quân-huyền* 君 絃.

Theo như các lời trước này, thời đờn Cầm, đờn Sắt đều dùng dây tơ cả. Cho nên sách có chữ rằng : *Tì đồng* 絲 桐.

Xưa có Hồ Ba 瓠 巴 đờn Sắt hay lắm, cho đến cá cũng nổi lên nghe.

H. v. 3. Đờn Tranh

Đờn Tranh 箏

Trong bài *Tranh-phú* của *Nguyễn-Võ* (玩 瑀 箏 賦) nói rằng : « Đờn tranh dài sáu thước, ứng theo số lục-luật 六 律, dây mười hai sợi, tượng bốn mùa, trụ cao ba tấc tượng tam-tài 三 才. »

Trong sách *Phong-tục-thông* 風 俗 通 nói rằng : «Đờn tranh nghe ra giọng nhà Tần, có người cho là ngươi Mông Điềm 蒙 恬 bày ra. »

Ngươi Phó-Tử 傅 子 lại bác rằng : « Đờn Tranh trên tròn tượng trời ; dưới bằng tượng đất ; giữa trống, thông lục-hiệp 六 合 ; mười hai dây, mười hai trụ (tức là bây giờ kêu là ngựa) tượng mười hai tháng; thiệt là một cây đờn có nhơn - trí ; ngươi Mông-Điềm là một tôi vong-quốc (nói nhà Tần), há dễ nghĩ được đến chỗ khôn khéo như thế đâu ? »

Nhà đó bác cũng hơi ép quá. Phàm người thông-minh trí tuệ, đời nào lại không có, huống chi nhà Tần cũng còn có bày ra đờn khác nữa. Còn việc thạnh, suy, hưng, vong, tự trời một phần, vua một ít, tôi một ít. Gặp Tần Thủy-Hoàng bạo-ngược vô-đạo, dầu cho Mông Điềm có giỏi đi nữa, cũng không quá Nhị-Thế

được Coi như Trần Thiệp với Khổng Minh thời biết.

Còn đờn Tranh của ta đờn bây giờ, thời mười sáu dây, mà dây bằng đồng. (H. v. 3). Tuy chưa rõ đời nào bày ra đầu, nhưng cũng định chừng đời nhà Thanh sửa lại, vì là đời nhà Thanh có sửa lễ-nhạc lại nhiều.

Xưa những người đờn Tranh hay là : Tần Tố-Nữ 秦素女, Triệu-Nữ 趙女, Lý Thanh - Thanh 李青青, Sử - Tùng 史從, Lý Tùng - Châu 李從周 cháu nội Lý Thanh-Thanh, vân-vân...

Đờn Trúc 箏.

Trong *Nhạc-thơ* 樂書 nói rằng : «Đờn Trúc hình như đờn Cầm, mười ba dây, cổ nhỏ, vai tròn, khi đờn thời tay trái ôm đờn, tay mặt cầm một miếng tre mà nảy.»

Thuyết-văn 說文 lại nói rằng: «Lấy tre mà uốn cong lại, buộc năm dây mà đờn, ấy là đờn Trúc.»

Phong-tục-thông lại nói rằng : « Đờn Trúc hình như đờn Sắt.» Mà *Quảng-Vận* (廣韻) lại cho là đờn Trúc hình như đờn Tranh, mười ba dây.

Đờn Không-hầu 箜侯

Thích-danh 釋名 nói rằng : « Đờn Không-hầu nguyên Sư-Diên 師延 đời Xuân-thu bày ra. Sau Sư-Quyên 師涓 đờn cho vua Bình-Công nước Tần nghe đến khi nước Tấn bị nước Trịnh với nước Vệ lấy đất chia nhau, cái đờn đó còn lại, cho nên người ta kêu tên là Không-hầu, nghĩa là *không quốc chi hầu*.

Trong *Phong-tục-thông* lại nói rằng : «Đờn Không-hầu lại có một tên là *Khảm-hầu* (坎侯); đờn ở giữa trống cho nên kêu là *Không-hầu* ».

Trong *Sự-vật-kỷ-nguyên* 事物紀原 thời nói rằng : «Vua Linh-Đế nhà Hán ưa đờn Không-hầu, đờn ấy hình cong mà dài, hai mươi ba dây, khi đờn thời kẹp vô trong bụng, mà đờn cả hai tay.»

Trong *Văn-hiến-thông-khảo* 文獻通考 lại nói rằng : « Đời nhà Đàng chế đờn Không-hầu hình như đờn Sắt mà nhỏ, bảy dây, lấy cây khảy mà đờn.»

Đờn Tỳ-bà 琵琶

Trong *Thích-danh* nói rằng: «Đờn Tỳ-bà nguyên ở Hồ làm ra, khi đi đàng ngồi trên ngựa mà đờn. Lấy tay nảy ngược lên, kêu là *tỳ*, nảy xuôi xuống kêu là *bà*, ấy cho nên đặt tên là *Tỳ-bà*.»

Trong *Kiều* có câu rằng : « Nghề chơi ăn đứt Hồ-cầm một trương, » tức là đờn Tỳ-bà đó. Chữ *trương* đó nghĩa một cây đờn, sách có chữ rằng : « cầm nhứt trương, kỳ nhứt cuộc, » vân-vân...

Trong *Thích-tri-tượng-nhạc-lục* nói rằng : « Đờn Tỳ-bà nguyên ngươi Đỗ-Chí 杜摯 nhà Tần làm. Lúc nhà Tần đắp vạn-lý-trường-thành, dân-sự mệt-mỏi, Đỗ-Chí mới bày ra cây đờn ấy để đờn cho vui lòng dân. »

Ấy cũng như đời Đông-Châu, ở nước Tề có ngươi Quản-Trọng với ngươi Bào Thúc-Nha kết bạn với nhau thiết lắm. Nhơn nước Tề loạn, Quản-Trọng phò Công-tử Củ qua trốn nước Lỗ ; Bào Thúc-Nha phò Công-tử Tiểu-Bạch qua trốn nước Lữ. Sau công-tử Tiểu Bạch về làm vua, hiệu là Hoàng-Công. Thúc-Nha tiến Quản-Trọng cho vua Hoàng-công, bèn sai người sang Lỗ đem Quản-Trọng về, mà sợ Lỗ không cho, nên giả lấy cớ khi tranh ngôi, Quản - Trọng có vì Công tử Củ mà bắn Hoàng-công một mũi tên trúng nơi mốc áo, đòi bắt sống Quản-Trọng về mà giết, mới bỏ lên xe đem về. Khi đi giữa đàng, Quản-Trọng sợ người nước Lỗ đuổi theo, bày ra cách hát cho quân lính hát cho vui

để quên mệt, mà chạy mau cho khỏi đất nước Lỗ. Từ đó về sau, hễ khi làm-lụng

H. v. 4. Đờn Tỳ-bà

nhọc-nhằn, người ta nay bắt-chước đó mà hát cho đỡ mệt.

Trong *Văn-hiến thông-khảo* nói rằng « Đờn Tỳ-bà trồ ngô đồng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng. » *Tục-văn-hiến-thông-khảo* cũng nói rằng : « Đờn Tỳ-bà đời nhà Nguyên làm bằng gỗ, đầu cong, cổ dài, bốn trục, giữa cổ có phiếm mặt rộng, bốn dây. » Tức là đờn ta đờn bây giờ đó. (H. v. 4).

Ngươi Trịnh Hỷ-Tử 鄭喜子 nhà Đảng có dâng cho vua một cây đờn Tỳ-bà bảy dây.

Xưa những người đờn Tỳ-bà hay, là : Châu-Sanh 朱生, Nguyễn Hàm 阮咸, Tôn Phóng 孫放, Khổng Luật 孔律, Hạ Hoài-Tri 賀懷智, Khang Côn-Lôn 康崑崙, Vương Phân 王芬, Tào Bảo 曹保 Tào Thiện-Tài 曹善才 là con Tào Bảo, Tào Cương 曹剛 cháu nội Tào Bảo, Bùi Hưng-Nô 裴興奴, vân vân...

Đả-cầm hay là Dương-cầm
打琴 (洋琴)

Đờn Đả-cầm hình như trái cật, bề dài một thước năm tấc, bề ngang một thước, cột bốn-mươi-hai dây bằng đồng, chia ra làm mười-bốn bậc, mỗi bậc ba dây, khi đờn thời để đờn trước mặt, hai tay cầm hai miếng tre hình như búa mà đánh, cho nên kêu là *Đả-cầm* (H. v. 5).

Đờn này mới có từ nhà Thanh.

H. v. 5. Đờn Đả-cầm.

Đờn Nhựt 日琴.

Đờn Nhựt hình tròn như mặt trời, cho nên kêu là *Nhựt*. Cần dài bảy tấc, mặt rộng tám tấc, mười phiếm, bốn dây mà hai tiếng, hai dây *đài* một tiếng, hai dây *tiểu* một tiếng. (H. v. 6).

H. v. 6. Đờn Nhựt

Đờn Nguyệt 月琴.

Đờn Nguyệt hình như mặt trăng, cho nên kêu là *Nguyệt*. Người ta cũng kêu một tên nữa là Nguyễn-cầm 阮琴, vì là nguyên của Nguyễn Hàm 阮咸 người nhà Tấn bày ra.

Đờn này thùng rộng tám tấc rưỡi, dày một tấc rưỡi, cần dài một thước bảy tấc, tám phiếm, bốn dây, lên hai tiếng như đờn Nhựt, mà nay đờn thời chỉ buộc hai dây mà thôi. (H. v. 7).

Nhà nhã-nhạc nước mình lấy đờn Tranh, đờn Nguyệt, đờn Tỳ, đờn Nhị với đờn Tam làm ngũ-diệu 五妙, kêu là đờn *năm cây*. Ấy cho nên người mình, hễ ai đờn hay được cả năm cây, thời cho là bậc phong-lưu tài-tử.

H. v. 7. Đờn Nguyệt

Đờn Nhị 二絃琴.

Đờn Nhị tục kêu là đờn Cò, vì là mới học cây đờn này, thời kéo hai dây *tòn-tang* nghe ra như *cò-ke*, cho nên kêu là *Cò*.

Đờn này nguyên là đờn Hồ bày ra, cho nên đờn Tàu hiện đờn bây giờ cũng còn sơ-sài lắm. Lấy một cái gáo dừa xoi hai lỗ, tra một cái cần, hình như cái gáo mình múc nước, miệng gáo thời lấy lòng-bóng trâu hay là da mà bịt, cần khoét hai lỗ, xỏ hai cái trục buộc hai

H. v. 8. Đờn Nhị

dây, giữa mặt đờn có một con ngựa để kê hai sợi dây ; chặng giữa dây có một cái khuyết cột vô nơi cần, muốn đem xuống đem lên tùy-ý, với một cái cung bằng tre buộc lông đuôi ngựa: nơi miệng gáo gần chỗ tra cần, gắn một khối nhựa thông (bạch-tùng-du); khi đờn thời tay trái cầm cần mà nhấn, tay mặt cầm cung kéo qua kéo lại, lông đuôi ngựa dính bột nhựa thông, cọ với dây tơ, vì rít mà kêu.

Hoặc có nhà không làm bằng gáo dừa, lại làm bằng ống tre, nhưng mà thường-thường đờn Tàu cần ngắn, tiếng ét mà xẵng, cho nên người mình mới đổi cách lại cho dịu, sửa lại cho đẹp hơn : tiện ống bằng trắc, hoặc bằng ngà, bịt mặt bằng da kỳ-đà hay là da trăn, cần cũng bằng trắc hay là bằng gỗ, mà dài hơn. (H. v. 8).

Đờn Tam 三絃琴

Đờn Tam buộc ba dây, cho nên kêu tên là *Tam*. Đờn này hình như đờn

H. v. 9. Đờn Tam

Nguyệt mà nhỏ hơn. Thùng bằng gỗ, rộng năm tấc, dày hai tấc, hai bên bịt bằng da trăn, cần dài một thước năm, tra ba trục, cột ba dây, giữa mặt đờn cũng có ngựa kê dây như đờn Nhị, giữa cần cũng có khuyết, nhưng mà khuyết đờn Nhị thời bằng một cái vòng đồng, chớ khuyết đờn Tam thời làm một miếng ngà hay là xương, xoi ba lỗ luồn ba dây qua. Khi

đờn thời ngồi xếp bằng, kê đờn trên đầu gối chưn mặt, tay trái ôm cần mà nhấn, tay mặt cầm một miếng ngà dài chừng hai tấc, rộng chừng tám phân, hay là lấy miếng đồi-mồi mà đờn. (H. v. 9).

H. v. 10. Đờn Bầu

Đờn Độc-huyền 獨絃琴

Đờn này tục kêu là đờn *Bầu*, là vì nơi cần có tra một cái bầu cho âm tiếng.

Đờn Độc-huyền tại Bắc-kỳ bày ra đầu. Lúc trước ở Huế chưa có đờn ấy. Đến năm Thành-Thái thứ tám, có mấy người mù ở đàng ngoài vô, đem theo một cây đờn Bầu, *hát xoan, hát xẩm, ngâm Kiều*, hễ hát gì thời đờn theo nấy, nghe ra cũng hay, nhưng mà không đờn theo bản đờn Huế được. Từ đó mới có người đem đờn Bầu hiệp theo điệu đờn năm cây mà đờn ra bài ra bản. Đến bây giờ đờn Bầu cũng thạnh-hành lắm, cho đến chốn ngõ hẹp nang cùng, đi đến đâu đâu cũng nghe tiếng đờn Bầu. Vì là hình-thức đờn Bầu sơ-sài lắm dễ đóng, không tốn-kém bao nhiêu. Lấy ba tấm ván dài chừng hai thước, rộng chừng bốn tấc, đóng lại như một cái thùng, hai đầu cũng đóng bít lại, một đầu tra một cái cần, giữa cần tra một cái bầu, buộc một sợi dây bằng đồng, giăng thẳng lại đầu kia buộc vô nơi trục mà vặn. Khi đờn thời cầm một mảnh tre vót nhọn khảy mà đờn (H. v. 10). Lúc đầu, người Bắc mới đem vào thời đờn từ trên khảy xuống, cách ngồi thời ngồi trệt, gác bản chưn trái lên trên đờn mà kê cho cứng, còn chưn mặt thời dựng gối lên xếp vế sát ngực. Cây đờn thời để phía bên chưn mặt. Nay người ta đờn, thời lại để cây đờn nằm ngang trước mặt, ngồi xếp bằng, chưn mặt gác lên trên đờn mà kềm, còn đờn thời cầm mảnh tre khảy dưới khảy lên. Cách ngồi bây giờ tưởng nhã hơn.

Đờn Cầm Nam 南琴

Đờn Cầm Nam nguyên ông Luân Quốc, công 倫國公 bày ra. Tên húy ngài là Dục 昱. Trong *Hoàng-Nam tiền-biên liệt-truyện* 皇南前編列傳 có chép công-nghiệp của Ngài rực-rỡ vẻ-vang lắm. Ngài là một tay rất mực phong-lưu, tinh-thông nhã-nhạc; phàm điệu hát, câu hò, bài ca, khúc lý, về tay Ngài sửa-sạng lại phần nhiều. Ngài thấy điệu hát mình cung cao lắm, đờn xưa ít ăn theo, ngài mới hiệp cả Cầm, Sắt, Tỳ-bà lại một, chế ra một cây đờn mới, kêu tên là *Nam-cầm*. Đờn ấy thùng dày, hình

như quạt lá-vả, cần dài ba thước, tám dây (H. v. 11). Nam bắc truyền-bá, ai ai cũng cho là hay. Ngài có dạy cho một cô hầu ngài đờn hay lắm. Sau cô ấy lại dạy cho chị Đầu-nương 斗娘. Chị này quê làng An-cựu, phủ Thừa-thiên, lúc còn tóc đề vá đào, tên đề nhạc-tịch. Đến khi trăng tròn hoa nở, da tuyết tóc mây, làn thu-thủy, nét xuân-sơn, thiệt là nghiêng thành nghiêng nước,

H. v. 11. Đờn cầm Nam.

H. v. 12. Đờn Đáy.

lại thêm đờn hay hát giỏi nữa, cũng khá cho là tài sắc vẹn hai. Sau gặp một ông chồng làm quan Tham-tán. Ông này cũng đờn hay; khi rảnh-rang công-việc, vui cảnh gió trăng, hai vợ chồng trau-nhồi điệu đờn, luyện-tập khúc hay, lúc bấy giờ đờn cầm Nam không ai hay lọt được. Đến khi ông chồng tách miền trần-giới, về cảnh Bồng-lai, thời chị Đầu-nương thề không đờn nữa. Đến bây giờ đờn cầm Nam thất-truyền, thiệt tiếc lắm thay! (1)

Đờn Nhà-trò 歌籌琴.

Đờn Nhà-trò tục kêu là đờn *Đáy*, vì là mặt đờn phía sau khoét lũng; ấy cho nên cũng kêu tên chữ là *Vô-đề-cầm* 無底琴; thùng vuông, cần dài ba thước, ba dây, khi đờn thời cầm một mảnh tre mà khảy (H. v. 12), hình-thức gần như đờn cầm Nam hay là đờn cầm Nam mà sau họ sửa thức lại chăng? Đờn Đáy đờn theo điệu *hát nhà-trò*, mau, chậm, thấp, cao, thiệt hay lắm. Hiện bây giờ người tỉnh Nghệ đờn đờn Đáy hay, vì là tại chỗ nhà-trò mà ra.

Ở Hà-tĩnh bây giờ có Cửu Đạm đờn hay nhứt ở tỉnh Nghệ. Trước thời có Cửu Xướng, Cửu Ninh, đờn cũng hay lắm.

Lại nghe tương-truyền rằng đờn Đáy nguyên ông Lý Thiết-Quải 李鐵拐 bày ra. Xưa có hai vợ chồng kia ăn ở nhân-từ mà nghèo, cứ đi làm củi đốt than mà ăn. Ngày nọ gặp một ông già cho một cây đờn, biểu tập đờn ca thời giàu-có. Hai vợ chồng đem đờn về mà không đờn được. Sau lên tìm ông già ấy, thời ông dặn mỗi bữa lên đó ông dạy cho. Đến khi đờn được rồi, thời ông già biến mất. Vừa gặp ngày lễ vạn-thọ vua Võ-đế nhà Hán, hai vợ chồng đến đờn hát. Khi đó có ông Đông Phương-Sóc 東方朔 nghe

(1) Nam-cầm-khúc diễn-nghĩa-ca. 南琴曲演義歌

bài đờn, cứ lưng - lẻo ngậm-ngùi như là bài đờn đã quen nghe từ khi nào rồi. Mới hỏi ai vẽ cho, thời hai vợ chồng nói hình-dạng ông già dạy đờn ra. Ông Đông Phương-Sóc mới sực nhớ lại là ngón đờn ở Cung-tiên, nguyên của ông Lý Thiết-Quải đặt. Ấy cho nên làng Cồ - đạm, huyện Nghi - xuân, tỉnh Hà-tĩnh, mỗi khi lễ Nhà - trò tế, thời tế ông Hán Võ-đế, ông Đông Phương - Sóc với ông Lý Thiết-Quải. Sự - tích đó không biết có thiệt không. Tôi tìm các sách đờn mà chưa thấy rõ.

Ống Sanh 笙.

Trong *Lễ-ký* 禮記 nói rằng ống Sanh nguyên bà Nữ-Oa 女媧 bày ra. Trong *Thuyết-văn* nói rằng ống Sanh mười-ba ống kết lại một, tiếng như phụng reo.

Văn-hiến-thông-khảo nói rằng đời Hậu-chúa có bày Sanh mười-sáu ống. Đời nhà Đàng lại có Sanh mười-hai với mười bảy ống. (H. v. 13).

Tục-văn-hiến-thông-khảo nói rằng đời nhà Nguyên có Sào-sanh (巢笙) với Hòa-sanh (和笙) làm bằng tre bông, mười-chín ống.

Xưa có nhiều người thổi Sanh hay, những là: Vương Tử-Tấn 王子晉; Đồng Song-Thành 董雙成, là người hầu bà Vương-mẫu ; vua Hoàn-Đế nhà Hán 漢桓帝; Đỗ - Qui 杜蘧 người nước Ngụy, v. v...

H. v. 13. Ống Sanh.
(Vẽ theo trong sách « Thanh-triều lễ-khí đồ-thức» 清朝禮器圖式, quyển VIII tờ 57.)

Hoàng 簧.

Ống Hoàng nguyên bà Nữ-Oa bày ra, trong ống có cái lưỡi gà bằng sắt.

Hiện bây giờ ta có thổi thứ ống có lưỡi gà đó, cũng là một thứ Hoàng (H. v. 14)

Vu 竽.

Thuyết-văn nói rằng Vu làm ba-mươi sáu ống, dài bốn thước tám tấc.

Tiêu 簫.

Thông-lễ-nghĩa-toản 通禮義纂 nói rằng ống Tiêu đời Phục - Hy mười-sáu ống.

Sự-Thủy 事始 chép rằng bà Nữ-Oa chế ống Tiêu.

Phong-tục-thông nói rằng ống Tiêu của vua Thuấn, hình so-le như cánh phụng, mười ống, dài ba thước.

Hiện bây giờ cái kèn của Mọi về chợ phiên hay thổi đó, cũng là một thứ Tiêu chăng ?

Bác-nhã 博雅 nói rằng Tiêu lớn hai-mươi - bốn ống, không đáy, Tiêu nhỏ mười-sáu ống, có đáy. Thứ không đáy kêu là *Động-tiêu* 洞簫.

H. v. 14. Ống Hoàng.

H. v. 15. Ống Tiêu.

Tục-văn-hiến-thông-khảo nói rằng đời nhà Minh chế ống Tiêu bằng trúc, dài một thước chín tấc năm phân, tròn ba tấc, đầu ống khoét một lỗ, kêu bằng *Sơn-khẩu* 山口, lỗ ấy dùng mà thổi, trước năm lỗ, sau một lỗ. (H. v. 15)

Ống Tiêu của ta hiện thổi bây giờ, hình-thức cũng vậy, đều có nhỏ với ngắn hơn.

Những người xưa thổi ống Tiêu hay, là : nàng Lộng-Ngọc 弄玉, con vua nước Tần, Tiêu-Sử 簫史, vua Huyền-đế với vua Linh-đế nhà Hán, Trương Lương 張良, vân-vân . . .

Địch 笛.

Quảng-nhã 廣雅 nói rằng Địch bảy lỗ, tức là ống *Sáo* ta thổi bây giờ (H. v. 16).

Xưa những người thổi Địch hay, là : Mã-Dung 馬融, Tống-Vĩ 宋緯, Tử-Giã 子野, Nô-Nhan 奴顏. Đời nhà Đàng có Lý-Mô 李謨 hay nhứt trong nước.

H. v. 16. Ống Địch.

H. v. 17. Ống Quản

Địch có khúc riêng kêu tên là : *Chiết-dương-liễu* 折楊柳, *Mai-hoa-lạc* 梅花落, *Giả-cô* 鵠鳩, vân-vân . . .

Quản 管.

Quảng-nhã nói rằng Quản như ống Trì, dài một thước, tròn một tấc, sáu lỗ không đáy.

Văn-hiến-thông-khảo nói rằng đời nhà Đàng có chế ống Quản bảy lỗ, kêu là *Thất-tinh-quản* 七星管, lại có một lỗ một bên, lấy lụa ruột tre mà dán lại, để cho reo tiếng, kêu là *trợ-thanh* (助聲). Tức là thứ ống ta thổi ngày nay, mà người mình hay kêu lầm là ống Địch đó. (H. v. 17). Họ hay lột lụa mo cau, hay là lụa hành-củ mà dán *lỗ máy*. Hoặc hái lá khoai tía, lấy móng tay mà chầy

cho hết nhớt, rồi lấy cái lụa mà dán, cũng nhậy lắm. Hoặc lấy giấy hút thuốc tây mà dán cũng được.

Trì 篪.

Thế-bổn 世本 với *Tùy-chí* 隋志 nói rằng ống Trì nguyên ông Tô Thành-Công 蘇成公, chư-hầu đời vua Bình-vương nhà Châu, bày ra, dài một thước bốn tấc, tám lỗ.

Trần-thị nhạc-thơ 陳氏樂書 nói rằng ống Trì như ống Địch mà có đáy, thổi ngang, sáu lỗ. (H. V. 18).

H. v. 18. Ống Trì.

H. v. 19. Ống Huân.

Huân 塤

Thế-bổn với Tùy-chí nói rằng ống Huân nguyên Bạo Tân-Công 暴新公 cũng chư-hầu đời vua Bình-vương nhà Châu bày ra.

Phong-tục-thông nói rằng Huân làm bằng đất to như trứng gà, tròn năm tấc rưỡi, dài ba tấc rưỡi, sáu lỗ ; tức là cái *tu-huýt* của con nít hay thổi chơi đó; nhưng mà tu-huýt của ta có hai lỗ mà thôi.

Thược 籥.

Nhĩ-nhã (爾雅) nói rằng ống Thược như ống Địch, đều ngắn và nhỏ hơn, có ba lỗ mà thôi. (H. V. 20).

H. v. 20. Ống Thược.

IV
NHỮNG NGƯỜI ĐỜN CÓ TIẾNG XƯA NAY

Nước ta số người hơn mười-lăm triệu ; mà kể những tay đờn hay cũng không mấy kẻ, ấy mới biết nghề chơi cũng lắm công-phu, điệu đờn khó không phải dễ.

Xưa thời có ông Dùng với ông Thắm đờn hay lắm ; còn thổi ống tiêu thời có ông Tam, nên có câu ca rằng : « *Nước Nam có bốn mĩ-miều, NGẠN cờ, THIỆU vẽ, TAM tiêu, DÙNG đờn* » Nghĩa là: ông Ngạn đánh cờ cao, ông Thiệu vẽ khéo, ông Tam thổi ống tiêu giỏi, ông Dùng đờn hay.

Kể theo hai ông đó, thời có ông Bền với ông Nhờn. Rồi đến cậu Tống Văn-Đạt. Trong bài tự sách đờn của ngài Nam-Sách, ngài có nói rằng : « Cậu Đạt nguyên là một tay phong-lưu lắm, thường cứ tới-lui chơi-bời với những danh-công cự-khanh, ai ai cũng trọng. » Đến sau nữa thời có cậu Ba-Toán ; ông Phò 24, tên húy là Trần Quang-Phò ; Đội Chín, con cậu Đạt ; Đội Phước, con Đội Chín. Đội Chín giữ được sách nhà, đờn xưng tuyệt-điệu; Đức Dực-Tôn ưa lắm, cho làm suất-đội Nhạc Chánh ; đến khi Đội Chín mất, Ngài Ngự thương lắm, truyền đòi con

đến, hỏi con thử có nối nghiệp được không, thời có cậu Phước đờn cũng hay. Ngài bèn cho kế theo đội Chín mà coi Nhạc-Chánh ; cậu Thứ ; ông bá Yến, người Minh-hương ; cậu Khánh ; cậu Trương-Sáu ; ông Thông-phán Châu Hữu-Ninh ; ông Bố Trương Trọng-Hữu, cậu Cung ở Kim-luông ; ông Hoàng-giáp Phạm Như-Xương người làng Ngân-câu (Quảng-nam) ; ông Tấn sĩ Đỗ Huy-Liêu, người Bắc-kỳ ; ông Cử Lê Cảnh, người làng Bích-la (Quảng-trị).

Đờn-bà thời có chị Tứ với chị Thiện, nguyên người Nội ra. Chị Tứ đờn hay cả năm cây, thêm trống phách cũng giỏi nữa.

Trong Hoàng-phái thời có ngài Nam-sách. Ngài Nam-sách chẳng những là Tranh, Nguyệt, ngài xưng tuyệt-diệu, mà cây đờn Tỳ-bà ngài cũng quán đương thời. Ngài nguyên học với cậu Đạt. Trong bài tự sách của ngài, có nói rằng : Ngài rước cậu ấy về học đến năm năm, mới được truyền y-bát. Ngài Tương-An ; Ngài Tuy-An, hay cây đờn Tỳ-bà ; ông Tịnh-Kỳ, con ngài Định-Viễn ; ông Thông-phán Tôn - thất Toại, hay cả đờn Tỳ với đờn Tranh ; ông Thị Tôn-Thất Linh ; ông Hầu Chí. Ông này đờn Nguyệt chỉ hay được một bài cổ - bản mà thôi, mà cũng đã nổi tiếng rằng : « *Đờn Hầu Chí, lí Hiệu Giỏ.* » Cũng như xưa Tống Kỳ làm thi có một câu hay : « Hồng-hạnh chi đầu xuân-ý náo » (紅杏枝頭春意鬧), thời nổi tiếng rằng « *Hồng - hạnh Thượng - thơ* ». Ấy mới biết đờn với thi cũng như nhau, hễ hay được một bài, một câu chi, thời cũng đã có tiếng. Ngài Mỹ-Hóa thổi ống Tiêu tuyệt-diệu.

Kể về người bây giờ, thời có : Ông Trợ Dõng, tên húy là Ưng-Dũng 膺衝, phòng ngài Gia - Hưng, được truyền y-bát, ngón đờn đàng-bệ lắm ; những người ngồi nghe ông Trợ Dõng đờn, dường như đến chỗ điện-đài cung-các, nghi-vệ nghiêm-trang, tự-nhiên trong mình kế-né không dám ồn-ào. Ông hay đờn Nguyệt mà Tranh cũng hay nữa.

Ông Phủ Thông, tên húy là Đoàn Diệu (1) 殷耀 ở An-cựu, đờn thẳng-mặc lắm.

Ông Kiềm-thảo Trần Trinh-Soạn 陳貞譔, họ hay kêu là cậu Cả Soạn, người Minh-hương (Thừa-Thiên), hay cả Tranh, cả Nguyệt, nguyên đắc-pháp của ngài Nam-sách ; ngón đờn tươi lắm, ít ai sánh được, nghe tiếng đờn như rồng múa phụng reo, diều bay cá nhảy, dẫu ai trong bụng có việc rối trăm chiều, sầu chất muôn hộc đi nữa, nghe đến tiếng đờn của ông Kiềm Soạn, thời vui lòng khỏe dạ, hớn-hở mặt mày, nào sầu-não đi đâu không biết. Ông Kiềm Soạn chẳng những là đờn hay, mà cờ tướng thiệt quán trong cả nước. Bốn thú phong-lưu, chiếm được hết hai.

Cửu-Tâm, tên thiệt là Nguyễn Chánh-Tâm 阮正心 người Kế-môn (Thừa-thiên), ở Quảng-trị, hay cả Tranh cả Nguyệt, nguyên học ông Đội Phước với ông Trợ Dõng.

Ông Hầu Ưng-Biểu 侯膺褒, thường hay kêu là mệ Chín-Thành, đờn tuy đủ cả sáu cây, mà được xưng tuyệt-diệu thời được cây đờn Nhị với cây đờn Độc-huyền ; nghe ngón đờn rúc - rỉa đến xương, thiệt như oán, như tố, như khấp, như mộ.

Quan Tuần Nguyễn Khoa-Tân 阮科濱, người An-cựu (Thừa-Thiên), hiện làm tuần-phủ Hà-tĩnh, đờn Tranh hay.

Quan Thị Ưng-Ân 侍膺蔥, phòng ngài Tuy-Lý, hiện làm Thị-lang bộ Học.

(1) Ông Đoàn Diệu mới qua đời năm Khải-Định thứ 3.

Cậu ấm Phan Đình-Uyển 潘廷琬 (1), thường hay kêu là cậu ấm Ba, người Phú-lương (Thừa-thiên), đờn cây đờn Độc-huyền cũng hay, mà thổi ống Tiêu, thời hiện bây giờ không ai sánh được; tuy thập Tri, đội Thức (đều người Nhạc-chánh) có tiếng ống Sáo hay mặc dầu, mà đến ống Tiêu, thời cũng phải nhường bước trước cho cậu ấm Ba.

Cậu Khóa Hải, tên thiệt là Ngô Phổ 吳譜, người làng Bác-vọng (Thừa-thiên), hiện ở tại An-cựu, đờn tuy có hới nay, nhưng mà rộng.

Đờn-bà thời bây giờ còn có cô Phò 24, người dòng Nguyễn-Khoa, làng An-cựu (Thừa-thiên), với cô Khỏe (2), con cậu Cung, hiện làm bạn với ông đốc Soạn (ông Phò 24 với cậu Cung đã kể trước này rồi), đờn Tranh hay. Cô Phủ Sáu đờn cũng được mà ca hay lắm.

Ấy là các bậc đờn còn giữ cốt-cách trong điệu chánh-thanh. Người biết đờn cũng còn nhiều, mà thiên về Trịnh-Vệ, hễ hỏi đến cung-điệu nhịp-nhàng, thời lờ-mờ không sách-hoạch gì hết.

Hoặc cũng còn tay đờn hay nữa, mà không có tên vào đây, là tại tôi không có duyên nghe họ đờn, hay là họ không có duyên mà gặp tôi chăng?

(Kỳ sau dạy cách đờn và có in các bài đờn)

Minh-xuyên HOÀNG YẾN

Tri-huyện Bình-khê (Bình-định).

DƯ-LUẬN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

I

TẠI LÀM SAO MÀ SỰ QUỐC-DÂN GIÁO-DỤC KHÔNG CÓ CƠ TIẾN-BỘ ?

Bản-chí lấy làm vui lòng đăng bài luận sau này của ông TRẦN DUY-NHẤT, *vì các ý-kiến của ông, nhất là về quốc-văn, thật là hợp với chủ-nghĩa của bản-chí. Vậy bản-chí có lời biểu đồng-tình với ông, và chắc rằng các bạn đọc báo cũng một ý như thế.*

N.-P.

Quốc-dân giáo-dục là gì? Là cái học có thể phổ-cập được khắp mọi nơi, khiến cho mọi người trong nước đều có cái tri-thức phổ-thông để sinh-hoạt ở đời. Muốn thế, mà muốn phổ-cập một cách nhanh-chóng, mà vẫn bảo-tồn được cái hồn của nòi-giống thì phải học thế nào? Quyết là không thể lấy ngôn-ngữ, văn-tự của nước ngoài mà truyền-bá được; vì học chữ ngoài thì trừ-phí tiêu-tán mất cái thanh-âm văn-tự là cái hồn của nòi-giống mình, lại phải cái khổ học cho thuộc chữ, nhớ tiếng, rồi lại phải diễn ra tiếng mình thời mới hiểu rõ, khác nào cũng một con đường mà phải trở đi, lộn lại, hai ba lần, rõ rành công toi vứt đi vô-ích! Ví để cái công ấy mà học trực-tiếp ngay bằng chữ mình thì chẳng là tấn-tốc lắm ru?

Nhưng ngán thay! học-giới nước ta xưa nay, một là có lòng vị-kỷ, tự-cao chỉ muốn học cho hay lấy một mình, để mà lên mặt với nhau; hai là lười-biếng trí-khôn, không chịu sáng-kiến phát-minh; ba là có tính

(1) Cậu ấm Ba đã qua đời năm Khải-Định thứ 4.
(2) Cô Khỏe cũng đã mất năm Khải-Định thứ 3 rồi.

hiếu-kỳ, kính tin sách ngoài như Thánh như Thần, cho là bất-di bất-dịch; bởi thế học chữ Hán trải mấy nghìn năm, mà không nhân đó định đặt lấy một thứ chữ riêng cho đích-đáng để người mình dùng cho chóng phổ-thông, như chữ Quốc-ngữ của ta ngày nay vậy.

Ôi! qui-hóa thay là chữ Quốc-ngữ, thần-diệu thay là chữ Quốc-ngữ! Chữ Quốc-ngữ thật là có cái tài biến-báo một cách nhanh-chóng lạ thường! Ai mà đã học thì chỉ trong vài ba tháng đã biết đọc biết viết như chơi, chớ chẳng như học chữ Hán ngày xưa, có người học như cuốc kêu mùa hạ, thâu đêm suốt sáng, vừa hại cho tinh-thần, vừa hại cho sức-lực, mà thập-niên đăng-hỏa mới đọc viết thông-thông. Có phải chữ Quốc-ngữ có cái tài rút vắn được năm, tháng, ngày, giờ, khiến cho người ta đương già hóa trẻ, đương tẻ hóa vui không? Thử hỏi suốt trong thế-gian này có cái chữ nào học mà chóng biết được như thế không?

Ấy chữ của mình qui-hóa như vậy, mà người mình có biết qui biết dụng đâu! Cứ thấy cái hình-dạng của chữ mà chỉ-định sai-lầm, chớ có nhận vào phần trong là cái thanh-âm, do thanh-âm mới tả ra hình-dạng là chữ để mà ghi nhớ lấy đâu! Gần đây các bậc thông-minh trong nước, có cái nhiệt-thành thương tiếng yêu nước, thấy thế không được yên tâm, mới khởi ra cải-chính chữ quốc-ngữ là chữ Việt, chữ Nam, hay là chữ ta cũng vậy; rồi các ngài lại đứng đốc-công xây luôn ngay lấy nền Nam-học nhà mình, Nam-học ấy mới chính là cái cốt của sự quốc-dân giáo-dục vậy.

Ôi! hai chữ Nam-học qui-báu rực-rỡ kia xuất-hiện đã trải mấy thu rồi, khác nào hai vừng Nhật Nguyệt chói-lọi một góc trời Nam. Nhưng ngán thay! chẳng bao lâu lại bị những đám mây độc-địa kia che lấp, tuy nhờ ngọn *Nam-phong*, mưa *Trung-bắc*, xua đuổi đi, hóa-tán đi, mà vẫn khi tỏ lúc mờ, khiến cho quốc-dân ta không được hưởng cái ánh-sáng ấy. Nói cho đích, là sự Quốc-dân-giáo-dục hay là Nam-học này mà chưa thấy kết-quả gì, là bởi — ngoài những duyên-cớ mà lâu nay đồng-nhân ta từng kêu-ca bình-phẩm, là cái bổn-phận và cái phẩm-hạnh của tân cựu giáo-sư — tựu-trung lại còn mấy cái duyên-cớ như sẽ nói ở sau này nó ngăn-trở.

Mà muốn biết những duyên-cớ ấy thế nào, thì không gì bằng cứ xét ngay hiện-tình các trường Sơ-đẳng yếu-lược là cái khuôn đúc ra những người có phổ-thông giáo-dục, xem nó khuynh-hướng ra thế nào, thì mới tìm mối mà gỡ được.

Những trường Sơ-đẳng yếu-lược, cách dạy tách ra hai phương-diện: một bên thì Giáo-sư có bằng Sư-phạm cũ dạy Nam-ngữ kiêm Hán-tự; một bên thì Giáo-sư có bằng Sơ-đẳng-Pháp-Việt, dạy Nam-ngữ kiêm Pháp-ngữ. Xét ra hai phương-diện ấy tuy khuynh-hướng khinh trọng có khác nhau, mà chung-qui cũng chẳng bên nào được thành-tựu cả. Bởi kẻ nào mà còn học ở các trường này thì toàn là kẻ bị chất lại, vì không có tư-lực lên trường tỉnh học được; lại là những kẻ bị thải ra, vì nghèo khó không có sức nuôi thày học ở nhà; thành ra trên ép xuống, dưới ép lên, mới bắn ra hạng học-trò qui-hóa này; dân nhà-quê cho hạng ấy là hạng nhỡ-nhàng, cho học xoàng-xoàng, vừa làm vừa học, chớ không phải học để ra đua-đòn với đời.

Thế cho nên trong học-qui đã định: « Cứ đúng 7 tuổi thì bắt-đầu vào học lớp Đồng-ấu, mà vào học thì cứ từ đầu niên-học hay là niên-thủ ». Vậy mà đàng này thì thường có kẻ đến 17,

18 tuổi mới vào học, mà bất-cứ ngày nào, tháng nào cũng có người đến học. Có lẽ mỗi người học-trò tức là mỗi tuổi, mỗi lớp, cũng không phải là nói ngoa vậy. Nói đến sách học mới lại chán nữa ! Trường nào dạy kiêm Hán-tự thì kẻ mới vào học tiên-tương hãy vác ngay quyển sách nho (hoặc Tam-hoàng, Ngũ-đế ; hoặc Tứ-thư Ngũ-kinh v . . . v. . .) mà trấn-át thày, ra điều ta đây chung-ái chữ nho lắm lắm, rồi nói : « Hễ con học hết chữ Quốc-ngữ rồi, thì thày cho con học quyển sách này nhé ? » Khốn nạn ! nào có phải thày không biết thế là trái lẽ đâu ; nhưng cũng cố nhắm mắt đưa chân mà chiều lòng chuẩn-hứa ; không có thì nó sẽ nguây-nguẩy cắp sách về, thì nguy cho thày, vì thày sẽ mang tiếng là ngồi nhá lương không vô-ích. Còn trường nào dạy kiêm Pháp-ngữ thì kẻ mới đến học cũng đoan-ước với thày rằng : « Hễ con học hết chữ Quốc-ngữ rồi thì thày cho con học ngay chữ Tây nhé ? » Đàng này thì thày hoan-nghênh lắm, vì có thế thì lại càng tăng giá-trị cho mình, mà lại dễ bưng mắt nó, qui-hồ chỉ chiếu-lệ cho kêu gào con lợn con giê cho qua lần đoạn lượt cũng xong.

Ấy bởi cái quyền-thế của kẻ đi học ngày nay to-tát tự-do như vậy, thì thày dạy làm sao cho hợp chương-trình qui-tắc được, mà dẫu có hợp thì họa-chăng chỉ hợp được quyển sổ luân-chuyển và quyển sổ soạn-bài để phòng khi lý-khám đấy thôi ; vở học của học-trò thì nhiều khi cũng hợp, nhưng hợp một cách khác, như : kẻ nào vì lẽ phong-tục, sự hoạt-động riêng mà phải nghỉ học, thì hôm nào đến học chịu khó chép lấy bài ở *Học-báo* hay ở sổ luân-chuyển mà làm cho đủ bài, chớ không cần phải học, mà cũng không cần phải nghe giảng

Xét ra những nguyên-nhân ấy đã cố-nhiên là không hiểu chương - trình qui-tắc rồi ; duy cái cớ sở-dĩ làm sao mà không hiểu ấy xem ra chỉ bởi dân-gian không biết cái giá-trị, cái mục-đích của cả ba thứ học là Hán, Pháp, Nam ra làm sao, mà học sai đi cả, nay xin chứng-dẫn như sau này.

1°/ *Cái mục-đích học Hán-tự.* — Cái mục-đích học để đi thi ra làm quan là cái mục-đích đối với đoàn-thể xã-hội thì nay đã thuyên-chuyển sang mặt khác rồi, duy còn cái mục-đích mê-tín ở khắp dân-gian thì khó lòng mà cảnh-tỉnh cho được. Kìa như ngày nay trong chốn dân-gian vẫn học Hán-tự một cách sầm-uất, vẫn sùng Hán-tự một cách tôn-nghiêm ; duy cái cớ sở-dĩ làm sao mà sùng-học ấy xét ra không phải vị bảo-tồn mà học, vì chỉ có nệ-cổ, chớ không có lòng ái-cổ ; cũng không phải vị tu-thân luân-lý mà học, vì ngày nay trừ sức kim-tiền ra tưởng không còn gì mạnh bằng, và cách tu-thân xử-thế cổ-thời ấy có lẽ ngày nay cũng không hợp mấy ; mà cũng không phải vị bổ-khuyết quốc-văn, vì chữ mình còn chẳng biết, còn thiết gì đến quốc-văn. Như nay thử hỏi họ rằng : « Học Hán - tự để làm gì ? » thì một trăm người có đến chín-mươi-chín người đáp : « Học lấy chữ nho để mà cúng-vái, đọc văn-tế, xem văn - tự, viết đơn - từ, làm đối, trướng . . . . » đấy. Ôi ! Sự học to rộng khác nào trời bể mênh-mông, mà cái học chỉ khả - dĩ để mà cúng - vái, đọc văn, viết đơn kiện mà thôi, nghe ra nó bồi-hồi trong dạ quá ! Có dễ suốt đời cứ ngồi nhìn mà cầu-khẩn Thần-minh ủng-hộ, cho không phải ăn mà no mãi hay sao ? và có dễ cứ bán ruộng cầm nhà đi để mà mua lấy cái chức đọc văn-tế để tranh thịt tranh xôi, rồi mà xô-xát nhau, kiện-cáo nhau cho thỏa hay sao ?

2°/ *Cái mục-đích học chữ Pháp.* — Trước hết hãy nói : học chữ Pháp

là cốt học lấy tiếng, chớ không mấy người chủ-ý học lấy tinh-thần, tư-tưởng của nước Đại-Pháp đâu. Từ khi Âu-hóa tràn sang, Pháp-học truyền-bá, bất-hạnh xẩy ra cái thời-kỳ xa-hoang vô-độ, nhân-thế sinh ra phóng-đãng đảo-điên; cái học cao mà hay thì chưa thấy, chỉ thấy cái giở giạt vào; người đi học chỉ lấy cái phạm-vi đồng-tiền làm tuyệt-đích, nghĩa là học chỉ học lấy tiếng để bưng tai, bịt mắt nhau cho dễ khoét, dễ kiếm, dễ lên mặt với xã-hội đồng-bào. Đến như trong chốn thôn-quê thì cái mục-đích học mới lại ghê-tởm hơn nữa: tưởng họ cho con đi học để làm gì, chẳng ra chỉ để năm chừng mười họa có Quí-quan đến làng, là đem con ra thở được mấy mụn tiếng Tây, đã lên mặt với dân làng, ra điều ta đây thân-cận thần-thế lắm lắm, rồi mà bắt-nạt đàn em cho dễ. Ngoài cách kiếm-ăn đê-mạt ấy, lại còn một cách kiếm-ăn cũng tương-tự như thế; cũng bởi dân ngu cứ tưởng rằng phàm đơn-từ mà làm bằng chữ Tây, thì thế nào Quí-quan cũng thương-vì mà xét cho được việc cả, thì dù cái kẻ làm đơn ấy vẽ giơi vẽ chuột thế nào, họ cũng hoan-nghênh, mà thuê mất nhiều tiền.

3°/ *Cái mục-đích học chữ Ta (Quốc-ngữ).* — Kịp đến ngày nay, bảo họ học chữ ta, thì họ cho là học vô-dụng, bất-đắc-dĩ mà phải học đấy thôi; vì cứ trong nghị-định thì làm Tổng Lý, trừ-phi hợp với các lệ khác, lại phải biết chữ Quốc-ngữ mới được. Nhưng họ bảo lúc nào sắp ra làm mà có chắc làm được thì sẽ học nóng một độ cũng xong, trẻ-trung làm gì mà đã học; thế ngộ sau không có thể làm được, thì có phải rằng học cho phí công đi không? Họ lại nói: « Học làm quái gì chữ cò-quăm mách-qué ấy, chữ Thánh nào lại có chữ Thánh thế, Thánh nào lại dạy nhảm-nhí những con cua con ốc ấy, đến đàn-bà trẻ con nó cũng thừa biết nữa là! »

Ôi! sự học to rộng mênh-mông, làm gì mà không phải học, thế mà cái mục-đích chỉ khả-dĩ hi-vọng làm lấy miếng Tổng Lý là một chức một làng chỉ có một mống, một tổng chỉ có một người, thì ai là nhịn cưới cho được! Thế ngộ không có lệ ấy thì có lẽ bao nhiêu học-đường phải đóng cửa hết chắc? Ngán thay!

Bởi họ không hiểu vào ruột chữ Quốc-ngữ, đến cái lợi-ích của sự học, là họ đã quen thói trước kia học chữ Hán, kế đến học chữ Pháp, thì bao giờ học cũng có nghĩa, — nghĩa ấy họ cho là nghĩa-lý và lý-thú, — nay học chữ Quốc-ngữ không phải học nghĩa thì họ cho là nôm-na mách-qué; không thèm học, vì không có hứng-thú chút gì, mà có học thì hễ đọc được cả là học hết rồi; vậy nên lắm khi đứa trẻ mới biết đọc, biết viết, — chớ chưa hiểu cách đọc, cách viết, — mà họ đã dám mở miệng nói rằng: « Cháu nó học hết chữ Quốc-ngữ rồi, xin cho cháu nó học chữ nho mới là chữ Thánh, để cháu có danh-vị ở trong dân, hoặc cho cháu nó lên tỉnh học chữ Tây để ra làm việc Nhà-nước, chớ học chữ Quốc-ngữ thì đến già đời cũng không làm gì được. »

Ôi! nghe những câu nói ấy mà lạnh-lùng sởn ốc! tưởng chừng như câu truyện ở một thế-giới nào mới tìm ra, hay là ở một thời-đại nào đã trải qua thăm-thẳm; lại như là câu nói mơ-sảng ở trong giấc chiêm-bao vậy. Thế nhưng xét kỹ ra thì cũng có nẩy ra sự-thực ở trong câu nói mơ-sảng ấy, như câu: « Học chữ Quốc-ngữ đến già đời cũng không làm gì được! » Mà thật, học chữ Quốc-ngữ dẫu tài giỏi đến đâu cũng không làm được nghề-ngỗng gì thật, vì trên không dụng, dưới không tin, toại-thành trên không chẳng, dưới không rễ; rút cục đến kẻ nói ấy,

chẳng qua cũng chỉ là nói hão mà thôi; vì nói được mà chính mình vị-tất đã làm được việc gì có ích-lợi trông thấy nhãn-tiền, nghĩa là không kiếm được tiền vậy. Nhất là ở cái thời-đại này, phi tiền với quyền thì nói chẳng ai nghe, đe chẳng ai sợ, đạo-đức cũng xếp xó, tài-năng cũng gác lên. Vậy mà hai cái Hán-học và Pháp-học thì thật là chiếm-đoạt được cả hai cái của báu thứ-nhất ở đời này là tiền với quyền, gia-dĩ lại chiếm một cái địa-vị về đàng tín-ngưỡng nữa, thì Nam-học còn cựa làm sao? Ấy là hai cái học ấy nó mới đứng riêng một địa-vị, nhiễm riêng vào một con người, mà cái sức đã mạnh ghê như vậy! Vô-phúc mà nó lại dung-hợp vào một người nào thì rõ thật chẳng khác gì hổ kia mọc cánh, ưng nọ thêm chân, khiến cho cái nhuệ-khí dục-vọng tham-ô càng thêm gớm-ghiếc!

Nay muốn xé tan cái màn u-ám ấy để dân-gian trông thấy cái ánh sáng Quốc-dân giáo-dục thì phải diễn-giải cho họ hiểu biết mấy cái mục-đích, cái lợi-ích của mọi sự học như sau này, nhân thể lại phá cái nghi-án của họ mê-tín chữ nho nữa.

1. — Cái mục-đích học phổ-thông và cái lợi-ích học trực-tiếp bằng chữ Quốc-ngữ.

a/ *Sự học phổ-thông.* — Học phổ-thông là gì? Là cái học mà phàm người ta đã xứng cái tên gọi là người, mà muốn giữ được cái địa-vị cao hơn muôn loài muôn vật, thì tất là phải học. Mà học phổ-thông ở bậc Sơ-đẳng này tức là bước qua cái cổng làng sự học mà ra, rồi tùy ý muốn đi phương nào thời đi, làm nghề gì thì làm. Vậy thì bước này coi tuy tầm-thường, mà kỳ-thật quan-hệ cho đời người ta lắm vậy. Thí-dụ như thế còn khí khó hiểu, muốn thí-dụ cho dễ hiểu hơn thì phải tỉ người ta lúc còn nhỏ, lần-quất ở chốn gia-đình chẳng qua chỉ như cái trứng ở trong ổ trứng; duy đàng này thì có tri-giác vận-động, mà cái tri-giác vận-động ấy chẳng qua cũng chỉ đói thì muốn ăn, khát thì muốn uống, nhưng không biết sở-dĩ làm sao mà có ăn có uống, cái tính ấy là cái tính « duy-kỷ » rất độc-ác xấu-xa. Cái tính duy-kỷ ấy nếu không chữa đi, để nó lớn lên thì sẽ chuyển thành cái tính « sát-tha » khốc-hại. Thế cho nên phải có giáo-dục; giáo-dục mà đã phổ-thông rồi thì tức là trút bỏ cái lốt xấu tính hư kia đi, để biết cách làm người và để biết đại-lược về cách sinh-hoạt ở đời, tức cũng như con chim nó nứt cái vỏ trứng mà ra, đi kiếm ăn vậy. Người nào mà không học thì chẳng khác gì cái trứng ung trứng thối, bề ngoài thì vẫn nguyên hình cái trứng, mà kỳ-trung thì rất tởm rất ghê. Cũng như câu cách-ngôn của Tiên-nho ta: « Phú nhi vô-giáo, tắc cận ư cầm-thú », nghĩa là giàu mà không có giáo-dục thì cũng chẳng khác gì giống chim muông vậy. Câu ấy không phải chủ-ý chỉ-trích riêng nhà giàu đâu. Ngụ-ý là đã giàu thì tất no đủ, hẳn không tàn-bạo cho lắm, thế mà cũng chẳng khác gì chim muông, huống chi lại phải cái tội nghèo nữa thì còn độc-ác tàn-nhẫn đến đâu, thì không biết tỉ với giống gì cho xứng! Thế nhưng mỗi thời mỗi khác, giàu ngày xưa thì còn bào-hoa bố-thí, chớ giàu bây giờ, nhất là kẻ giàu ở chốn thôn-quê, cho vay một vốn mấy lời, gà quê ăn-quần cối xay, cho nên có làng bị một tay kẻ giàu nó chiếm mất quá nửa phần điền, khiến cho lắm người không còn lấy một sào, một thước, đến nỗi phải ly-biệt kẻ bắc người nam mà mang thuê vác mướn, bỏ quán bỏ quê! Ôi! giàu như thế phỏng có đáng không? ngồi mà nuốt cho lắm, phỏng có ngon không? Tổng-chi chỉ bởi không có giáo-dục mà ra cả. Sao lại bảo rằng họ không

có giáo-dục, thế họ chẳng đi học là gì? Thưa rằng: Có học, nhưng chủ-ý chỉ học lấy chữ, để xem cho thông văn-tự, rồi mà hút cho lắm, vẽt cho đầy, cho nên bảo rằng không có giáo-dục cũng không phải là nói quá vậy.

b/ *Cái lợi-ích học phổ-thông bằng chữ Quốc-ngữ.* — Cái lợi-ích học chữ bản-quốc (Quốc-ngữ) đối với thiếu-niên học-giả nước mình có cái trợ-lực rất mạnh rất to! Bởi tiếng mình thì ai cũng biết sẵn từ lúc bập-bẹ mà ra, nghe đã quen, nói đã thạo, vì đã qua một cái trường học tiếng rồi, — trường học tiếng là trường gia-đình giáo-dục vậy,— đến lúc đi học thì chỉ phải học cái hình chữ, để mà bày-tỏ những tư-tưởng ý-kiến của mình ra, và để ghi nhớ giúp cái óc về những điều mình đã học đã biết cho khỏi quên những đi. Chớ nếu lại bắt học luôn ngay một thứ tiếng nào nữa, thì khác nào lại phải « tái-sinh » làm một giống người ấy, nghĩa là lại bập-bẹ bằng cái tiếng ấy một lần nữa. Cứ cái lý tất-nhiên như thế thì ai ai cũng biết rằng phi học bằng tiếng của mình thì không chóng phổ-thông được.

Ấy là cái học mình đối với mình, kẻ đi học đối với chính kẻ đi học, mà cái lợi-ích đã to-tát như vậy, lại còn cái lợi-ích gấp mấy muôn phần là cái lợi-ích kẻ học-giả đối với chúng-nhân trong quốc-dân xã-hội nữa; nhất là một xã-hội như xã-hội của ta ngày nay, con đường sinh-hoạt còn đương eo-hẹp, sự giáo-dục còn mười phần khiếm-khuyết, thì nghĩa-vụ kẻ học-giả — nhờ được vận-hạnh có lực theo đòi học-tập được — lại phải nghĩ đến phần nhiều người khác mà chia-bôi san-sẻ cái quả giáo-dục vừa ngọt vừa bùi cho nhau; nghĩa là nên học thế nào cho đã hay vào mình, lại phải ảnh-hưởng lưu-truyền đến mọi người khác mới phải. Sự đó tưởng chẳng khó-khăn gì, miễn là chỉ học bằng Quốc-văn là đủ. Quốc-văn tức là tiếng của mình, tiếng của người mình, thì người mình ai nghe cũng hiểu; vậy thì mình học ở nhà tức là học giúp cho cả nhà, cả xóm, cho chí cả làng; mà đi đến đâu tức là đem cái hạt-giống sự học tốt tươi mà gieo vung ra đến đấy, rồi mình lại thâu-nhập lấy những điều khôn lẽ khéo mà thiên-hạ đã thả ra. « Đi khúc đàng, học sàng khôn », phần nghe người bảo, phần bảo người hay, trí-khôn san-sẻ cho nhau, lợi-ích cùng hưởng với nhau. Nếu ai ai cũng mang một cái tư-tưởng như thế, cũng sẵn một cái hi-vọng như vậy, thì tưởng chẳng bao lâu mà quốc-dân sẽ thành một quốc-dân có giáo-dục thông-thường vậy. Đây là mới kể sự học sơ-đẳng tầm-thường, cách truyền-bá vô-hình giản-dị, làm ra chẳng phải công-phu gì mà sự lợi-ích đã bao-quát dường vậy. Chớ như cao hơn nữa là diễn-thuyết với báo-trương là hai cái động-cơ truyền-bá văn-minh rất mãnh-liệt, rất tài-tình mà cũng dùng bằng quốc-văn thì cái lợi-ích lại là vô-cùng vô-cực. — Thế nhưng muốn cho đồng-bào ta hồi-cố đến cái tổ-mộ quốc-văn, thì trước hết học quốc-văn cũng phải có cái lợi hữu-hình, nhất là ở vào thời-đại « duy-lợi-thị-cầu » này, thì lại cần phải thi-hành cái chủ-nghĩa ấy lắm. — Vậy ai ơi, có phải là giống người Nam, thì phải yêu lấy tiếng Nam, dùng lấy tiếng Nam; chớ đừng có như ai chỉ những tham thanh chuộng lạ, động thấy của người là tối mắt lại, mà của mình thì khinh-thị cho là mọi-rợ nôm-na, không thèm nói, chẳng thèm nghe. Nghĩ đến thảm-thê khôn xiết!...

Trở lên là nói chung cả người nước nào mà học ngay bằng chữ quốc-ngữ của nước ấy — tiếng quốc-ngữ là tiếng chung của người các nước xưng-hô cái chữ của mình, như người

Pháp thì gọi chữ Pháp là quốc-ngữ, ta gọi chữ ta là quốc-ngữ, vân vân, — thì đều tiện-lợi như thế cả, chớ không những người mình học chữ mình mới tiện-lợi thế đâu. Duy chữ của người ta thì người ta trọng-vọng tin-dùng từ đời kiếp nào đến nay, người ta chịu phát-minh suy-nghĩ, nghiên-cứu sưu-tầm, hết đời ấy sang đời khác, cho nên đến giờ mới dư-dật phong-đăng như vậy. Chớ như tiếng mình thì người mình coi khinh coi bỉ, tình-phụ hàng mấy mươi thế-kỷ nay ; mãi đến sáu bảy năm rầy mới có ít người — vạn ức người mới có một người yêu-dấu — thế mà đã sinh-sản ra không biết cơ-man nào là con - cái Nam-âm ; giá ta mà chịu học, chịu dùng, chịu tài-phùng nghiên-cứu mà cử-quốc đồng-nhân cùng nghĩ như thế cả, thì chưa biết chừng bây giờ đã giàu có đến thế nào rồi ; chớ còn đâu ở cái cảnh-huống bần-hàn trong lúc này, là cái lúc người ta đương thi nhau bay-bổng tận mấy từng mây, tò-mò tận đâu đáy biển, mà người mình thì lắm người còn ngu-si dốt-nát, mơ-hồ không biết gì đến thiên-hạ-sự cả !

2. — Cái mục-đích học chữ ngoài để làm gì, và cách học thế nào cho phải.

Trong sự học chữ ngoài gồm lại có hai mục-đích : một cái thấp, một cái cao, một cái hẹp, một cái rộng, hay là một cái thuộc về vật - chất, một cái thuộc về tinh-thần.

a/ *Thuộc về vật-chất*, là cái mục-đích của mỗi người cần học lấy chữ lấy tiếng để giao-thiệp trực-tiếp hay là thư-tín vãng-lai ; hoặc hỏi-han trong khi du-lịch, hoặc giao-tiếp những lúc bán buôn ở nước ngoài ; chớ không phải như lắm kẻ rởm-đời mà vô-lễ, ở nước mình, người mình với nhau nói truyện cũng dùng tiếng ngoại-quốc, thế là không hiểu, chớ như thế có khác gì định ăn cắp hay là nói vung người ta thì mới rở cái lối giấu-giếm thầm-vụng ấy ra chớ !

Về cái mục-đích học để giao-thiệp này, như ta học chữ Hán ngày xưa thì thật là vô-dụng, vì cũng một thứ chữ mà mỗi nước mỗi xứ nói một giọng khác nhau, cho nên phi « bút-đàm » thì không hiểu ; nhưng không có lẽ trong một nước — nhất là các nước phương Đông này — từ nhi-đồng, phụ-nhụ, ai cũng biết chữ cả hay sao ? mà bảo lâm-thời « bút-đàm » được? Chẳng qua trong một nước phần nhiều người chỉ biết tiếng không thôi, chớ mấy người biết chữ. Thế mới biết muốn cho một dân-tộc ai ai cũng cầm được bút viết thì thật là khó ; chẳng qua chỉ học khôn học khéo bằng miệng nói mắt trông, bằng cách giáo-dục phổ-thông trong trường thiên-nhiên-học-hiệu. Ấy tiếng đã có sẵn rồi, chỉ còn thiếu vạch ra chữ nữa, mà cũng không sao học mà vạch ra được ; vậy mà có người còn mơ-tưởng những « đem tiếng đem chữ nước ngoài mà truyền-bá cho khắp bàn-dân mình, lấy đấy làm quốc-văn thay cho tiếng mình, » thì thật là không biết nghĩ. Có họa dùng đến phép Tiên đem nặn ra một xã-hội giàu-thịnh mới mà cho học như thế, thì mới có thể được.

b/ *Thuộc về tinh-thần*, là cái mục-đích đối với toàn-thể quốc-dân xã-hội mình mà học ; phái này trong một nước chỉ độ mấy mươi người — mỗi môn một vài người học — cũng đủ ; nghĩa là học lấy mọi đường học-thuật của nước ngoài, đem về lấy chữ mình mà hoặc dịch-thuật sách ngoài, hoặc trước-tác tổng-quát để truyền-bá cho quốc-dân mình cho chóng. Học như thế tức là thu lấy tinh-thần tư-tưởng của sách ngoài thôi, chớ không phải đem cả chữ ngoài về dạy người mình

học; cũng như mình thấy cái nhà ở nước ngoài to-cao đẹp-đẽ, mà mình muốn làm được như thế — và có thể khéo hơn thế — thì mình họa lấy kiểu-mẫu ấy đem về lấy vật-liệu của mình mà làm; chớ không phải khiêng cả cái nhà ấy đem về nước mình mà dựng lên đâu; như thế thì dẫu phép thần-thông cũng không sao được! Thế nhưng muốn làm được cái nhà cao đẹp như vậy, thì ta không thể lấy tre lấy đất mà đắp nên được, tuy ta không có đâu những xi-mo, hòa-thổ mà làm, nhưng ít ra cũng phải làm đến gạch, gỗ, cát, vôi, muối, thì mới chắc. Cũng như muốn dịch-thuật hay trước-tác cho khỏi kém tinh-thần tư-tưởng của sách ngoài đi, thì văn của mình cũng phải cao đã, tuy không bằng được văn của người, nhưng cũng phải suýt-soát mới được. Ấy bởi thế mà dân ta đối với chữ Hán có cái quan-hệ mật-thiết đặc-biệt hơn cả, là để pha vào Quốc-văn ta cho chóng cứng rắn lên thì mới có thể chịu đựng nổi những tư-tưởng học-thuật của Thái-Tây được; báo *Nam-phong* sở-dĩ có giá-trị hơn cả là bởi noi theo cái mục-đích, cái tôn-chỉ như đã nói ở trên. Cứ thế thì cần gì phải lắm người học, thiết-tưởng suốt trong tam-kỳ, mà mỗi kỳ có độ một tập báo như báo *Nam-phong* này, thì có lẽ chẳng bao lâu quốc-văn ta sẽ được tinh-kiện với văn người, để người khỏi cười rằng ta vụng!

Về mặt học để dịch-thuật trước-tác này, như ta học chữ Hán ngày xưa — cả đến chữ Pháp lúc mới đầu nữa — cũng lại là vô-bổ nốt, bởi vì bấy giờ chữ ta chưa thành hình thì lấy gì phiên-dịch sang? Chẳng qua chỉ cắt nghĩa truyền-khẩu, rồi lại quên nhẵng đi, học như thế có khác gì «bắt bóng» không? mà vừa tốn công vừa vô-ích. Hai nữa là tiếng mình không được giồi-giáo, thành ra cắt nghĩa chặt-chẽ câu-nệ, làm cho mất cả cái tinh-thần tư-tưởng của sách ngoài đi, tổng-chi lỗi tại mình cả. Cho nên muốn học chữ ngoài cho hay cho giỏi thì trước hết cái học của mình cũng phải thông đã, cũng như câu: «Anh-hùng nhiên-hậu thức anh-hùng», nghĩa là muốn biết bụng người thế nào thì trước hết mình cũng phải có cái bụng như thế đã.

Vậy thì nay có thể tóm một câu rằng: Muốn học chữ ngoài cho giỏi thì mình cũng phải có cái tri-thức phổ-thông đã, rồi sẽ học, cũng như phá cái đất hoang đi rồi muốn trồng thứ gì thời trồng, gieo giống gì thì gieo.

3. — Ngoài sự học để pha vào Quốc-văn thì trong quốc-dân không phải dùng toàn-bức Hán-văn nữa.

Cứ như hai mục trên đã nói, thì hẳn ai cũng biết rõ rằng dân ta ngày nay chỉ nên học nguyên Quốc-văn mà thôi, để chóng phổ-thông và mau phổ-cập, còn chữ ngoài — nhất là chữ Hán — thì chỉ một phái học cho giỏi mà thôi, phái học ấy chỉ bằng một phái triết-học ở một nước cũng đủ, mà cái mục-đích học thì vừa để bảo-tồn lấy tinh-thần Hán-học, vừa để pha thêm vào Quốc-văn, giúp cho quốc-dân khỏi phải học Hán-tự cho tổn mất thì-giờ, mờ cả óc sáng đi. Thế nhưng cứ như trên kia đã nói thì ngày nay trong chốn dân-gian còn học chữ nho để cúng-vái, đọc văn-tế, xem văn-tự, viết đơn-từ và làm đối-trướng kia mà, thì làm thế nào mà tỉnh ra cho được? Nhưng phải giảng cho họ biết rằng như thế thì thật là lầm-lẫn đấy; cái lầm ấy từ xưa đến nay chưa từng thấy ai xướng lên cho dân-gian sửa đổi, để đến nỗi tập-quán thành phiền. Nay phải chữa liền ngay mới được.

a/ *Khấn vái Tổ-Tiên.* — Ngày trước chữ nho có phổ-biến trong quốc-dân ta, nghĩa là ai ai cũng hiểu chữ nho

cả không? Hẳn không. Đã không thì sao lại dùng chữ nho mà khấn - vái, còn ra nghĩa-lý gì? Thậm-chí có kẻ u-mê, chữ nhất là một không biết, mà cũng đọc truyền-khẩu một bài khấn bằng Hán-văn để lâm-thời đem ra cúng khấn vong-nhân cũng giốt-đặc như mình, có khi là nhi-đồng phụ-nữ nữa, thì thử hỏi có vô-lý không? Nhưng mà không, chẳng trách được, vì trước kia ta có chữ riêng để mà ký-tái đâu. Chỉ có chữ Nôm thì không thể được, vì sợ lầm chữ nhó-nháy ở bên, rồi nó sai-lạc đi, vậy chẳng ký-tái bằng chữ nho thì còn làm thế nào được? Bây giờ ta đã có chữ phân-minh rồi, tội gì phải dùng cái lối ám-muội và trái lẽ ấy nữa; bụng ta nghĩ làm sao thì ta vạch ngay thế ấy, đọc ngay thế vậy, để ta cũng hiểu mà tiền-nhân ta cũng hay. Còn như gia-phả, chúc-thư, trước kia làm bằng chữ nho, thì nay đem dịch ra một bên chữ nho, một bên Quốc-ngữ, để mọi người cùng đọc, cùng nghe, cùng xem, cùng hiểu một cái lịch-sử gia-tộc nhà mình; chẳng hơn là cứ để: Cao-cao, Tằng-tằng, Tổ-tổ, Tỷ-tỷ, thì mấy người đã biết mà biện-biệt cho ra.

b/ *Đọc văn tế Thần.* — Thần Thánh thì lúc sinh-tiền có phải là người Việt ta không? Có, vậy thì chi bằng ta làm văn-tế bằng Quốc-ngữ (chữ ta), rồi ta đọc thẳng ngay bằng tiếng ta, phỏng có tiện và hợp lẽ không? Can chi mà phải mua hơi mượn tiếng cho phiền. Thế cũng đủ, nhưng còn một lẽ cao hơn nữa, là không cứ Thần Thánh sinh hóa ở đây mà ta dùng quốc-âm tế vái đã đành. Kia như các Cố truyền-giáo ở đây chẳng cũng đem phiên-dịch sách Đạo bằng tiếng La-tinh ra tiếng ta để ta cầu-nguyện là gì? Và chính các Cố cũng đều thông tiếng ta cả. Bởi lẽ đạo-giáo xưa nay đi đến đâu là thích-hợp ngay đến đấy, thế mới gọi là quảng-đại từ-bi. Không những thế, đến như người trần đi đến đâu cũng phải uốn mình noi theo phong-tục ở đó; cái lẽ « nhập quốc vấn tục » xưa kia Thánh-Hiền vẫn từng thi-dụng, nghĩa là đến một nước nào thì trước hết phải hỏi phong-tục của nước ấy thế nào để mà theo cho khỏi phản-trái cái tâm-lý, cái lễ-nghĩa của người ta. Mà muốn hỏi tỉ-mỉ thì hỏi bằng gì? Không lẽ bắt cứ-quốc người ta phải biết tiếng mình để mình hỏi được! Tất phải hỏi bằng thổ-âm của người bản-xứ. Như ngày nay các quan Bảo-hộ mà vị nào hiểu thấu những tinh-tinh phong-tục của ta, thì đích là vị ấy thông-hiểu tiếng ta vậy. Lại còn một lẽ cao-đẳng phổ-thông nữa, là người ta đối với Quỉ-Thần chỉ cốt lấy lòng thành mà biểu-lộ ra cái lửa con mắt cũng đủ thấu đến cửu-trùng được, cũng như câu « tâm động Quỉ-Thần tri », hay là « Phật tức tâm, tâm tức Phật » vậy; can chi mà phải nần-nỉ vật-vã bình như đầu-thân giả-họa sao nên! Đến như trần-gian có người thông-minh sáng-suốt, kẻ khác muốn cầu-khẩn vật gì, có khi chẳng đợi phải nói-năng chi, mà người ta cũng hiểu suốt, nữa là Thánh Thần.

Nay phải giảng giải cho họ hiểu những lẽ đó, bảo từ rầy cứ chữ mình mà cầu, tiếng mình mà tụng. Còn như Phật-kinh Thánh-chỉ, văn tế, văn bia cũ bằng Hán-tự thì nay nếu người nào có dạ thông-minh, có lòng vị-đạo, có nghĩa vị-tha, xót-xa vì thế-sự, thì cũng nên đem dịch ra Quốc-âm, để vừa tụng vừa nghe vừa hiểu được, rồi mà cứu lại cái nhân-tâm mục - nát ngày nay; chớ cứ để như trước, cả đời ê-a tụng-niệm mà mang-nhiên không biết chân-lý là đâu, lịch-sử thế nào, đến nỗi đường thẳng hóa ra bến mê, mà cửa từ-thiện bồ-đề biến ra trường đua-chen danh-lợi! Thì ra trước kia họ cứ tưởng cửa Thần cửa Phật là chỗ bá-cáo việc riêng, yêu-cầu lợi nhỏ;

mà kinh văn thì hễ tụng-niệm được nhiều là thành quả phúc, chớ không phải để đọc cho hiểu, mà khuyến-giới nhân-tâm, tự-tân cải-quá, bỏ lòng tà-dục ; thế mới gọi là mê-tín, hèn nào mà tôn-giáo chẳng suy-đồi trụy-liệt !

c/ *Văn tự, văn khế giấy-má, đơn-từ.* — Nay xin Nhà-nước thi-hành cái lệ phàm văn tự văn khế phải làm bằng Nam-ngữ thời mới thâu-nhận duyệt-phê, không thì bắt phải đi về làm lại. Còn như giấy-má việc quan thì trước đây trong Bộ đã lục - tư vâng lời Thánh-dụ : « Phàm các giấy-má việc quan là thuần dụng chữ quốc-ngữ cả ». Không biết rằng các ngài thuộc-hạ đã phụng-hành và đã ban-bố cho dân-gian tuân-hành chưa. Nếu chưa thì xin kíp thi-hành ngay cho khắp.

d/ *Câu đối, bài trướng.* — Cái tục làm đối trướng hiếu hỉ này không những kiểu-tính cô-lậu, mà lại hại lây sang con đường lý-tài nhiều lắm, hai đứa con bất-tiếu ấy, từ xưa đến nay nó phá hại không biết cơ man vàn mớ nào là của-cải cơ-nghiệp ở cái nhà Nam - Việt này, nào liễn Tàu, nào nhiễu vóc Tàu, nào vóc Tây, vải Tây, nào kim - tuyến chỉ mùi, nào kính lồng hột bột, vân vân. Xét ra chẳng qua người mình có cái tính tự-phụ tự-khoa, phô-trương kiểu-hãnh, chớ chưa hề có mấy ai đã biết đem con mắt cảm-tình với tấm lòng trong-sạch mà chia-bôi việc buồn việc vui của kẻ khác ; cái tâm-lý của người đem đối trướng đi phúng đi mừng thì thế, đến như cái ý-chí của kẻ nhận những đối trướng ấy thì lại chuộng cái hư-danh tâng-bốc, mà không có cái mĩ-tính mĩ - tình không biết cách xếp - đặt trong gia-đình cho huy-hoàng lịch-sự ; cứ thích lòe-loẹt rườm-rà, nguy-nga lộn-xộn. Sao không noi gương nhã-nhặn của người Qui-quốc chỉ dùng mảnh giấy mà quảng-cáo hay đăng báo, rồi diễn-hỉ điếu-tang cho khắp vùng cố-quốc tha-hương thấy đều chia buồn sẻ thú ; có phải phong-thú cao-thượng là dường nào ? mà lại có cái ý khuyến-khích nhân-tâm, ai ai cũng muốn làm nên sự-nghiệp hơn người để cho nhân-quần tưởng-vọng, hậu-thế cảm-hoài, mà không hao-phí tiền tài, chết trâu, chết lợn. Nay hễ cải - lương theo gương Qui-quốc mà làm bài diễn bài điếu tất phải dùng bằng Quốc-văn, thì cái xa-phí về sự làm đối trướng tất cũng bỏ dần đi hết.

Nói tổng lại là ở dân ta từ việc tế Tổ, sự Thần, cho chí việc giao-tình giao-tế, nhất nhất vật gì cũng đều ngưỡng-cấp ư ngoại - nhân, lớn từ đối trướng nghi-môn, màn quần áo nỉ, cờ quạt tán tàn, cho chí nhỏ từ bao sáp, thẻ hương, gói chè, bánh pháo, vàng mã vân vân, là toàn dùng ngoại-hóa cả, chung-qui chỉ « thủ hư-danh » mà « thụ thực-họa » đấy thôi ; đồng-bào ta ơi, mau mau tỉnh-ngộ !

Nay đã diễn-giải cho quốc-dân hiểu biết cái mục-đích, cái lợi-ích của mọi sự học rồi và đã xướng lên quyết phá cái nghi-án về sự dùng chữ ngoài mà thờ-phụng cúng-vái rồi, khác nào đã hé cho nom thấy cái ánh sáng của cái đèn sự học, nhưng lại phải xử-trí với họ thế nào để như là đã cho họ biết cái ánh sáng tốt đẹp ấy là ích-lợi, thì lại phải cho họ đem công việc của họ vào làm-lụng ở dưới cái ánh sáng ấy để cho họ mừng, nghĩa là phải tìm cách mà vận-động cho họ đạt tới cái mục-đích như sau này.

4 — Nên thi lấy bằng Nam-học sơ-đẳng và nên lợi - dụng lấy những người có bằng ấy.

(Lợi-dụng những người có bằng ấy tức là khuyến-khích Nam-học, là cái lợi-khí truyền-bá sự học phổ-thông rất mẫn-tiệp.)

Cái lẽ « học thố vu hành » là một lẽ đương-nhiên, dù ở nước nào, người nào đã có cái chí cầp sách đi học là đều có cái tư-tưởng ấy ; nghĩa là việc đời có tạo-nhân thời phải có kết-quả mới thú ; cũng như học thời phải có thi, thi thời phải có dụng thời mới muốn học. Vậy mà cứ xét cái kết-quả ở các trường Sơ-đẳng-yếu-lược nhà quê ngày nay, kẻ thôi học ra về, không trông thấy cái lợi-ích hữu-kỳ ở đâu. Khác nào kẻ vào rừng hay xuống sông kiếm lợi, mà phải lững-thững trở về tay không, thì nó lấy làm chán ngán lắm. Vì nó có biết cái ích về trí - dục và thể - dục ở đâu. Cũng như đàng này cứ bảo rằng « học để biết cách làm người và để sinh-hoạt ở đời », thời không khỏi làm cho kẻ cho con đi học và chính kẻ đi học thêm chán-ngán mà bảo rằng : « học cũng như không », vì họ có biết cái lẽ cao xa kia đâu. Vả lại chính cái lẽ kia nữa thì về sự học để « biết cách làm người », tất chúng-nhân cũng chẳng công - nhận cho nào, vì họ cho là học « vô đạo » ; mà về sự học để « biết sơ-lược về mọi sự hành-vi sau này », thì chúng-nhân không dùng, lại còn hết sức bài-bác chê-bai, không cho mở mặt mở mày ra được.

Vẫn biết rằng sự học Sơ-đẳng-yếu-lược không phải là cái học để kiếm ăn ngay thật, song sự đó thiết-tưởng ở nước trình - độ văn - minh đã cao thời phải, chớ ở đây thì chưa nên bắt-buộc như vậy, vì cái trình-độ dân ta còn đương ở cái thời-đại ấu-trĩ, như đứa trẻ thơ chưa nên bắt vào khuôn vào phép cho lắm, còn phải vuốt-ve nịnh-nọt, dẫn-dụ dần-dần. Cũng như đây tuy chưa có thể trọng-dụng được, thời cũng nên cho cái quyền-lợi danh-dự gì đối với người dân cho biệt-nhỡn tí-chút, để gọi là báo-đáp cái sự học của người ta. Nhưng phải có cách hạn-định mới được, nghĩa là tuyển lấy người thực học. Vậy thì phải thi lấy toàn học-trò các trường Sơ-đẳng yếu-lược [1] ở lớp sơ-đẳng đã đủ niên-học với bốn tháng nữa [2]. Thi như thế lại lợi được một vài điều là học-trò học không được gián-đoạn, lại mới biết được cái kết-quả của các Giáo-sư dạy tiến hay thoái, biếng hay chăm.

Mà cái thi này vì không trái hẳn trật-tự trong Học-chính tổng-qui (ngày 21 Décembre 1917) lại hợp với những lẽ chính như sẽ nói ở sau này, cho nên không thể gọi là thi Tuyển-sinh được, vì thi Tuyển-sinh như trước thì niên-hạn định hoặc thấp hoặc cao không được nhất-tề và không cứ học ở trường nào cũng được dự-thi.

Vậy thì nay phải đình hẳn cái thi này là thi lấy bằng « Nam-học Sơ-đẳng » mới được.

Quyền-lợi của những người có bằng ấy. — Ai có bằng ấy mà không có tư-lực đi học được nữa thì về dân sẽ cho cái danh-dự được ngôi-thứ và được quyền bảo-cử Chánh Phó-lý đồng với hạng Khóa-sinh cũ [3] (như bây giờ cũng nên rộng cho cả hạng Tuyển-sinh

(1) Đây sở-dĩ lấy nguyên học-trò các trường Sơ-đẳng-yếu-lược là có ý dử cho nhiều người đến học, thời không phải cấm mà các trường tư-thục ở nhà quê tự-khắc tiêu-mòn đi. Sau nữa những trường Sơ-đẳng-kiêm-bị chỉ lấy toàn những học-trò các trường yếu-lược đã trúng-tuyển vào học cho khỏi chen-chúc nhau, mà trẻ nhà quê đỡ phải lên tỉnh học khỏi nhiễm phải cái thói xa-hoang lãu-lĩnh nơi thành-thị, ít mất cái tính hồn-nhiên viễn-lợi đi.

(2) Đến độ nghỉ hè là hết niên-học, mà đến cuối tháng Décembre mới thi là bốn tháng nữa.

(3) Ở khoản thứ 3, điều 21, nghị-định ngày 1er Décembre 1920 của quan Thống-sứ Bắc-kỳ định về việc bầu-cử Tổng Lý.

cũ cũng được quyền dự-bảo như hạng Khóa-sinh, để gọi là an-ủi người trước và khuyến-khích người sau).

Còn thì tùy tài, tùy lực mà cho vào học trường Kỹ-nghệ; hoặc cho vào học một trường sẽ đặt là trường « Nam - học Sơ - đẳng Sư-phạm», hễ trúng-cách thì bổ đi Trợ - giáo các trường tổng - học hay hương - học [1] nhà-quê; hoặc cho vào học một trường gọi là trường « Nam-học Chính-trị » để bổ vào tòng-sự các ti nha An-nam cũng nên. (Vì xem như Thượng - dụ định ngạch quan - lại An-nam ở Bắc - kỳ số 497, ngày 24 tháng 11 năm Khải-định thứ 3, viện Cơ-mật phụng-lục, thì tại điều thứ 26 về sự tuyển dùng Thừa-phái hạng năm, định thi lấy những người có bằng Sơ-đẳng Pháp-Việt, mà đây thì có bằng Sơ-đẳng Nam-học, mà lại học chuyên-nghiệp 2, 3 năm nữa thì cũng thế. Không những thế, như nay cứ xem như bọn Khóa Tuyển cũ làm phụ ở các nha các ti thì xem chừng cũng thạo, mà lại có lương-tâm nữa. Luận-giả có thể dám nói quyết rằng phàm sổ-sách, giấy-má, bẩm báo mà chữ viết khá, cách viết phải, tính-toán phân-minh ấy là do bọn ấy làm nhiều; ấy là chưa dạy chuyên-nghiệp đấy, mà trước kia học chưa ra thể-thống lắm, gia-dĩ lại không có chức-phận gì cả). Còn bao nhiêu người có tư-lực theo học được lâu thì bấy giờ sẽ cho vào học trường Pháp-Việt, mới bắt đầu cho học chữ Pháp để noi lên những bậc trên.

Lại còn một hạng những - nhỡ giở - giang từ 10 tuổi đến 20 tuổi, có muốn học để đi thi ra ứng-dụng, thì phải cho học riêng một ban, chương-trình học phải giản-ước thiết-thực để tuyển ra ứng-dụng việc làng. Lớp này mà có thi thì sẽ gọi là thi Tuyển - sinh cũng được [2]. Thế là trong quốc-dân ta bớt được những hạng giở-giang, thì bất-dụy người được yên-hân, mà con đường trị-an cũng vì đó mà binh-thản vậy.

Còn về phần quốc-dân ta nên xử-trí với những người có bằng Sơ-đẳng Nam-học thế nào, để làm cho nức lòng người học, và tức là khuyến-khích sự học? Chớ như từ đây về trước, những nhà thực-nghiệp, nhà kinh-tế trong nước, một là có tính hiếu-kỳ, hai là ít có tính tự-lập, — trừ câu đăng báo quảng-cáo với giấy cáo-bạch không kể, còn bao nhiêu giấy-má, sổ-sách cho chí phẩm-vật-danh-từ là thuần dụng Pháp-tự cả; thành-thử đối với chức-nghiệp mình đã không được thịnh - đạt, vì dùng chữ như thế, thì tất chỉ dùng những người xa-hoang phóng-đãng rồi ra bất-sự-sản - nghiệp; một người thế, mười người thế, thì một công-ti phỏng có đứng vững được không? Chẳng những thế, lại còn khiến cho quốc-dân không hiểu cái mục-đích, cái yếu-tố, cái vật-giá của mình là thế nào. Sau nữa đối với sự học lại không có ích gì — vì đương lúc quốc-dân nhu-tài thiểu-học này, còn gì yêu nước bằng yêu lấy tiếng, yêu tiếng tức là yêu lấy sự

(1) Nếu xếp-đặt được như thế thì lại tiện, vì ít lương cũng được, bởi người làng nào cho dạy ngay ở làng ấy, trừ khoản lương ra, lại được thêm danh-dự và ơn-huệ ở trong làng nữa.

(2) Lớp này không biết dạy phụ vào trường nào được, vì các trường yếu-lược thì Giáo-sư đã dạy cả ba lớp, thì đã nặng nhọc rồi. Không lẽ lại lập riêng ra một trường, một thầy dạy nữa thì lấy gì mà chi-tiêu? Hay là đặt ra một lớp học tối, mà lấy ngay Giáo-sư các trường yếu-lược dạy, rồi sẽ tính số học trò mà phụ-cấp cho. Các Giáo-sư ấy thì vì thế mà bắt-buộc không chơi-bời được, thì cũng là một sự hay cho cả ba đường là: đức-dục, trí-dục và thể-dục, và cả đến tài-lợi nữa.

học, yêu sự học tức là dùng người học ; học mà đã đắc-dụng thì ai chẳng muốn học, muốn xem, muốn nghe, muốn hiểu ; đã muốn thế mới muốn yêu, muốn qui cái học ; như trên đã nói một người học tức là học thay cho cả nhà, cả xóm, cả làng, cho chi cả chúng-nhân xã-hội nữa, ấy quốc-dân-giáo-dục là đấy chớ đâu ? Nếu không thế thì chỉ một sự cỏn con này cũng đủ phá được Nam-học như chơi, là : thường thấy ở chốn thôn - quê những người có con đi học, thường dem con ra chỗ công-chúng mà giới-thiệu với mọi người ra điều con ta học giỏi kẻ - giỏi (vì chính thày Tổng-sư cũng khen rằng cháu học giỏi) ; nhưng vô phúc cho cháu mà gặp ông nào vì tình-cờ hay dụng-tâm mà đưa cho cháu cái thư hay cái giấy mẫu gì, vân vân, thì than ôi ! cháu sẽ mít-đặc ! Bấy giờ đồng-nhân mới nhao-nhao lên như chợ vỡ mà nhạo-báng, mà chỉ-nghị : « Thế mà cũng đòi vác mặt đi học ! . . . . » Ông có con đi học nói : « Thôi đốt sách đi, từ mai mà đi không được đi học nữa, học không chịu học, chỉ đi chơi ! . . . » Cậu con nức-nở cãi : « Tại thày không dạy cái chữ ấy, chớ không phải lười mà không học ! . . . . » Ôi ! thế thày cũng giốt nốt, vì thày có chữ Tây đâu mà dạy, hay là thày dạy tiếng « nom câm » đấy ! Ôi ! một người thế, mười người thế, trăm người cũng chán thế, thôi thế là học - đường chỉ còn trọi thày với mấy cái ghế nát, lạnh-lùng thay ! Xin các ngài quen lối hào-hoa, thích nơi cung-các, khi nào quá-bộ về chỗ lều tranh vách đất mà xem cái tấn kịch vừa hí vừa bi như trên kia luận-giả đã diễn, cũng đủ thú-tình và cảm-động vậy.

Đó, cái hương lửa thờ Thần Nam-học đã tàn như vậy đó, ta phải giục-giã nhau mà nhóm lên thì mới có cơ phục-hồi được ; điều đó quan-hệ ở các nhà thực-tế rất nhiều, mà đối với các nhà ấy có cái mật-thiết cũng lớn. vì có dùng tiếng, qui tiếng thì mới muốn học, có học có nghe thì mới hiểu tình đoàn-thể, nghĩa đồng-bào, mà góp vốn buôn chung, chuyên dùng nội - hóa, công thương cũng bởi đấy mà phát-đạt vậy. Người ta phải có cái viễn-vọng trước là ích cho nhà cho nước, rồi tự-khắc lợi cho mình cũng ắt theo sau. Bậc thượng-lưu ở trong nước đối với quốc-dân chẳng khác gì những tay thủy-thủ đối với các thuyền-viên, gặp cơn gió cả sóng cao thì phải hết sức ra tay chèo chống cho khỏi bị khuynh-ngang, thì mới giữ được hoàn-toàn sinh-mạnh ! Nhà đại công thương chẳng đứng vào bậc thượng-lưu là gì ?

Vậy thì các ngài chớ nên khinh-rẻ tiếng mình mà không dùng ; trừ điều gì đối với người ngoài thì hãy nên dùng tiếng ngoài. Vả lại người ngoài đến đây là phần ít, cái lẽ phần ít bao giờ cũng phải theo ý phần nhiều ; cũng như người Tàu sang đây buôn bán đông-đúc là thế, mà cũng phải biết tiếng mình cả, vì họ muốn được nhiều lợi thì họ cần phải trực-tiếp với nhiều người mình, chớ mình thì cần gì họ ; cái lẽ « nhập-quốc » bao giờ cũng phải thế. Như người mình có muốn « xuất-dương » mà giao-thiệp về mọi đường cho rộng, thì không những chữ Pháp là thứ chữ đẹp-đẽ nhất, thông-dụng nhất, mà lại có quan-hệ với ta nhất, phải học đã đành, — đến tiếng nào, chữ nào mà có thể học được, cũng nên học cả. Hiện nay từ Trung-học trở lên, Nhà-nước cũng dạy thế đấy.

5. — Nên đổi lại trình-độ học Pháp-ngữ.

Như trên kia vẫn nói chữ Pháp là một thứ chữ đẹp-đẽ mạnh-mẽ nhất, đáng lẽ quốc-dân ta ai ai cũng nên học cả, mà không học được thì thật lấy làm đáng tiếc. Nhưng chẳng qua bởi cái công-lệ trong vũ-trụ bắt-buộc

ta phải giữ lấy cái hồn thổ-âm, thì mới có thể sống được một cách khoan-khoái trong lòng ; lại bởi cái trình-độ của sự tiến-bộ nó đàn-áp ta phải nắm chắc lấy cái thổ-âm để cứ nhắm một phương-châm mà đi trên con đường tiến-hóa, vì thổ-âm ta đã có sẵn rồi chỉ phải học khôn học khéo nữa thôi, khác nào đi buôn đã có vốn, làm thợ đã có đồ rồi. Sau nữa lại bởi cái tình-cảnh eo-hẹp nó thúc-phộc ta, không thể bỏ nhà mà đi làm việc người được, vì trong nhà quốc-âm ta còn bề-bộn, phải xếp cho ra ngăn-nắp, rồi đi đâu thì đi mới yên-tâm được. Những ngần ấy lẽ nó bắt ta không thể đi trên con đường Pháp-ngữ một lượt cho khắp mặt quốc-dân, thế nào cũng chỉ một phải học được mà thôi ; nhưng đã học thì phải học cho đến chốn đến nơi, nhất là đi phải có phương-hướng để phòng khi cần đến, biết lối tìm về, chớ đừng để biệt mất tăm-hơi, phương trời thăm-thẳm.

Nhưng muốn đi cho khỏi lạc đường thời phải nhắm từ bước trước, nghĩa là từ bậc Sơ-đẳng Pháp-học này vậy. Thế thì trước kia vẫn đi lầm đường lạc lối hay sao ? Có lẽ thế thật, nếu không thế thì sao có đi học rành - rành, mà vẫn mang tiếng là cái đồ vô-giáo-dục, thì cũng đáng tức thay cho thật ! Câu ấy ngày nay đã thành một câu sáo-ngữ, nghe đã chán tai, viết đã chán giấy : nào chấn-chỉnh, nào khuyên-răn, nào mỉa-mai, nào bài-kích, mà vẫn trơ-trơ như nước đổ đầu vịt. Ấy thế mà đã quyết chí ra tay nầy mực cầm cán cho đoàn hậu-tiến, ấy thế mà đã bôn-tẩu đua-tranh ra chăn-giắt lũ con em kia đấy ! Sao vậy ? Sao mà lại gây nên những hạng học-thức gớm-ghê như vậy ? Thưa rằng có đi học nhưng mấy năm ở nhà trường ra chỉ để miệng mà kêu gào và để óc mà ký-ức dần lấy những tiếng là tiếng ; chớ không còn thì-giờ và không có cái óc khác để học lấy những điều cần-thiết đến sự lập thân xử-thế mai sau ; mà những điều cần - thiết ấy phi học trực - tiếp bằng quốc-âm đã sẵn có, thì không thể chóng được.

Vậy thì nay muốn học Pháp - học cho chóng-vánh và cho tăng giá-trị lên thì chỉ cho nguyên những người có bằng sơ-đẳng nam-học vào học ở các trường Pháp-Việt, bấy giờ mới bắt đầu học chữ Pháp ; nghĩa là đã có trí phán-đoán giỏi, óc ký-ức rộng, rút lại là đã phá-ngu rồi sẽ gieo cái hạt-giống tốt-đẹp là chữ Pháp vào trong cái óc sáng-sủa già-giặn, thì mới có thể chịu đựng nổi, mà khỏi thành ra bắt cá hai tay vậy.

Cứ thế thì người học chữ Pháp phải ít, nhưng ít mà hay, còn hơn nhiều mà giở, nhiều lắm chỉ tổ quần chân thôi. Chữ Pháp là thứ chữ rất qui ; vật qui ít người biết dùng : ô-tô song-mã chỉ thượng-lưu dùng, dùng để đi đường rộng thênh-thang, chớ bờ bằng cẳng tay không thể dung được. Sự học chữ Pháp cũng thế, cao-đẳng sẽ học, nhưng hiện nay chưa có thể để đến bậc ấy sẽ học, phải học từ tiểu-học, rồi sẽ lần lên dần, cũng như thời-đại cơ-khí vậy : xe hỏa rồi đến xe hơi, rồi đến phi-đĩnh . . . .

Xem thế thì biết trước kia dạy thế là phải, chớ không phải sai đường, vì bấy giờ quốc-văn ta chưa xuất-hiện, ngoài chữ Pháp ra tưởng không còn chữ gì khả-dĩ lấy mà truyền-bá được, cho nên phải dạy chữ Pháp, mà phải dạy từ lúc thanh-niên mới kịp. Bây giờ thì quốc-văn đã có, nền học đã thành, rồi cái sức lên được đến đâu phải theo cái công - lệ trong sự tiến - bộ mà giải-phóng cho lên đến đấy. Lúc này còn là lúc cái nhà Nam - học còn đương xây-dựng, rồi dần-dần xây hết

từng ấy lên từng khác, lúc nào hoàn-thành thì quốc-dân ta tha-hồ mà thảnh-thơi chễm-chện, không phải cái nỗi đi ăn nhờ ở đậu lôi-thôi. Con người ta có thời ấu-trĩ, tất có lúc trưởng-thành, huống là một dân-tộc, một quốc-gia, lại không theo cái trình-độ thiên-nhiên mà tiến lên, thì còn ra thể-diện gì nữa.

Nói thế tất có người cho là bội-bạc, chưa khởi rên đã quên thày Pháp-học. Nhưng mà không, đành rằng học-thuật của Đại-Pháp thì dẫu muôn đời ta cũng chưa theo kịp, muôn đời ta cũng không nên rời học-thuật của Đại-Pháp ra được ; đây chỉ nói riêng về cái trình-độ quốc-văn muốn cho cao lên mà thôi.

6. — Tổ-chức lại chương-trình học và đổi tên trường Sơ-đẳng-yếu-lược gọi là trường Nam-học-sơ-đẳng

Cứ các lẽ trên kia đã nói thì rõ ra rằng : ở các trường Sơ-đẳng-yếu-lược chỉ dạy độc-vị Nam-ngữ mà thôi, để sự học phổ-thông chóng lan khắp trong quốc-dân ; mà kẻ học-giả khỏi vì thế mà phân-tâm ra « đứng núi này trông núi nọ » ; như trước kia phân ra hai phái Hán-học với Pháp-học thì không những làm cho Nam-học bị kẹp ở giữa, mà chính hai phái ấy sinh ra phản-đối nhau, xung-đột nhau, phân-ly nhau ; đã thế thì đời nào gây nên tình thân-ái, mối đồng-tâm, tình đoàn-thể, nghĩa đồng-bào được. Sau nữa cái ơn-huệ của Nhà-nước cũng vì thế mà không mưa cho khắp, khiến cho người thành-thị được hưởng hầu hết cái kết-quả giáo-dục tốt-tươi, « đã được ăn, lại được nói. . . . » ; mà dân nhà-quê thì đành chịu bó tay mà phàn-nàn rằng : « Nhà-nước ở không cân. . . . » vậy.

Ôi ! Có lẽ đâu cùng một dân-tộc, cùng một quốc-gia, mà nỡ lòng nào lại coi nhau như khác giống khác dòng, ghét nhau như kẻ cừu kẻ địch ấy ! Bên Pháp-học thì chê bên Nho-học là « bọn hủ-nho » ; bên Hán-học thì mỉa bên Tây-học là « phường vong-bản » ; người thành-thị thì nhiếc dân thôn-dã là « cái nhà-quê » ; dân thôn-dã thì mục người thành-phố là « quân thành-thị ». Thử hỏi suốt trong thế-giới này có nước nào mà tự khinh-bỉ nhau, bài-xích nhau như thế không ? Cùng một nòi giống với nhau mà đối-đãi với nhau tàn-tệ như thế, thì đối với kẻ khác giống khác nòi, sao cho thân-ái được ?

Nay phải tìm cách mà hàn-gắn với nhau cho hai bên gây lấy cái chủ-nghĩa tương-đồng duy-nhất, để ngày thêm kết chặt mối đồng-tâm cho cốt-nhục tình-thâm, khỏi hóa ra tương-tường tương-tặc, khỏi phân ra người Bắc kẻ Nam ; tưởng chẳng khó, miễn là chỉ hợp lại một qui-tắc học độc-vị Nam-ngữ ở các trường Sơ-đẳng-yếu-lược là xong ; để ai ai cũng giốc một lòng trông một đạo về Nam-học vậy. Lại xin đổi tên trường sơ-đẳng-yếu-lược làm trường Nam-học-sơ-đẳng đi cho.

7. — Nên làm thêm sách quốc-ngữ

Nếu Nam-học đã được đứng riêng một địa-vị như thế, cái cây Nam-học đã không phải mọc chen mọc chúc như thế, thì cũng có cơ sinh-trưởng được ; đã sinh-trưởng được thì tất là sẽ thêm từng vành mà vỏ phải nứt. Nhưng cần phải có mầu mà bón mà vun thì mới tốt ; nghĩa là phải làm thêm sách quốc-ngữ, chớ như hiện nay chỉ có tập *Học-báo* và ít sách nữa hợp với trình-độ lớp sơ-đẳng yếu-lược mà thôi, thì những người được tốt-nghiệp Nam-học về, không có sách mà xem thì cũng đến cung thoái-chí mất, và nếu có muốn nưng Nam-học lên một từng nữa, thì lấy vật-liệu đâu mà xây-đắp lên. Vậy thì quyết phải làm

thêm sách, mà sách thì phải cao hơn lên. Nhưng nói dễ mà làm khó, vì lấy đâu được người làm sách bây-giờ? Hay là có người mà không có thời-giờ thì phải; này như: về bên giáo-giới thì bổn-phận buộc phải đưa giắt đoàn hậu-sinh lên con đường tương-lai tiến-hóa; về bên báo-giới thì nghĩa-vụ phải mang-bách về công việc xảy ra hàng ngày hàng tháng: hoặc đem người ta đi chiêm-bái những chốn đền-đài rực-rỡ của cổ-nhân, hoặc dẫn người ta đi chứng-kiến những công-cuộc lớn-lao trong trường tân-văn thế-giới; về bên chính-giới thì chức-trách phải mưu-toan những việc lợi dân ích quốc, trái lại thì hiền-phận phi-gia, ngộ dân mà học lắm biết ra sợ làm ngăn-trở con đường tương-lai tiến-thủ của mình; về bên cựu-học-giới thì tình-cảnh xui nên phải xuất-thân đi ngang về tất mất nhiều. Vậy thì có dễ chịu ư? Được, nhưng có điều chắt-bóp chút thôi, vì đem chắt mỗi bên một ít thời-giờ ra thì cũng có cơ làm được khá sách; duy về bên chính-giới hiện tại-chức thì khó lòng mà nậy ra được, vì chắc đâu có cái can-đảm gác danh-lợi lên mà làm việc công-ích vô-hình ấy, hẳn phải mời đến các nhà trí-sĩ mới xong, các nhà ấy lại kiêm cả nhà cựu-học nữa.

Lại còn một bộ sách này cần-cấp mà quan-trọng lắm, cũng nên làm ngay, là bộ « Việt-Pháp-Hoa-tự-vựng » để giúp bọn học-sinh sau này, cứ theo đấy mà dùng, không phải để tâm học Hán-tự nữa, vì cái mục-đích học Hán-tự ngày nay cũng chỉ để pha thêm vào quốc-văn mà thôi. Vả sự pha chữ nho vào văn quốc-ngữ cũng phải có phép-tắc nhất-định như bộ tự-vựng này làm giới-hạn để nhà làm văn khỏi dùng tràn đi, như có người lo xa mà đã phải nói: « Khéo chẳng lại ngã vào bức tường Hán-thư một lần nữa mà khốn đấy! » Mà thật, lần này mà ngã vào thì lại đau-đớn ê-chề gấp mấy nữa kia, vì không biết bệnh-căn ở đâu, nghĩa là phần nhiều người chỉ biết vỏ chữ bằng quốc-ngữ, chớ không biết diện-mạo tinh-thần của chữ và điển chữ ở đâu mà ra. Sự đó chúng ta nên chú-ý lắm đấy.

8. — Tổ-chức lại trường sở-học ở chốn thôn-quê

Cứ xét cách lập-trường Tổng-học ngày nay thì nhiều người đã công-nhận rằng không được thuận-tiện rồi. Thiết nghĩ chỉ có cách lập ngay ở khoảng giữa mấy làng, không cứ người thuộc tổng nào cũng được đến học, song cũng hạn-định là mấy làng một trường. Lập trường như thế thì lại nên chia số tiền lương Giáo-sư và số tiền sắm-sửa trường-cụ cho số đinh điền toàn-hạt hay toàn-tỉnh cùng chịu mới công. Sự quân-san cho cả điền ấy, là bởi những nhà phú-hộ ở chốn thôn-quê đã rút mất cả ruộng của cùng-đinh, lại không có hảo-tâm tự đem giúp vào việc học bao giờ. Có họa khi nào họ có được lợi vào — như mua ngôi thứ ở trong dân — thì họ mới chịu nhả của họ ra. Song thiết tưởng cách ấy tuy công-hiệu thật, mà không nên thông-hành; bởi thời nay là thời trọng thực-nghiệp, trường học là cái lò đúc ra người có thực-nghiệp, mà lại lấy cái vật-liệu hư-danh xây đắp lên thì có lẽ trái hẳn cái tôn-chỉ tràng-tồn vĩnh-viễn. Tuy cũng là kẻ giúp công người giúp của, nhưng cái của ấy nó không có nghĩa-khí, nó tức là cái mồi để câu sự học, không khéo nó làm cho mắc thì nguy. Vả lại hiện nay con đường lý-tài của các hương-thôn đương vỡ-lở, chỉ sợ lập ra lắm trường hương-học, mà không có tài quản-đốc kinh-doanh, để đến nỗi quyết-liệt đi thì chán lắm! Đến như kẻ học cũng không cần phải nhiều; nhiều mà ít kẻ có tính kiên-nhẫn, có chí quả-quyết, rồi ra bỗng học bỗng không,

buổi đực buổi cái, thì lại làm mất qui-củ, mất giá-trị của sự học đi; phải dùng cách hạn-chế, là không nên dung-nạp những kẻ tự-ý muốn học sách gì thì học, chữ gì thì chữ, tóm lại là kẻ nào không theo đúng chương-trình qui-tắc thì tống ra cho kỳ hết. Làm như thế thì lúc đầu có điều vắng-vẻ lạnh-lẽo thật, nhưng về sau thấy Nam-học có hiệu-dụng thì tự-khắc sốt-sắng mà theo. Ở đời việc gì cũng vậy, không nên nóng ở lúc đầu rồi tất có ngày nguội lạnh; ví như nước, nước đã nóng sẵn, tất lười-lẫm không đun, lâu dần phải lạnh, không bằng nước lạnh, âm-ỷ đun dần, tất lần lần sẽ nóng. Cái trình-độ của đời người nếu theo được cái tỉ-lệ như thế thì chắc rằng không dại gì mà vội-vàng cho vấp - váp, mà sinh ra tàn-ác tham-lam, cũng như câu: *có chí làm quan, có gan làm giàu* vậy. Nay lại nói đến sự học, muốn làm cho sự học tăng giá, cho người học ham-vui, thì phải dùng đến cách hình như cấm-đoán như trên đã nói mới cao; chớ đừng nưng-niu chiều-đãi, như kẻ chiều con không phải lối, rồi nó sẽ được thể mà vòi-vĩnh éo-le; nó khóc, giỗ nó nín, thì nó nghĩ cái khóc ấy có giá-trị, mà lại càng khóc già; nó chơi, giục nó học đi, thì nó tưởng nó mà không học thì nguy cho mình lắm đấy, rồi nó cứ ngồi ỳ ra đấy mà xem. Ta phải lấy cái gương mà phản-chiếu mới được, ta phải có ý, muốn cho nó theo cái sở-dục của ta, thì ta phải dùng phương-pháp kích-thích mới thần-diệu, muốn cho nó đi chơi, thì ta sẽ bảo gợi cho nó rằng: «đừng đi chơi nhé!», rồi tự-khắc nó sẹ lùi-lũi mà đi. Không những trẻ con mới thế, người lớn cũng vậy: cấm không cho họ nấu rượu, thì họ lại càng nấu lậu già lên; giá bây-giờ giao cho họ cái khí-cụ gì, bảo họ làm cái công-nghệ có ích rõ-ràng, mà họ cũng nghi là đánh lừa họ để lợi-dụng cho mình, rồi họ sẽ chối đây-đẩy cho mà xem. Đến như sự học cũng vậy: giục-giã cho họ học, rủ-rê họ đến học — nhất là người ngoài giục-giã rủ-rê thì lại khiến cho họ ngờ-vực lắm, họ tưởng rằng đánh lừa cho họ học để mà lợi-dụng, mà sai-khiến cái học của họ mà mình dạy cho ấy, rồi làm cho họ bỏ cái học tổ-truyền là cái học có đạo-giáo hẳn-hoi, mà họ vẫn coi là cái đạo cao hơn hết thảy, tức là đạo nho vậy. Cũng bởi thế mà xã-hội ta đây nhờ được tay Chính-phủ Bảo-hộ ân-cần âu-yếm đưa giắt cho ta bước lên con đường văn-minh tiến-bộ mà coi như có ý kém chậm những nước tự mình đi du-học lấy. Sao vậy? Bởi người ta có tính tự-lập, không phải ngờ-vực chi ai, người ta chỉ giốc một lòng trông một đạo, mà mạo-hiểm bước xuống luân - thuyền, đi ngao-du các miền dương-hải, liếc mắt nhìn trông những phong-cảnh nước biếc non xanh thăm-thẳm biết mấy muôn trùng, cao-kỳ hùng-dũng là cái học-thuật của Thái-Tây vậy.

Đến như sự thấy kẻ đi học xa - xôi lặn-lội, rét mướt nồng-nàn cũng không nên ngại cho họ. Bởi xét ra cái tâm-lý của người ta cũng lạ, hễ càng lặn-lội khó khăn, trèo đèo vất-vả mà làm được việc gì, miễn là việc ấy có lợi mà thôi, thì lại cho là có giá-trị, mới muốn tìm-tòi, mới biết yêu chuộng. Cho nên những dân-tộc ở nơi hàn-lãnh thì chóng văn-minh, mau tiến-hóa, vì người ta chịu lao-tâm khổ-tứ, nay phát-minh ra cái này, mai sáng-kiến ra cái nọ, để chế-ngự với thiên-thời khí-hậu, chịu bôn-tẩu đông tây để cầu lấy sự sung - sướng. Trái lại thì những dân-tộc ở về nơi cực-nhiệt hay sinh ra cái chủ - nghĩa chán đời, vì cái sự nồng-nàn rất khó kiếm đồ để chế - ngự, thường có khi nghĩ đến kiệt-tinh cùng-tứ cũng đành chịu bó tay. Khoảng giữa thì

những dân-tộc ở nơi ôn-độ, tất sinh ra lười biếng tri-khôn, không từng suy-nghĩ, bởi cái hi-vọng của người ta chỉ lấy ấm-no làm bản-vị, mà ấm đã tiệm dủ rồi, miễn là chỉ phải vận-dụng chân tay làm cho dạ-dầy đầy đủ, thế là mãn kỳ sở-dục rồi, ngoài ra chỉ ngồi mà ngâm-vịnh dung-dinh vô lo vô lự. Ôi ! một dân-tộc mà đặt, vào cái cảnh-tượng thái-bình như vậy, phỏng có khác gì trên mặt đất không có gió - giông, không - khí đứng trơ không chuyển-dịch, khiến cho người trầm-nịch mê-li mà xã-hội có khác gì cây cỏ. Đó là lấy cái lý-thuyết để tỉ với người đi học, hễ càng phải đi học xa-xôi vất-vả bao nhiêu thì cái buổi học lại càng có giá-trị bấy nhiêu ; cũng như đi học trường ở ngoài làng thì ích-lợi như thế, mà học ở trường trong làng thì không ích-lợi được thế. vì coi ra dễ-dãi tầm-thường. Cũng một lẽ ấy mà xưa kia hễ học trò nghèo thì hay có chí, nhưng xin chớ nghèo vào cái buổi này, mà giữa đường phải đứt gánh học-hành thì cũng khốn ! Than ôi ! cái con ma bần-bách kia, sao mi đành-hanh độc-ác quá vậy, tự cái tay mi vùi-giập chưa biết bao nhiêu là hiền-tài anh-kiệt ! Mong sao cho tiệt được cái giống nhà mi, thì xã-hội mới đến kỳ tiến-hóa.

* * *

Nước Đại-Pháp Bảo-hộ ta là nước sản ra chữ tự-do, cho nên đối với nước nào, người nào, việc gì, cũng xử-tri theo một cách tự-do ; lại giàu cái chủ-nghĩa hòa - bình, cho nên nhất-thiết việc gì cũng thi-hành một cách ôn-hòa tuần-tự. Như xưa có lẽ cũng biết rằng dân ta học sai đường lạc lối, nhưng lẽ thứ nhất là không muốn ngăn-cản cái ý sở-thích của ta mà cho tự-do hành-động ; lẽ thứ hai là để chậm-chước sửa-đổi dần-dần cho khỏi vội-vàng vấp-ngã. Thế nhưng thiền-nghĩ ở một dân-tộc như dân ta xưa nay vẫn giàu cái bụng phục-tòng, hằng đem cái giây vận-mạnh mà ký-thác trong tay người trên, dù người trên tự co tự ruỗi thế nào cũng cứ nhắm mắt vâng theo, chớ chưa thấy tự-cử-động được bao giờ ; vậy mà Chính-phủ lấy bụng khoan-dung ôn-hòa vô-độ mà cho hành-động tự-do thì việc gì cũng đành xếp hết. Chính-phủ thì rộng dung cho dân như thế, mà người mình thì quyền trên đối với phận dưới lại hay thi - vi cái chính-sách cưỡng-bách hiếp-tòng, làm cho dân thấy mà khiếp đi, đến nỗi coi chỗ học-đường hầu như nhà giám-thất, mà cho cái học là một cái tội phải bắt-bớ, phải chạy-bậy mới được tha ra.

Xem ra cả hai cách ấy cùng không công-hiệu, thì nên chọn vào đất giữa là hơn ; nghĩa là không cho tự-do hẳn, mà cũng không nên cưỡng-bách thật, phải tìm đường mà dẫn-dụ thì hơn. Thí dụ : muốn bỏ con gà ở ngoài (tự-do) vào lồng mà nuôi, thời không nên chộp lấy (cưỡng-bách) mà hỏng, phải lấy cơm gạo mà dử mà ne thì tự-khắc nó sẽ nhẩy vào. Như đây muốn cho nhân-dân bước vào cái nhà giáo-dục cho nhiều thời phải đem cái lợi-lộc, cái cơm gạo giáo-dục mà dử cho nếm thử đã, rồi tự-khắc quen-mui, xua đuổi đi cũng cứ tướn vào đấy.

Tôi nay cũng là một kẻ gánh vác cái trách-nhiệm làm dân trong nước, trông thấy cái tiền-đồ sự học của nước nhà mờ-mịt như vậy, không lẽ cứ ngồi mà im hơi lặng tiếng, bất-đắc-dĩ phải bật ra những giọng ưu-tư, lời thảm-thiết mà kêu gào, khác nào kẻ điên-rồ vậy ; dẫu có điều gì do nhiệt-huyết phát-tiết ra quá-đáng, cũng xin hải-nội chư-quân-tử cứ bình-tĩnh mà công-kích thế nào luận-giả cũng sẵn lòng thay cho sự học mà hoan-nghênh.

Cũng như cái vườn giáo-dục do tay vụng-về lĩnh giống mà gieo ; còn sự làm thế nào mà bồ-dưỡng gìn-giữ lấy cây-cối ấy thì trên nhờ ơn mưa-móc của Nhà-nước tưới-nhuần, dưới cậy tay quốc-dân vun bón cho ngày càng thêm tốt thêm tươi, để cùng hưởng cái mùa-màng hoa-lợi sự học.

Nhưng trước là luận-giả hãy vì thời-giờ xúc-bách dân ta phải cải-cách sự học, sau là vì thời-giờ quí báu của hải-nội-chư-tôn mà hoan-nghênh sẵn mấy điều này, quyết thế nào cũng có người phản-đối. Xin bày ý-kiến như sau này.

Về phái Hán-học thế nào chẳng phản-đối về một lẽ rằng : « Luận-giả dám cả gan bài-kích Hán-học mà xướng lên cái chu-nghĩa từ-bỏ Hán-thư đi, nếu Hán-thư không hay, thì sao bấy lâu làm cho non-sông tỏ-rạng, nhân-cách hoàn-toàn thì bởi đâu mà ra ? » — Phải, Hán-thư có hay thật, cho nên trước kia ta cứ kháo nhau rằng : người ấy, người nọ hay chữ chớ ! Nhưng thiết-tưởng chữ lắm cũng không làm gì ; bởi chữ để làm văn, cũng như vật-liệu để làm nhà, được người kiến-chúc giỏi thì cũng gạch, cũng vôi, cũng gỗ ấy mà ra chiều đẹp-đẽ xênh-xang ; phải tay kiến-chúc vụng thì chỉ bề-bộn phí-phao, mà xấu-xa cục-kịch. Như Hán-thư cũng đủ cả luân-lý, chính-trị, triết-lý, phong-tục, vân vân, nhưng tiếc rằng : Hán-nho không có tài kết-cấu, tổ-chức cho có trình-độ, trật-tự ; lại dùng nhiều phép « suy-diễn » mà ít dùng phép « qui-nạp ». Sách học thì thật là thiên kinh vạn quyển, nhưng đại-loại cũng chỉ tu, tề, trị, bình, và ít nhiều điều triết-lý, lẽ huyền-vi nữa thôi, đến như khoa-học nghệ-học thì khiếm-khuyết. Vì sự học không bờ, không bến, không chủ-đích, không phương-châm như thế, khiến cho trong nhà Hán-học bề-bộn lôi-thôi, không chỗ len chân, không nơi ngửng cổ, làm cho kẻ học-giả phân-mang khoáng-đãng, phí mất bao nhiêu công-trình, tổn mất bao nhiêu não-lực, kỳ cho đến tóc bạc da mồi, mắt mờ lưng cong, vẫn lạo-đảo trường-ốc, mà chưa nắm được cái « cốt-tử » ở đâu. Tựu-trung chỉ được phần ít người, hoặc có cái « thiên phó chi tính », hoặc được ở cái « giáo-dục-gia-đình » mà nẩy ra những người trung, liêm, hiếu, nghĩa, vân vân.

Sao bằng phép học ngày nay được ; đại khái : bổn-phận mình đối với mình thì chăm-chỉ, thực-thà, sạch-sẽ, ôn-hòa, điều-độ, vân vân ; đối với gia-tộc thì hiếu, nghĩa, vâng lời, yêu-mến, từ-tốn, vân vân ; đối với nhân-quần xã-hội thì lân-tuất, giúp-đỡ, bênh-vực, công bằng, biết ơn, vân vân ; khi ra gánh vác việc đời đối với quốc-gia chính-phủ thì tuân mạnh-lệnh, giữ luật-pháp, vân vân ; thế cũng tiệm đủ làm một người hoàn-toàn rồi, còn thì để thời-giờ mà học lấy những điều cần-thiết đến sự sinh-hoạt ở đời — sự sinh-hoạt ấy tức là cái quân-đội để bảo-thủ cái thành-quách đạo-đức, trí-thức, cho khỏi thiên-lạc khuynh-phúc đi, nếu không thời mất xanh dễ đổi trắng, lòng đỏ chóng hóa đen, thông-minh hóa ra mê-muội, đạo-đức biến ra hung-tàn — nào cần gì mà phải nay kinh, mai sử, nay thét, mai gào, mà chung-qui cũng chỉ đến thế thôi, và lại không được như thế cũng nhiều. Ấy hai phép học cổ kim giá-trị lợi-ích khác nhau là thế đấy ; đồng-bào ta nên tiếc nữa thôi.

Đó là mới kể qua cái giá-trị phép học hay là sách học đấy thôi, chớ không có bút mực nào mà tả-mạc hình-dung được cái cách dạy cách học thần-diệu, mặn-mà, êm-ái, linh-lợi ngày nay, so với cách dạy, cách học chậm-chạp, giằng-giai, cay-nghiệt, còm-cỏm đời xưa, thì còn xa cách nhau một trời một vực nữa. Bây

chỉ có thể tổng-thuật đại-ý thượng-từ mà kết được một đoạn nữa, là đem so-sánh cái công-phu học cho biết được chữ để mà học-tập nghĩa-lý tư-tưởng xem lợi-hại khác nhau là thế nào. — Học chữ quốc-ngữ cho già lắm chỉ ba tháng là biết hết được mặt chữ, đó là một điều lợi gấp 50 lần học chữ nho, vì chữ nho không có mẫu-tự học đến 12 năm trở lên mới biết được giới-giáo chữ học. Thế rồi lại phải học làm sao cho hiểu nghĩa cả mọi chữ ấy, thì biết gấp mấy mươi lần nữa. Vậy nên học chữ quốc-ngữ chỉ mấy tháng là hạ-bút viết được thư, mà học chữ nho thì mười mấy năm mới viết được,— viết được thư mới thiết thực-sự, chớ hay chữ mà hay ở sách thì chẳng khác gì xem diễn ảo-thuật vậy. Nói thế, nhiều người cho là « phí chữ đi » ; nhưng tiếc chữ làm gì? Bởi chữ chẳng qua là cái đồ-vật để đưa-đẩy tư-tưởng ý-kiến đi, cũng như là cái chèo để chèo thuyền đi vậy, chèo mà nát thì còn thay được, chớ thuyền mà nát thì chèo phải gác lên. Rút lại chữ nào cũng là chữ, chỉ có hay giở khác nhau ; nhưng giở mà cố tập-luyện thì cũng có ngày hay được; thế thì không phải cứ chữ nho mới là quí, quí là quí nghĩa-lý, tư-tưởng cũ ở sách nho mà thôi.

Trong khi hùi-ngùi ngẫm-nghĩ như vậy, bất-giác nẩy ra cái cảm-tưởng thán-tích thời-giờ cho cổ-nhân, cho Tổ-quốc vô-cùng. Ôi ! chỉ vì học chữ của ngoài, mà trong một đời người có cái óc mềm-non sáng-sủa, có cái quãng đời linh-lợi kiện-cường làm cho tiêu-ma gầy-mòn đi mất ; giá đem từng ấy cái quãng đời mà chồng-chất lên hết đời ấy đến đời khác thì ngày nay quốc-văn đã chót-vót đến thế nào rồi, hoài của!... Đó là mới kể người học đối với chính mình người học mà đã hao-mòn lãng-phí như thế, chớ đối với sự ảnh-hưởng di-truyền sự học cho quốc-dân, thì lại thiệt-thòi gấp mấy muôn phần kia nữa, vì người dân không tòng-học đối với kẻ học-giả khác nào lớp bàng-thính-học-sinh trong một cái trường, mà đàng này học bằng chữ ngoại-quốc, thì còn nghe-ngóng gì được, tiếc thay!

Nhưng mà thôi, chẳng qua nước mình thuộc quyền đô-hộ của người Tàu ở những cái thời-kỳ dài rằng-rặc, mà người Tàu bắt ép mình học đấy thôi. Đồng-bào ta ơi ! nên vẫn-hồi cho chóng, để gọi là sám-hối cái điều lầm-lỡ xưa kia !

Hoặc có người bảo : «Ngày nay Cao-đẳng-học có, Thành-chung-học nhiều, rồi ra hoán-cải xã-hội cũng nhờ đó, chớ quốc-dân giáo-dục đã vội-vàng gì.» — Phải, vẫn biết rằng trong xã-hội ngày nay đã trồng được những cây cao bóng mát, quả ngọt hoa thơm, để bồ-dưỡng trí-khôn, giúp-đỡ sức khỏe ; thế nhưng cũng phải trông vào những đồng lúa mung-lung bát-ngát kia, để mà ăn cho khỏi đói đã, vậy thì phải tìm cách mà làm cho thủy-hạn vô-tai, côn-trùng tuyệt-diệt thì mới có phần thu-hoạch được phong-đăng. Vả lại sự phổ-thông-giáo-dục bậc Sơ-đẳng này là cái móng nhà giáo-dục, móng có bền-chắc thì mới xây nổi được những từng trên.

Nay vì lẽ phải cải-cách sự học rất khẩn-cấp mà luận-giả ý-nghĩ sơ-lược mấy điều, trên là cúi xin Nhà-nước lưu-tâm tế-sát, may ra có khả-thủ được điều nào xác-đáng thì xin khởi-hành cải-cách ngay cho ; dưới xin Quốc-dân gia-ý suy-tầm, may ra được lẽ gì khả-dĩ bổ-cứu vào những ý-kiến thuần-chất này thì thật là đại-hạnh-phúc. Còn về phần luận-giả nếu còn sót ý gì ở trong óc về sự học cũng xin chắt ra cho kỳ hết mà cống-hiến Quốc-dân, để nhân dịp này mà phá cho xong cái nghi-án về sự giáo-dục này, cho ai nấy được vui lòng mà lạc-nghiệp an-cư.

TRẦN DUY-NHẤT.

II

BÀN VỀ VIỆC HỌC Ở NHÀ QUÊ

Bản-chí tiếp được bài sau này, bàn lại bài của ông HOÀNG HỮU-ĐÔN đã đăng trong số 43, và có ý phản-đối mấy khoản trong bài ấy. Xét ra thời ông HOÀNG HỮU-ĐÔN lập-luận về một phương-diện riêng, chủ-ý khuyên những người định chuyên học về Pháp-văn nên bắt đầu học sớm để theo kịp trình-độ, nên trong bài ông không nói đến quốc-văn và hán-văn, chớ bản-tâm ông không phải là bàn nên bỏ hán-văn và quốc-văn để theo học chữ Pháp cả đâu. Song bản-chí cũng sẵn lòng đăng bài sau này, để cho rộng đường công-luận về một vấn-đề rất quan-trọng cho quốc-dân ngày nay.

N. P.

Bàn cái vấn-đề việc học nhà-quê nước ta bây giờ, là chỉ tựu cái hiện-thời tình-thế nước ta, về cái chỗ thiết-yếu ấy mà trù-tính cái việc học, để cầu lấy cái sự ích-lợi là rất tiện-lợi rất chóng tấn-tới ở vào đâu đó thôi. Tôi vừa rồi có xem *Nam-phong* trong số báo 43 có đăng bài bàn về việc học nhà-quê của quan huyện Hoàng Hữu-Đôn, Tri-huyện Yên-phong bây giờ soạn ra đó, tôi đọc đi đọc lại bài ấy hai ba lượt, không có thể không nghĩ đến cái vấn-đề việc học nước ta bây giờ, nghĩ đi nghĩ lại hai ba lượt, không có thể không phát ra lời bình-luận, để đem ra chất-chính với quốc-dân lấy cái lẽ phải.

1° Quan Huyện nói câu thứ nhất rằng: « Cái vấn-đề việc học nhà-quê ở nước ta bây giờ, là một cái vấn-đề cần-cấp, ta phải nên giải-quyết cho mau, để gây dựng lấy cái cơ-sở phổ-thông giáo-dục cho quốc-dân ta. » Quan huyện vì cái ý nghĩ đến quốc-dân, muốn đem một lời nói của mình, gây-dựng lấy một sự giáo-dục cả một nước, nói rất phải, nói rất to-tát, thật cũng gọi là lời nói ông nhân-nhân, có cái ích-lợi chung cho mọi người vậy.

Này, gọi là cái việc học nhà-quê, cũng tức là ở các nước văn-minh bây giờ gọi là cái quốc-dân phổ-thông giáo-dục đó, quốc-dân phải có giáo-dục, giáo-dục phải từ lúc đồng-ấu, cái lẽ ấy ai cũng biết là thế, nhưng gọi là phổ-thông, nghĩa là cả toàn-quốc nhân-dân mà phải huân-đào cho ai cũng có một cái tư-cách như thế; giả-phỏng cả toàn-quốc nhân-dân mà ai cũng đã lọt vào trong cái phổ-thông giáo-dục, thời thành ra cả toàn-quốc nhân-dân ai cũng biết rằng mình phải có cái trách-nhiệm đối với thân, đối với nhà, đối với nước, đối với xã-hội, đối với đời, ai cũng biết mình phải làm cái nghĩa-vụ đối với thân, đối với nhà, đối với nước, đối với xã-hội, đối với đời; quốc-dân là quốc-dân văn-minh, tư-cách là tư-cách chính-đáng, bấy giờ rồi tập-hợp nhau, dựng lên quốc-thể, đặt ra quốc-chính, phát-dương cái quốc-hoa ra, tôn-trọng cái quốc-quyền lên, mở-mang lấy quốc-thổ, thu nhặt lấy quốc-lợi, làm cho đến quốc-thế vừa giàu vừa mạnh, như thế rồi mà nước mình mới có thể đứng lên là một nước ở trên thế-giới. Tôi xét ra việc học ở các nước bây giờ, đều là đã ở vào cái thời-đại toàn-thịnh, thế mà cái việc học ở nước mình bây giờ, còn ở vào cái thời-đại ấu-trĩ, có lẽ còn bảo bây giờ mà không giải-quyết đi, thời còn chờ đến bao giờ nữa mới giải-quyết chăng?

2° Quan huyện nói câu thứ nhì rằng: « Nước ta từ khi các trường Huấn Giáo đóng cửa, các thầy đồ nho không đắc-dụng ở chốn hương-thôn, chính-phủ dẫu có Học-vụ-tổng-qui, cũng chưa nhất-luật thi-hành, cho nên con trẻ ở chốn nhà-quê, đều thành ra ngơ-ngác không biết lấy gì làm đèn sách tập-rèn, ở chỗ

nhà-quê bây giờ hầu thành ra vô-học vậy. »

Ôi! dân đã đến nỗi vô-học, thời dẫu bảo cho là vô giáo-dục cũng được, dân đến nỗi vô giáo-dục, thời cái sự đáng thương đáng đau biết là dường nào. Ở vào cái thế-giới bây giờ, có phải là ở vào đám cạnh-tranh không? Thế-giới cạnh-tranh, không khỏi ra cái mục-đích sinh-tồn, cạnh-tranh sinh-tồn không khỏi ra cái sự lợi-dụng về học-vấn, xét x m sử các nước, ở về bên Âu bên Mĩ, cho đến Á-đông ta, như nước Nhật-bản, ở như những các nước ấy, người ta lo-liệu cho quốc-dân về đường giáo-dục không điều gì là không vẹn-toàn đầy-đủ, việc học xếp-đặt, từ chỗ kinh-thành tỉnh phủ huyện, cho đến chỗ thôn-dã, nhà trường như rừng, học trò như tưới, dần-dần ra không một người nào không có học, không một người nào không biết chữ, đem việc học nước ta mà so-sánh với việc học ở các nước bây giờ, sao người ta thịnh thế mà nước mình suy thế? Nói đến cái chỗ ấy, có phải là xấu-hổ cho quốc-dân ta là chừng nào. Nước ta há có phải rằng không có thày dẫn đường chỉ lối cho được, là một nước văn-minh-tiên-tiến-quốc, là Bảo-Hộ Chính-phủ đó ư? Bảo-Hộ Chính-phủ đối với quốc-dân ta sốt-sắng cái lòng thành khai-hóa, đảm-đang cái trách-nhiệm khai-hóa, đã lâu nay lo tính về việc học, nào đã trải mấy thứ học-vụ hội-đồng trù-hoạch, nào đã dựng bao nhiêu là trường ở kinh tỉnh phủ huyện, thế mà sao còn để cho quốc-dân ta phải cái nỗi thương đau về sự vô-giáo-dục, tôi nghĩ đi nghĩ lại cái chỗ ấy hai ba lượt, muốn vì đó giải-quyết cái sự khó-khăn, mà không có thể nào không qui-tội cho quốc-dân ta được. Nay Bảo-hộ Chính-phủ với dân ta, cũng như tò-vò với con nhện, tò-vò nuôi con nhện, tưởng không có thể sao cho tận-kỳ-tình được, chỉ có lẽ dân ta đối với Bảo-hộ Chính-phủ, phải làm cho khéo, cho được hai bên cũng thỏa-thuận, cho được hai bên cũng ích-lợi là mới xong. Bảo-hộ Chính-phủ có cấm mình lập hội đâu, có cấm mình nói đâu? Hội Khai-trí-tiến-đức sáng-lập ra mới ba năm nay, mà hội Bắc-kỳ Tư-vấn-hội-nghị-thiết-lập ra đã mười mấy năm nay rồi; huống chi lại trong đám quan-trường, những người trọng-yếu nhân-vật, há có phải là không có người nào là người mà Bảo-hộ Chính-phủ có thể trông-cậy tin dùng đâu? Nếu có ông nào có cái tư-tưởng đến quốc-dân, mà nghĩ đến cái chỗ quan-trọng của quốc-dân, là cái việc học đó, hoặc làm cái cách một mình đứng lên nói với Chính-phủ, hoặc lại làm cái cách đem mấy người trong chính-đảng lên mà nói với Chính-phủ, hoặc lại làm cái cách dắt-dìu cả bọn hội-viên lên mà nói với Chính-phủ cái sự-tình dân mình, khi đã đạt được với Chính-phủ, khắc là cái ân-ý của Chính-phủ cũng phải đạt được đến dân mình, đến bấy giờ rồi mà Chính-phủ đối với cái giáo-dục tiền-đồ của quốc-dân ta bây giờ có lẽ nào không lo-liệu cho dân ta lấy một cái phương-pháp rất tiện-lợi, lấy một cái tấn-tới rất mau-chóng hay sao?

Cái sự đã qua đi rồi, không nói chi nữa. Cái sự sau này đó, có thể làm thừa, tôi không biết rằng quốc-dân ta có tấn-tới đến bậc ấy không? Nếu quả có người thật, chúng ta sắp-sửa đắp cái đài kỷ-niệm cho trong học-giới nước ta; nếu thật không có người thời chúng ta cũng chỉ lẳng-lặng mà than-thở về cái vận-mệnh nước Nam ta, chỉ thế này mãi-mãi mà thôi, chúng ta còn nói gì nữa.

3º Quan huyện nói câu thứ ba rằng: « Bây giờ những người nói đến sự học nước nhà, ai cũng lấy chữ quốc-

văn làm gốc, cái ý ấy tôi cũng biề u-đồng-tình với mọi người, nhưng cứ cái thời-thế bây giờ, người ta nếu không học chữ Pháp, thời không thể sao có mở-mang trí-thức mà còn mong sao tấn-tới bằng người. » Quan huyện nói cái câu ấy, tôi không có thể biểu-đồng-tình với ngài được, tôi xin chia ra một mặt chữ Pháp một mặt chữ Nam ta ra đây mà bàn.

Nay bàn cái công-dụng chữ Pháp và chữ ta phải tựu trong cái chỗ phổ-thông học-giới, xem học đàng nào thì mau, đàng nào thì chậm, đàng nào thì dễ, đàng nào thì khó, để làm cái thăng-bằng. Thử tìm về cái mặt chữ ta mà coi: Nước ta ở về lúc tiền-cổ-thời-đại, thời chữ ta ở về lúc bấy giờ chúng ta không biết vào đâu mà khảo-cứu được đã đành rồi; từ lúc cận-cổ-thời-đại là cái lúc sự học nho đang thịnh đó, thời bấy giờ bực tiền-bối ta mới nhân chữ nho mà đặt ra chữ ta, tức bây giờ chúng ta gọi là chữ nôm ấy chính phải đó, chữ nôm không phải là không tiện-lợi, thế nhưng mà chỉ phải một lẽ rằng người nào có học chữ nho thời mới có thể dùng được chữ nôm, thế thời thành ra cái sự tiện-lợi của chữ nôm chỉ ở về phần những người trung-lưu-dĩ-thượng, còn những người trung-lưu-dĩ-hạ thời vẫn không khỏi được cái sự khó-khăn về trong đường phổ-thông vậy.

May làm sao mà bây giờ có cái chữ quốc-ngữ xuất-hiện ra đó, nước ta mà có chữ quốc-ngữ, ấy là trời cho ta lấy một cái dịp rất tốt, để cho tấn-tới mau lên theo kịp bằng người đó; làm sao biết? nghĩa là: chữ tức là tiếng nói, tiếng nói tức là chữ, ta chỉ phải dùng mất một ít công-phu mà thành ra được sự lợi nhiều lắm, tôi xét ra người nước ta mà học chữ quốc-ngữ, người nào thông sáng mau trí-khôn, chỉ độ mấy ngày thì đã dịch được, lại độ vài mươi ngày mà đã biên-chép được, người nào đần-độn chậm trí-khôn, có khi phải vài tháng mới dịch viết được, lại vài tháng nữa mới biên-chép được; xem thế, biết cái công học biết được chữ quốc-ngữ, chỉ là cái công hằng tháng, chớ không phải cái công bằng năm vậy.

Đến như cái sự tiện-lợi của chữ quốc-ngữ, thời ở về trong học-giới tiện-dụng đã đành rồi, cho đến về trong cái đám giao-thông, thời lại có thể miệng đọc tay viết, ý-tứ rõ-ràng, không ai không phải chịu cái chữ quốc-ngữ là tiện-lợi. Này, tôi thường có khi đứng ở bên dưới cái chỗ diễn-thuyết, có bài diễn-thuyết dài đến mấy nghìn vạn câu, thế mà cái khi diễn đọc đó, tôi dẫu không có thể nhớ hết được cái lời nói trong bài, nhưng tôi có thể hiểu suốt qua được cái ý trong bài, thế mới biết rằng cái chữ quốc-ngữ tiện-lợi, là ở vào cái chỗ học-giới và cái chỗ giao-thông đó vậy.

Lại có một cái lẽ rằng: cứ lấy cái trí khôn của tôi, mà tôi có thể học được, giả-phỏng ở trong học-giới nước ta bây giờ mà gọi là cái cách văn-minh ấy, có đủ cả được những sách giáo-khoa, tôi tự-liệu như tôi, còn có thể đỗ được mấy khoa tốt-nghiệp, tôi cũng không phải rằng tôi nói quá ra thế đâu, nghĩa là tôi cũng đã lượng cái trí khôn của tôi, mà cũng lại có thể lượng được cả cái trí-khôn của cả quốc-dân ta thế vậy.

Còn về mặt chữ Pháp, tôi chỉ để cho làm môn học giao-thiệp, chớ không để cho vào làm môn học phổ-thông. Chữ Pháp đáng học, là ở về phần việc học cả thế-giới, chớ không những ở về phần việc học một nước ta thôi; có cái lẽ rằng nước ta nhờ nước Pháp bảo-hộ, thế thời ở về trên cái chỗ sự học giao-thiệp đó, phải gia thêm cái công-trình hơn người nước khác mà thôi.

Chữ Pháp không lợi cho sự phổ-thông, là tự tại vì cái sự học chữ Pháp có phần khó-khăn lắm, mà cái sự học khó-khăn đó, tưởng những ông có con em đi học chữ Pháp ấy, cũng đã hiểu lắm rồi ; vì cái sự học cho biết chữ được đã khó và lâu, biết là dùng vào chỗ giao-thiệp học về phần ít người thời được, nếu đem dùng vào chỗ phổ-thông học về phần cả đoàn-thể quốc-dân, thời sao được.

Ta lại thử nghĩ mà coi, chữ Pháp mà ở vào trong học-giới ta, thời khác gì chữ nho mà ở vào trong học-giới ta, cũng là chữ nước khác cả; quốc-dân ta học chữ nho hai nghìn năm nay, còn chưa thành được hoàn-toàn phổ-thông, huống-chi bây giờ lại đem cả quốc-dân mà đổ xô nhau vào học chữ Pháp, để cầu lấy phổ-thông cho mau, thời có lẽ lại phải chờ độ hai nghìn năm nữa, mới phổ-thông được chăng ?

Thế cho nên một đàng chữ Pháp một đàng chữ ta, đàng nào là cái lợi-khí cho sự phổ-thông, có lẽ chỉ ở trong cái ánh sáng con mắt của quốc-dân ta, có thể phân-biệt rành được. Bây giờ học chữ Pháp, nếu chỉ có cần lấy cái sự kiếm-ăn cho mau, thời cũng không bảo rằng là không khoái-hoạt, nhưng nếu muốn gọi là quốc-dân-tư-tưởng-chi-học, tất phải quay về mặt quốc-văn mà lý-hội, thời mới là chính-đáng-chi-nghĩa vậy.

4o Quan Huyện nói câu thứ tư rằng : «Quốc-dân ta bây giờ, kể về cái sự học chữ nho, thật là không có sự ích-lợi cả.» Ý quan Huyện bảo rằng bây giờ nước ta bỏ sự thi chữ nho rồi thời những người nào theo học chữ nho bây giờ là không còn có cái vẻ-vang thi đỗ, không còn có cái sung-sướng làm quan nữa, thành ra vô-ích quá lắm vậy. Cứ lấy ý tôi mà nghĩ, quốc-dân ta với sự học chữ nho, có lẽ không bao giờ không được phần lợi-ích : này trước khi chưa có sự học chữ nho, bấy giờ nước ta ra nước thế nào, mà sau khi đã có sự học chữ nho, thời nước ta lại ra nước thế nào, quốc-dân ta có lẽ đọc cái bài «Hán-học-khảo» của ông Nguyễn Bá-Trác ở trong báo *Nam-phong* mà có thể biết được lườn-lượt, lại đọc những bộ «Việt-Nam-quốc-sử» của những nhà sử-học nước ta mà lại có thể biết được tường-tận, tôi đây cũng không phải kể chi ra cho rờm, cứ tôi mà đối với sự học chữ nho lại tìm ra được một sự lợi-ích cho quốc-dân ta khác nữa.

Này, nói cái sự lợi-ích của sự học chữ nho, nên tựu về phần cả toàn quốc-dân ta mà tìm lấy cái sự lợi-ích, chớ không phải rằng chỉ tựu về phần ít người mà tìm lấy cái sự lợi-ích mà thôi đâu ; lại nên tựu về trên chỗ tinh-thần của quốc-dân mà tìm lấy cái sự lợi-ích, chớ không phải rằng chỉ tựu về đường vật-chất của quốc-dân mà tìm lấy cái sự lợi-ích mà thôi đâu. Chữ nho dạy cho ta có vua tôi, có cha con, có vợ chồng, có anh em, có bè-bạn, lại có nhà có nước, có nhân-quần xã-hội ; tựu vào trong chỗ xã-hội ta mà coi, có lẽ rằng ở trong cái không-khí của nước Việt-Nam này, đều là những sự học chữ nho lộn vào trong ấy cả ; người ta không thở hút bằng không-khí thì tất chết, người nước Nam ta nếu ai không thở hút bằng chữ nho, thời tất cũng không có thể sống được, làm sao thế vậy ? Nghĩa là cái trật-tự của xã-hội mà tôn-nghiêm, ấy là cái cách học chữ nho đấy ; cái tình-ý trong xã-hội mà liên-lạc, ấy cũng là cái cách học chữ nho đấy ; lại cho đến cái hình-thức của xã-hội phô-bày ra đấy, cái gì không phải là cái cách học chữ nho ; nếu kẻ nào phạm đến cái trật-tự ấy, trái với cái tình-ý ấy, cùng là sai với cái hình-thức ấy, tất là bị xã-hội cho là người bỏ đi, chớ không phải là người xã-hội có dung cho được ; làm người phải ở ra ngoài xã-hội, mà không có thể lọt vào trong xã-hội, thời người ấy dẫu sống cũng như chết vậy.

Cho đến bây giờ cái thời-cục có thay-đổi đi, cũng là cái phong - khí nó có khi phải thay-đổi, bây giờ cái phong-hóa cũ toan những bị cái phong-trào mới làm cho đến nỗi đổ - nát, thế nhưng mà cái danh-nghĩa còn đáng sợ là như thế, cái lòng người còn nhớ xưa là như thế, hồ-dễ đã ai ra khỏi được cái phạm vi chữ nho vậy.

Và lại xem về trong xã-hội ta bây giờ: này, những người nào còn có cái hơi-ho chữ nho, thời xem ra những người ấy, nào là lời ăn tiếng nói, cùng là các công-việc làm, đều là có phần đáng kính đáng yêu cả ; còn những kẻ nào, thật là không có một tí hơi-ho chữ nho thời xem ra người ấy, nào là lời ăn tiếng nói, cùng là các công-việc làm, đều là có phần đáng ghét đáng xấu cả, thế mới biết rằng cái sự lợi-ích của sự học chữ nho, chính là ở về trên chỗ đạo-đức của quốc-dân ta, có cái cảnh-tượng trông thấy được, có cái công-đức ghi-chép được, cả toàn-thể quốc-dân ta phải nên công-nhận là thế vậy.

Mà có phải những thế mà thôi đâu, chữ nho làm cái dựa cho chữ ta: nước ta về lúc trung-cổ-thời-đại dĩ - tiền, tiếng nói và lời nói của ta, vốn là ít-ỏi lắm, cái tiếng nói và lời nói ít-ỏi, xem thế biết là cái trình-độ dân ta bấy giờ còn kém lắm ; từ khi có cái sự học chữ nho lan vào, mà thành ra cái trình-độ nó lên vùn-vụt; trình-độ đã lên vùn-vụt, rồi mà tiếng nói và lời nói của dân ta, bất-đắc-bất tự ở chỗ đang ít-ỏi mà thành ra nhiều; cái tiếng nói và lời nói đang ít-ỏi thành ra nhiều, ấy là cái trình-độ dân ta đang kém mà đã thành hơn rồi đó. Trải qua hai nghìn năm cho đến bây giờ, mà cái tiếng nói và lời nói của ta, thành được là hoàn-toàn cụ-thể, bảo không phải là cái công của sự học chữ nho sao ?

Ta thử nghĩ mà xem, ở trên chỗ cửa miệng ta làm sao lắm chữ nho thế? Cửa miệng ta lắm chữ nho, kể về người thâm chữ nho, có cái thượng-thượng thú-vị về chữ nho đã đành rồi ; mà ở về những người thiển chữ nho ấy, cũng có cái trung-thượng thú-vị về chữ nho ; lại cho đến những kẻ không có học một chữ nho nào, một lời nói một tiếng nói không có dời chữ nho ra được không có kể chi, thế mà thường-thường có lúc vớ được câu thành-sáo của chữ nho, cũng là nói khoác nói lác cho sướng mồm, thế cũng có thể bảo họ là có cái hạ-thượng thú-vị về chữ nho đó vậy.

Lại có cái lẽ để mà nói, tiếng nói của ta bảo rằng đầy-đủ, là chỉ tựu về cái trình-độ đã qua đi rồi mà nói thời được, chớ nếu bảo rằng tựu về cái trình-độ bây giờ mà nói thời lại không được; ngày xưa ta phải mượn cái cựu-danh-từ của chữ nho, để ta bù vào những cái tiếng mà trước kia ta không có; bây giờ ta lại phải mượn những cái tân-danh-từ của chữ nho, để bù vào những cái tiếng về hiện-thời bây giờ của ta cần phải có; ta bây giờ chỉ sợ rằng không có tiếng để bù vào cho đủ, huống-chi lại còn làm cho thiếu đi; bây giờ chỉ sợ rằng giữ cho còn lại có phần không xong, huống-chi lại còn làm cho mất đi, đã không có thể làm cho thiếu đi, lại không có thể làm cho mất đi, thế thời phải tìm cách để bù vào, lại phải tìm cái cách để giữ lấy; bây giờ bảo rằng một đàng bù vào, một đàng giữ lấy, tất phải có học chữ nho mới được, thế thời muốn rằng một đàng bù vào, một đàng giữ lấy, tất phải có phần học chữ nho nhiều mới xong. Giả-phỏng rằng bây giờ dân ta không có học chữ nho nữa, thế thời cũng không có kể rằng những tiếng của ta bây giờ cần phải có, cũng còn có thể mượn tiếng mới của các nước để bù vào cũng được, nhưng mà những tiếng nói đã thành

tiếng rồi, vốn y-cứ vào chữ nho đó, bây giờ không học chữ nho nữa, thời ý-nghĩa chữ nho tất là mù-tịt, ý-nghĩa chữ nho đã mù-tịt, rồi mà những tiếng nào nói bằng chữ nho ấy cũng không còn hiểu gì nữa; người ta khi đã không hiểu cái tiếng nói ấy là thế nào, tất là cũng không buồn nghe cái tiếng nói ấy nữa; đến khi không buồn nghe tiếng nói ấy thời còn nói đến tiếng ấy làm chi nữa! Ấy bây giờ rồi mà cái tiếng nói của ta không tài nào giữ cho khỏi đang đủ mà lại thiếu, vậy thế thời bây giờ những người không học chữ nho nữa ấy, có phải là người thức-thời, hay không phải là người thức-thời? Những người mở mồm ra bảo rằng không học chữ nho làm gì nữa ấy, có phải là bọn tiến-hóa-phái, hay là thoái-hóa-phái?

Tôi cũng không phải không bảo rằng chữ nho làm cái trở-lực cho sự tiến-hóa bây giờ, nhưng tôi lại không có thể không bảo rằng chữ nho làm cái trợ-lực cho sự tiến-hóa bây giờ; nghĩa là nếu đem cả quốc-dân mà theo vào học chữ nho để cầu lấy phổ-thông khác gì bây giờ sô cả quốc-dân vào mặt chữ Pháp để cầu lấy phổ-thông, sự phổ-thông không mau được, tức là sự tiến-hóa không mau được; muốn phổ-thông cho mau để tiến-hóa cho mau, tất là sô cả quốc-dân vào mặt chữ quốc-ngữ, ấy là cái lẽ nên thế, mà lại là thế khả-tất đó vậy. Bảo chữ nho làm cái trợ-lực cho sự tiến-hóa của quốc-dân ta bây giờ, nghĩa là sự học chữ nho đã là một cái nguyên-lực của điều đạo-đức của ta, lại là một cái phụ-lực của tiếng nói ta nữa, cho nên sự học chữ nho, là cái cấp-vụ thứ nhì ở trong học-giới bây giờ, dẫu bảo cho là cái cấp-vụ thứ nhất, cũng không phải là không đáng vậy.

Tôi cũng không phải là không bảo rằng chữ nho đáng bỏ, thế nhưng tôi chỉ không dám nói rằng chữ nho đáng bỏ ngay. Giả-phỏng một mai cái trình-độ dân ta tấn-tới lên lắm, mà tiếng nói của ta cũng tấn-tới lên lắm, bao nhiêu những sách nho có thể dịch sang sách ta hết, mà cái chữ quốc-văn của ta phát-đạt, đã đủ cái thể-cách quốc-văn, đã thừa cái tài-liệu quốc-văn, cho đến một chữ một tiếng đều có thể ghi-chép được cả, để làm cho thành một bộ quốc-văn-tự-điển thật là hoàn-toàn, đến lúc bấy giờ rồi thời là sách nho không phải mở đến nữa, chữ nho không phải viết đến nữa, mà cái âm-hưởng chữ nho lúc nào cũng còn vang-vẳng ở trong học-giới ta, cái tinh-thần học nho lúc nào cũng nhơn-nhơn ở trong não-chất ta, thiên-vạn-cổ cái cách đại-giáo-dục-phương-pháp của ông đại-thánh-nhân ở phương Á-đông này, không có dứt cái tăm-tích ở xứ Viêm-bang ta; rồi đây ta làm con cháu chữ nho chớ ta không làm nô-lệ chữ nho nữa, nghĩa là quốc-dân ta bấy giờ không còn lại phải đem cái thân làm con cuốc kêu mùa hè ở trong đám học chữ nho nữa vậy.

Thế cho nên một cái câu nói bảo rằng bỏ chữ nho, ấy là một cái câu độ mấy trăm năm nữa mới nên mở miệng nói, chớ quốc-dân ta bây giờ không nên mở miệng nói ra thế, ấy là cái sự-thể nước ta ra thế đó vậy.

5° Quan Huyện nói rằng: « Bây giờ dân ta không cứ chỗ tỉnh-thành, chỗ nhà-quê, ai có con phải nên cho đi học chữ tây sớm, kẻo lỡ bước công-danh. » Ý quan Huyện bảo rằng bây giờ Nhà-nước định lại bộ Học-vụ-tổng-qui, phàm những học-trò vào trường nào cũng đều có niên-hạn cả, làm con em mà không biết cập-thời thành-tựu sớm đi, lỡ ra quá tuổi, muốn học cũng không học vào đâu được, thành ra không có cái đường tiến-thân; mà khi đã không có cái đường tiến-thân nữa, thời là không có còn mong-mỏi

gì vào đường làm quan nữa đó. Cứ lấy cái ý tôi mà nghĩ, học phải học cho kịp thì, học từ lúc đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, ấy là từ đời xưa cũng đã nói là thế. Thế nhưng mà học là học để làm người, học để cho rõ nhân-luân, học để mà dưỡng nhân-cách, học để cho rõ thế-đạo, học để mà ứng thế-sự, người xưa có câu nói rằng : « Không phải nhân có sự quả-báo mà mới tu-đức ; không phải vị có sự công-danh mà mới đi học. » Cho nên sự đi học để làm sự lợi-dụng cho việc công-danh, chớ sự công-danh không có thể đem để làm cái mục-đích sự đi học được. Có con em cho đi học mà mong cho làm công-danh, thế là mình làm lầm con em mình; làm cái thân con em đi học mà cũng chỉ mong về đường công-danh, thì là mình lại làm cho lầm-lỗi cái thân mình ; có lẽ nào quốc-dân ta lại làm cái sự lầm-lỗi cả con em, lầm-lỗi cả mình chăng ?

Huống-chi hai chữ công-danh, nó bao-bọc cũng rộng lắm kể cái đường đất cho mình lập công-danh, hoặc là đối với thân mình nhà mình mà mình lập công-danh, hoặc là mình đối với nhà nước mà mình lập công-danh, hoặc là đối với xã-hội mà mình lập công-danh, cùng nữa là mình đối với cả thế-giới mà mình lập công-danh, tùy cái tài-lực của mình làm được đến đâu, tùy cái học-thức của mình biết được đến đâu, tùy cái trách-nhiệm của mình ở vào chỗ nào, tùy cái nghĩa-vụ của mình phải nên thế nào, đem thi cái tài-lực của mình ra, đem hành cái học-thức của mình ra, ấy là cái lúc mình bắt-đầu lập công-danh, làm cho hết cái trách-nhiệm của mình, làm cho trọn cái nghĩa-vụ của mình, ấy là cái lúc cuối-cùng mình lập công-danh ; có cái công-danh hữu-thành, tức là công-danh của mình ; có cái công-danh vô-thành, cũng là không mất cái tiếng là công-danh của mình ; cái công-danh hữu-thành đó, nhỏ thời là chỗ hàng tỉnh hàng phủ người ta ai cũng khen, lớn ra thời cả quốc-dân người ta ai cũng khen, gần mà triều-đình mình bao-tưởng, xa mà cả thế-giới người ta ai cũng phải sùng-bái, thế rồi mà cái công-danh của mình ở về trên cái danh-dự của mình, cũng đã hiển-hách lắm, cũng đã vinh-diệu lắm ; cái công-danh vô-thành, hoặc bị cái cảnh-ngộ của mình nó khăng-khíu mà vô-thành, hoặc bị cái thời-thế của mình nó ngang-trở mà vô-thành, thế nhưng mà cái tài-lực của mình, cái học-thức của mình, có thể ai cũng biết cho được ; cái trách-nhiệm của mình, cái nghĩa-vụ của mình, có thể ai cũng lượng cho mình được, thế rồi mà cái công-danh của mình ở về trên cái danh-dự của mình, vẫn không có hại gì, vẫn còn nguyên ở đó.

Cho nên người ta có chi công-danh, không phải có lúc nào mà không làm được, không phải lúc nào có lỡ được công-danh của mình. Người thiếu-tráng có cái công-danh của người thiếu-tráng, người lão-đại có cái công-danh của người lão-đại ; người thiếu-tráng không đem cái thân của mình bỏ liều đi, mà người thiếu-tráng ấy khắc là có công-danh ; người lão-đại không đem cái thân mình cho làm mỏi-mệt, mà người lão-đại ấy khắc cũng là có công-danh. Tiếng gọi là công-danh, muốn lên thì lên, muốn lùi thì lùi, muốn đi thì đi, muốn lại thì lại, cũng như là một cái con đường của mình đó thôi ; tiếng gọi là thì-giờ, dù là trước, dù là sau, dù là sớm, dù là muộn, cũng là ở trong một đời mình đó thôi. Người ta có khi mình làm cho mình mất cái công-danh của mình, chớ không phải là có cái bước nào làm cho mất được cái công-danh của mình. Huống-chi lại có mất cái công-danh này, há lại không có thể làm được cái công-danh khác, mất cái công-

danh to, há lại không có thể nào làm được cái công-danh nhỏ; người ta nếu có đem cái thân mình làm lầm-lỡ cái công-danh, chớ có đem cái công-danh mà làm lầm-lỡ cái thân mình vậy; người ta nếu có đem cái thân mình đeo-đẳng cái công-danh, chớ có đem cái công-danh đeo-đẳng cái thân mình vậy; nghĩa là có như thế mới gọi là học được.

6º Quan Huyện nói cái câu cuối-cùng tất-yếu rằng: « Một rằng là bây giờ ta nhờ Đại-Pháp bảo-hộ ta đem cái văn-minh Thái-Tây mà khai-hóa cho ta, ta phải nên học chữ Pháp để trực-tiếp hưởng-thụ lấy cái văn-minh quí-báu ấy; hai rằng là ta phải học chữ Pháp để cho hiểu được tình-tình người Pháp mà ăn - ở cùng người. »

Tôi nghĩ rằng nói là văn-minh, thì thật là quí-báu thật, những đã gọi là văn-minh, tất là hoàn-toàn cụ-thể; mà thế nào là hoàn-toàn cụ-thể, tất là có cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần, lại có đủ cả cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức. Cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần có cái nghĩa gọi là văn-minh chất-thực; cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức có cái nghĩa gọi là văn-minh hoa-mĩ. Nếu chỉ có cái văn-minh ở về trên chỗ tinh - thần mà không có cái văn-minh ở về trên chỗ hình - thức, cũng là chỉ có cái văn-minh ở về trên chỗ hình - thức, mà không có cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần, đều cho là cái văn-minh khuyết-điểm. Quốc-dân ta lấy một cái dòng-dõi cha rồng mẹ tiên, mà lâu nay lại phục-tập cái cách giáo-dục của các bậc đại-thánh-hiền ở phương Á-đông này, ta vốn đây há không phải là không văn-minh, nhưng cái văn-minh của ta sở-dĩ chưa thành được là hoàn-toàn cụ-thể, ấy là ta chỉ có cái văn-minh chất-thực, chưa có cái văn-minh hoa-mĩ mà thôi.

Quan Huyện nói cái văn-minh quí-báu, mà lại không nói cái văn-minh quí-báu ấy nó thế nào, ấy cũng là một cái khuyết-điểm về sự lập-ngôn. Này, lập lên lời nói để chỉ-bảo người ta, cũng như là chỉ cái đường để chỉ-bảo cho người ta, chỉ đường không rành, có khi làm cho người ta đến lạc đường, nữa là lập ra lời nói không rành, tài nào không làm cho người ta nhận lầm mà học lầm. Cứ ý tôi nghĩ, gọi là cái văn-minh của Đại-Pháp, cũng gọi là cái văn-minh của Thái-Tây, cũng gọi là cái văn-minh của đời bây giờ mà thôi; cái văn-minh của đời bây giờ thế nào? một là cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần, tức là cái dân-trí thì khai - thông, dân - đức thì hậu-thực, và dân-nghiệp được hưng-thịnh, đều có phần đạt đến cực-điểm cả; hai là cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức, tức là đồ tự-phụng cái thân mình, nào ăn, nào mặc, nào chỗ ở, cho đến đồ làm dùng ngày thường, nào đồ này, nào thức kia, không cái gì không có sự tiện-lợi và cái vẻ đẹp-đẽ; văn-minh như thế, cũng đã gọi là hoàn-toàn cụ-thể thật.

Tựu cái việc học thiết-thực của nước ta, thời bây giờ làm cái mục-đích theo cách học mới của dân ta bây giờ, là đối với cái văn - minh ở về trên chỗ tinh - thần, một là mở cái dân - trí của người ta khai-thông là thế nào, hai là mở cái dân-nghiệp của người ta hưng-thịnh là thế nào, còn như dân-đức, thời ta xưa nay gọi là điều luân-thường đạo-lý, đã thành là quốc-tuý của ta, ta phải nên bảo-tồn, ta lại nên tăng-tu để cho khỏi cái tiếng ngoại-quốc chê cười mình là vong-bản, thế là phải; còn như điều tân-đạo-đức, tức gọi là điều tự-do bình-đẳng đó, dân ta bây giờ chỉ nên có tư-tưởng như thế, chưa nên có cái cách cư-xử như thế; nghĩa là phải chờ cho

đến sau khi dân-trí mình đã đại-khai-thông, dân-nghiệp mình đã đại-hưng-thịnh, mới có thể bắt-chước người ta được ; mà vừa lại là một lẽ mình chỉ tuần-tự tiến dần-dần, không có liệp-đẳng. Không thể thời thành ra đem một cái dân-tộc mà dân-trí còn non-nớt, dân-nghiệp mới mở-mang, bây giờ hãy trước hết bỏ cái cựu-đạo-đức của mình vốn xưa nay có sẵn, để đi cầu lấy cái tân-đạo-đức ở đâu đâu, là một cái đạo-đức tối cao-thượng, chưa học nói mà nói, chưa học đi mà đi, sợ rồi ra cái sự học của mình cũng thành ra người vẽ con hổ không nên, rồi đổ ra cái tệ chỉ bắt-chước cái văn-minh ở trên chỗ hình-thức, không bắt-chước cái văn-minh ở về chỗ tinh-thần, tức như những kẻ bắt-chước ăn mặc đồ mới, chỉ biết có cái sự tự-phụng thân mình cho thật xa-xỉ, không biết còn cái cách phải đè-nén cái thân mình cho có tiết-độ ; những kẻ học theo cách tự-do bình-đẳng, chỉ biết làm sao cho cái thân mình được thuề-thỏa, không còn biết có sự liêm-sỉ của cái thân mình, dần-dần đến nỗi hỗn-loạn luân-thường, không sợ danh-nghĩa, đổ sô ra làm một thứ dân vô-giáo-dục, có lẽ không đáng sợ lắm thay ?

Đối với cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức, một là ở về đàng tự-phụng, hai là ở về đàng tác-dụng, những cái đồ làm dùng, thứ nào tiện-lợi, thời ta bắt-chước ta làm, để làm một sự lợi-dụng cho mình, để chấn-hưng lấy dân-nghiệp ; còn về đàng tự-phụng, nào đồ ăn, thức mặc, cửa nhà chỗ ở, cứ cho phải thể thì thôi, sao cho khỏi được cái tiếng xa-xỉ, và cái tiếng keo-bẩn quê-mùa, thế là hơn.

Còn như cái câu quan Huyện bảo rằng: « Ta phải học chữ Pháp để cho hiểu tình-tình người Pháp mà ăn ở cùng người », câu ấy thật là kém lắm, giá-phỏng cái câu nói ấy đã lọt vào trong đám học của mình, mà thành ra in vào óc người ta, thời thành ra mình dạy cho con em mình chỉ có con mắt trông về đường phục-tòng, chỉ có con mắt trông về đường nô-lệ, không còn có con mắt trông về đường tự-lập là thế nào nữa.

Này, nhân-quần ở với nhau, chỉ có cái lẽ phải tương-thân tương-ái là hết ; nếu ở với nhau mà không tương-thân tương-ái, thời thành là loài gì, chớ không phải là loài người đâu thế. Nước Đại-Pháp là một nước vị-nghĩa, người Đại-Pháp là người vị-nghĩa, tôi tưởng người Đại-Pháp coi người khác, chỉ coi là người đồng-hóa với mình, chớ không coi là người dị-hóa với mình, chỉ mong cho người ta làm bình-đẳng, chớ không mong cho người ta chỉ làm nô-lệ : hãy xem rực-rực rỡ-rỡ, ngọn cờ tam-tài của Đại-Pháp phất-phơ phất-phẩy ở trên mặt địa-cầu, một mầu là nghĩa tự-do, một mầu là nghĩa bình-đẳng, một mầu là nghĩa bác-ái, ấy là nước Đại-Pháp sở-dĩ làm nước Đại-Pháp, ấy là nước Đại-Pháp sở-dĩ làm nước văn-minh, mà chúng ta có muốn hưởng - thụ nữa, cũng bất-quá là cái văn-minh ấy mà thôi. Bảo rằng bây giờ muốn hưởng-thụ cái văn-minh quí báu, mà mình không có trí - lự quí-báu, không có công-trình quí-báu, được chăng ?

Có một lẽ nói rằng dân mình ở với dân Pháp, có phần khác với dân các nước ở với dân Pháp, vì rằng nước mình chịu cái quyền Đại-Pháp bảo-hộ, thời trong cái chỗ cùng ở với nhau đó, có một cái tình-ý cùng ở với nhau, có một cái chính-sự cùng ở với nhau ; ta định lấy cái gì làm tình-ý cùng ở với nhau, thời có lẽ đã có điều đạo-đức, ta định lấy cái gì làm chính-sự cùng ở với nhau, thời có lẽ đã có điều pháp-luật. Nếu ta đã biết tôn đạo-đức, biết trọng pháp-luật, ai lại ở ra không tương-thân tương-ái với mình, con người ta chỉ có tự khinh mình mà sau

người khác mới khinh mình, người ta chỉ có tự rẻ mình, mà sau người khác mới coi rẻ mình ; nếu bây giờ dân ta ở với dân Pháp, một đằng ở ra cái mặt kiêu-ngạo, một đằng ở ra cái thói du-nịnh, bởi kiêu-ngạo mà sinh có sự phản-đối, bởi du-nịnh mà sinh có điều ô-mỵ, còn làm sao cho có trông thấy cái thói tương-thân tương-ái được.

Cho nên làm cái cách người ta ở với người Pháp bây giờ, chỉ có một lẽ rằng ta chỉ cứ tôn đạo-đức, trọng pháp-luật, ấy cũng lại một cách mình tự xử mình rất hay ở vào đấy nữa đó ; việc gì cứ khu-khu về trên chỗ tính-tình người ta, để xem-xét cách cùng ở với nhau, vụ-cầu cái điều thỏa-hợp về một khi một thì, có phải là cái cách học về nhân-đạo đâu thế.

Tóm lại cái ý tôi nói với ý quan Huyện nói, có phần ngang-trái nhau nhiều, mà tôi cũng không phải là có ý làm ra ngang-trái thế đâu. Tôi với quan Huyện dẫu không có quen-biết, nhưng cũng cùng là người đồng-bào Việt-Nam ta cả ; tôi thường xem báo - chương, thấy quan Huyện bàn-bạc nhiều điều, như là bàn về việc « Đại-Nam khánh-niệm-tiết », cùng là cái « Cải-lương-phong-tục sách », cho đến bài này là « Bàn về việc học » cả một nước. Xem những việc nói đó đều là những cái vấn-đề to cả, tưởng một cái tấm nhiệt-thành của quan Huyện mà đối với quốc-dân ta, có phần là mười phần đủ mười.

Duy rằng cái bài bàn về việc học này, cứ ý riêng tôi thấy nhiều chỗ không phải là lời-lẽ chính-đáng ở cửa miệng quốc-dân ta nói ra, tức như sự học chữ nho, là một cái giáo-dục của quốc - dân ta, là một cái linh-hồn của quốc - dân ta, là một cái quốc - túy của quốc-dân ta, là một cái căn-bản để lập - quốc thế mà quan Huyện nói là không có ích-lợi gì, thời tôi tưởng là ngài xét chưa đến nơi vậy. Tôi nhân có mấy lời bình - luận này, lại có lời bàn đến việc học nước ta bây giờ sẽ lại đăng báo sau, các ông xem báo xin sẽ phủ - chính cho, bỉ-nhân xin cám ơn.

Cử-nhân NGUYỄN KHẮC-BÍNH

NHỚ' HÀ-NỘI

Bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ.....

(*Kim-Vân-Kiều*)

Con người ta thủa còn thơ-ấu, những biết nương-nịu đôi bên cha mẹ ; khi đã khôn-lớn rồi, bị cái trần-lụy nó buộc chặt vào hai chữ « danh lợi » : gánh nợ nam-nhi, đôi vai nặng-nề, tấm lòng hồ-thỉ, ngàn dặm xa khơi. Nhưng có một điều, là dẫu lúc trong nhà, dẫu lúc ra ngoài, đã ăn-ở quen-thuộc nơi nào đôi ba năm, thời ngày bước chân đi ắt cũng có một mảnh tình quyến-luyến, yêu

người mến cảnh.

Bất-kỳ ở chỗ nào, đã cho là thắng-địa, thời phải có hai điều trọng-yếu: một là người, hai là cảnh. Cảnh vốn đợi người, mà người sinh ra phần nhiều mộ cảnh; có người, không cảnh, thời không lấy gì khuây người; có cảnh không người, thời không lấy ai ngoạn-cảnh; xem một câu «người buồn cảnh có vui đâu» thời cảnh với người tự-hồ như đã có một sợi giây vương-vít. Nhớ Hà-nội là trước nhớ người mà sau nhớ cảnh.

1. — Nhớ người Hà-nội

Vấn-đề bàn về con người là một vấn-đề rất khó. Muốn bàn cho được xứng-đáng, ắt phải đã ăn-ở lâu năm, am-hiểu hết các tính-tình, biết rõ cả các công-cuộc người ta, cho nên những khách giang-hồ, dạo chơi một đôi ba năm rồi đi, thời lúc hạ-bút dẫu có chỗ sai-lầm, cũng không lấy gì làm lạ. Vì thế, trong bài này các lời bàn về người không phải đã quyết là đích-xác cả, chỉ lấy phương-diện một người mà nói, còn ý-kiến kẻ khác lại chắc là khác.

Các hạng người. — Ở Hànội cũng như ở nơi khác, người có nhiều hạng, thế thường chia ra làm ba hạng: thượng, trung, hạ. Trung-lưu và hạ-lưu, thời chẳng phải bàn đến, còn như một vấn-đề thượng-lưu, nghĩ lại đã làm hao-tổn biết bao nhiêu là giấy mực trong các nhà báo! Mà lạ thay! đối đi đáp lại, người xem đã mòn con mắt, nhưng chưa thấy ai có một lời mời các nhà thương-mại kỹ-nghệ to lên làm bậc trên; thế mới biết Hà-nội tuy là đất phiền-hoa lại khai-hóa sớm, đã hiểu rằng công thương là trọng, nhưng cái nền văn-hiến còn đó trơ-trơ, nên về đường sĩ vẫn cho là quí hơn. Một khoa hai hoạn là bậc thượng-lưu. Song nay thời-thế đổi mới, thời đường khoa-hoạn lại xoay ra mặt khác. Các đứng tiền-bối mỗi ngày càng ít, thời cái lẽ cố-nhiên là lớp thanh-niên tất kế ra; mà bậc nhất trong lớp thanh-niên, phần nhiều ắt là học-sinh đậu ở các trường Cao-đẳng. Có tay viết rằng các bậc hậu-tiến ấy mà lên ngồi đầu xã-hội thời chưa xứng. Lời nói ấy phải hay trái, một ngày kia phải rõ, bây giờ bàn sớm, tưởng chưa được thỏa.

Nhưng ở đời có giàu sang ắt có nghèo hèn, thời cách phân-biệt làm thượng, trung, hạ-lưu, cũng không phải là nhất-định, thứ nhất là ở Hà-nội. Có kẻ chí-khí danh-vọng đáng làm bậc thượng-lưu, mà nhân vận-hội sa-sút phải xuống; cũng có kẻ hôm nay còn âm-uất mà ngày mai đã quyền cao chức trọng, năm xưa còn nắng mưa thui-thủi đi về, mà năm nay đã lên xe xuống ngựa, nổi tiếng trong ngoài, cho nên người ta có đâu «thời-thế tạo anh-hùng» là thế.

Trên này chỉ nói về các hạng đàn-ông, còn một vấn-đề đàn-bà lại càng khó giải. Ở Hà-nội mấy năm sau này hình như âm thịnh, hai chữ «nữ-giới» ít ngày đọc báo mà không nghe đến. Nhưng nghe quá cũng thành chán. Có nhà bàn rằng ở thời-đại văn-minh thời nên bắt-chước các nước văn-minh, con gái Nam-Việt cho đi học-hành, ra làm chức phận, là phải; có nhà nói rằng nước ta vừa buổi bán-khai, con gái cho theo học cách mới thời ắt ra cư-xử phải sai; lại có nhà nghĩ rằng con gái chỉ nên tinh đường nội-trợ, mà không nên cho đi học. Đàm-đạo phân-vân, bây giờ chưa biết đâu phải mà đâu lại là trái.

Tính - chất phong - tục người. — Hà-nội đã là chốn đô-hội, thời người cách ăn-ở phải xảo, đường giao-thiệp phải sành. Tựu-trung cũng nhiều người trung-hậu, còn ngoại-giả cũng lắm kẻ ngoan-ngạnh lá-lay. Có một điều là khách xa đến Hà-nội thời thường khen người Bắc phong-nhã. Lời nói thật có, nhưng dưới cái phong-nhã ấy, đáy bể khó dò; mà quá nhã

thời lại nhiều khi xem ra bất-nhã. Cũng vì cái tục quá nhã ấy, cho nên người Hà-thành hễ đi ra đất khác thời lắm lúc nghĩ lầm : trông thấy thiên-hạ không quá-tôn quá-trọng mình như lúc ở nhà, thời ngạc-nhiên đã tưởng là chỉ một xứ mình nhã, mà không biết xứ người ta mới nhã. Vì đã cho rằng người nhã, thời trước phải biết phân-biệt các bậc trong xã-hội, mà gọi mỗi người cho vừa phải : nếu gọi không xứng chức-phận tuổi-tác người ta thời hóa ra khinh, mà gọi lên quá thời lại hóa ra nịnh.

Phong-tục ở Hà-nội xét ra cũng không mấy điều lạ hơn nơi khác ; trong bốn việc : quan, hôn, tang, tế, thường làm vừa phải cả. Về các việc đáng vui đáng kính, thời phiền-phí cũng không nên trách. Còn như việc tang là một việc rất buồn, thế mà ở nhiều chỗ khác, nhất là về các hương-thôn, những còn soạn-sửa linh-đình, một, đôi, ba tháng. Trong lúc tang-chủ còn đương bối-rối sầu-muộn, mà lại bắt-bẻ thách-vạch, những rượu ít, những cỗ nhỏ, thời cái tục thật đáng khinh mà rất nên bỏ. Ở giữa Hà-nội thường thấy giản-dị, mỗi lần có người mất, dầu bà con, dầu hàng xứ, ai nấy cơm nhà, trầu đãy, đến đưa đám xong thời về. Cái tục này rất đáng khen mà rất nên bắt-chước.

Các tiết lễ thời có rằm tháng tám, tết Trung-thu, ở Hà-nội làm trọng-thể hơn nơi khác. Những bánh đủ thứ hàng Đường ; những voi, những cá, những ông nghè tháng tám hàng Gai ; những rước đèn, những múa sư-tử, những trống đánh vẫng tai, chuyển trời động đất. Xét lại thời một năm ba trăm sáu-mươi ngày làm-ăn, dành lại một đôi ngày vui chơi cũng là phải, mà mỗi người đều có sở-thích : ông già bà cả thời vui theo cảnh già ; các lớp trẻ con thời vui theo thú trẻ ; giai-nhân tài-tử thời lại được một hội tương-phùng, trăng thanh gió mát. . .

Công-việc người. — Người Hà-nội cũng có kẻ chăm về đường canh-nông khai-khẩn đồn-điền giàu có; nhưng không phải là ở giữa phố, nên đây chỉ nói về ba việc : sĩ, công, thương, mỗi nghề thành-hiệu có khác nhau.

Trước hết nói về sĩ. Học-trò ở Hà-nội có ba bậc : cao-đẳng, sơ-đẳng, trung-học.

Thủa trước nho-học đông bao nhiêu thời bây giờ tây-học đông bấy nhiêu, nhưng lại có phần đông gấp mấy nữa ; cứ chiều thứ năm chủ-nhật, dạo chơi phố-phường, thời những áo Nam lộn áo Tây, tiếng ta xen tiếng Pháp. Nhưng nói như ai : « Nhiều quá thành ế », đi học càng ngày càng đông, thời cách thành-đạt phải càng ngày thêm khó ; sau này chắc không phải ai cũng đã là hữu-dụng cả. Có một điều, là thường hay nghe than rằng thủa trước đi học sai-lầm, lớp cựu-học thời hình như tiếc cái thời-đại đã qua, lớp tân-học thời lại hình như chê cái thời-đại đã qua ; nhưng cái sai-lầm ấy chưa hiểu rõ-ràng là thế nào. Lắm kẻ nói rằng lối học cũ là hư-học, mà không phải là thực-học ; nhưng trong một nghề học, phân-biệt cho rành được hai chữ « hư, thực », xem cũng không dễ. Lầm hay phải, hư hay thực, ít người nghĩ đến, mà phần nhiều đi học là vì trước con mắt đã trông thấy cái kết-quả cận-lợi.

Con trai thủa trước đi học nhiều thời bây giờ nhiều đã đành ; con gái thủa trước đi học ít mà nay lại nhiều thời có khác. Vì cái khác ấy cho nên đời trước ít nghe nói đến « nữ-giới », mà đời nay lại đột-nhiên nổi lên một vấn-đề « nữ-giới », hình như cái hồn các bà Trưng-vương, Triệu Ẩu, Xuân-Hương, Thị-Điểm, vân, vân. . . đã

phẳng - phất bay về, xui-giục một bọn quần-thoa, phải xa vòng khuê-các, ra tay mở mặt, cùng khách mày râu !

Chữ « văn » với chữ « học » thường bay đi với nhau, đã nói đến sự học Hà-nội, thời cũng nói qua văn-chương ở Hà-nội. Văn có hai đường : một là văn sách, hai là văn báo. Ở Hà-thành từ mấy năm nay sách quốc-ngữ thấy có đã nhiều : văn tình, văn cảnh, văn xuôi, văn vần, đua nhau xuất-bản. Sách ra nhiều như thế cũng có lắm lẽ. Một là ở nơi đô-hội đông người, thời ắt có người hay ; hai là sẵn nhà in thời in mau mà ít tốn ; ba là làm sách để lấy tiếng ; bốn là làm sách để lấy lợi. Tựu-trung nhiều nhà hay văn mà không muốn làm sách, nhiều nhà dốt văn mà hay làm sách. Nhưng làm văn cũng có cái tay, không phải học giỏi thời văn chắc đã hay ; mà mấy nhà hạ-bút thành câu, cũng không phải là đều học giỏi cả. Trong các sách bán ở Hà-nội, thời có văn Tản-Đà tuy còn có người không chịu, nhưng thật có cái biệt-tài. Song đã có chữ « tài » thời thường mắc lấy chữ « phụ », xem một bài « Hồn chữ nói », thời cũng rõ được cái ý của tác-giả. Bàn về quốc-văn ta, thời không biết sao là tuyệt hay, mà sao lại quá dở, vì từ xưa nay chưa tầng có qui-tắc nhất-định. Có kẻ bảo rằng có học Hán-tự, văn quốc-ngữ mới hay, vì một lẽ là tiếng ta dùng nhiều chữ Tàu. Nhưng các tiếng ấy đã cho như thành tiếng mình rồi, còn ngoài tưởng cũng không phải xen vào nhiều Hán-tự văn mới là hay ; mà nhiều Hán-tự quá thời ít kẻ hiểu, ít kẻ hiểu thời ít kẻ biết hay, thời cái giá-trị câu văn có phần giảm bớt. Vả lại nhiều người không học Hán-tự mà văn cũng suông cũng hay, thời Hán-tự quả không phải một điều thiết-yếu cho lắm. Xét cho kỹ quốc-văn sở-dĩ ít kẻ hay, chỉ vì một cớ, là ít kẻ biết dụng-tâm học-tập.

Ngoài văn làm sách, lại còn văn làm báo. Nhưng báo không phải đã là văn-chương cả, mà chủ-nghĩa lại vốn để nói cho ai nấy đều biết việc xa gần hay giở, lợi hại. Ở Hà-nội báo quốc ngữ thời có *Trung-Bắc tân-văn*, *Nam-phong tạp-chí*, mới đây lại có *Thực nghiệp dân-báo* nữa. Nói rằng nhật-báo giúp cho dân khai-hóa được một phần thời là phải; nhưng nói rằng dân chỉ nhờ đọc báo mà khai-hóa thời có quá. Có kẻ tưởng rằng hậu-vận nước Nam đã ở trong tay các nhà báo, hình như hễ cái tay ấy khoan mở ra, thời đường hậu-vận được phát-đạt, mà cái tay bóp ấy chặt lại, thời hậu-vận phải tan-nát. Nhưng các lời trong báo không phải đã là vàng ngọc cả, mà các nhà xem báo cũng không phải đã mê tin vào báo cả. Phàm việc gì ích người hại mình thời ít kẻ làm, mà làm được thời đáng khen ; việc gì ích mình hại người thời cũng có kẻ làm, mà làm ra thời đáng chê ; việc gì ích người lại ích cả mình thời nên làm, nhưng làm ra thời có kẻ chê được mà cũng có người khen được. Làm báo tức là ích người mà lại ích mình : ích người là vì giúp người đọc báo biết thêm nhiều điều, ích mình là vì mình bán lấy lợi. Cho nên nghề làm báo cũng như nghề khác, cũng là một cách sinh-nhai cả, chỉ khác một điều, là cái cách sinh-nhai này bề ngoài có vẻ cao-thượng.

Bàn về công-nghệ, thời xét ra trong mấy xứ Đông-Pháp, ở Bắc-kỳ phát-đạt nhất. Chẳng nói gì các nghề thợ mộc, thợ rèn, thợ sơn, thợ chạm, vân vân,.. nghề nào cũng có tiến-bộ hơn trước cả ; ngoại-giả nhiều nghề còn thật tinh-xảo, như nghề thêu, nghề cần, nghề làm ghế mây theo kiểu tây, vân vân...., chỉ nói qua một đôi nghề mà nghe, chớ kể hết thời không xiết được. Cho nên người ở xa đều Hà-nội, thời cái quang-cảnh đầu hết tức là chịu rằng đường

kỹ-nghệ mau khai-hóa ; ai có đến coi đấu-xảo hội-chợ mấy năm sau này thời đã rõ. Xét ra đường công-nghệ được chóng thành-hiệu, là vì người Bắc biết chịu khó, biết bắt-chước, biết cái lợi to của các nghề làm thợ, mà chắc cũng có cái tứ mau hiểu, cái tay làm khéo hơn nơi khác nữa.

Về đường thương-mãi của người mình, ở Hà-nội kể ra buôn bán thời nhiều, mà xét lại các nhà buôn bán to thời quá ít. Phàm muốn buôn bán to thời phải nhiều vốn, muốn có nhiều vốn ắt phải nhiều người, vì trong nghìn người chưa có một người gia-tư thật giàu xuất tư-bản mà buôn bán riêng một mình được. Cho nên người mình ít có nhà buôn to, chỉ nghi-ngờ nhau, không tin nhau, ai thích cận-lợi nấy, không chịu hội chung lại mà buôn cho mau được thịnh-vượng. Nhớ lại năm trước có việc « tẩy-chay », dầu từ Nam mà sau lan ra đến Bắc, ở Hà-nội nào là lập nhà buôn mới, nào là mở những đến mười hàng cơm, rải khắp các phố, hàng Đường, hàng Bạc, hàng Đào, cầu Gỗ, hàng Gai, hàng Bông, hàng Quạt, vân vân...., thời ai cũng tưởng nghề buôn bán nước Nam bây giờ đã sắp rung chuông tỉnh giấc. Thế mà không ! cơn giận một thời lần-lần nguội bớt, thời giấc mộng mơ-màng ngày trước nó lại tìm về ; cho nên chỉ trong ba bốn tháng, mà mấy nhà hàng cơm xuất-hiện chưa được bao lâu, đã rủ nhau mà đóng cửa lại. Nhưng xét lại thương-mãi không phải một nghề bán cơm đã là đủ, mà nhiều người làm quá thời phải ế, cũng là một lẽ cố-nhiên. Song trong trận ngủ quá mê, mà đã có tỉnh giấc một lần, thời sau dầu có ngủ lại nữa, cái mê nó chắc có giảm bớt. Cho nên việc «tẩy-chay» cũng không phải là vô-ích. Các hàng cơm thời không kể, hiện nay ở Hà-thành đã có nhiều cửa hàng người mình mở ra buôn bán, tuy là không to lắm, nhưng cũng có bề phát-đạt được. Buôn bán là một nghề rất mau giàu mau thịnh, mà người Bắc lại là người biết hiểu cái lợi to ấy, thời ước rằng chẳng bao lâu các cửa hàng to cũng về tay người mình được. Nay chỉ trông vào một nhà buôn to, là ông Bạch Thái-Bưởi, thời đã hiểu. Cao tài bền chí, chìm nổi nhiều phen, hai tay dựng nên cơ-nghiệp đôi ba sở, Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, tha-hồ trên mặt bể thông-thương. Thật là một điều vẻ-vang cho người đồng - xứ, thật là một cái gương qui-hóa nên soi, nên bắt-chước.

2° — Nhớ cảnh Hà-nội.

Bàn về cảnh thời có cảnh thiên-nhiên, có cảnh tay người bày ra ; cảnh thiên-nhiên có những từ lúc trời đất có ; cảnh tay người bày ra, thời thường mỗi đời hay thay đổi.

Cảnh thiên - nhiên. — Một người chưa tằng đi đến Hà-nội, mà nghe nói Hà-nội thời đã tưởng rằng nhiều non, nhiều nước, nhiều núi nhiều sông. Vẫn có non có nước, núi Nùng, sông Nhị, nhưng núi này sông kia ít khi mà làm cái cảnh chơi cho con người được. Sông núi đã vô-tình, lại còn đôi khi có hại, chỉ nghe những đê vỡ, nhà ngập, người trôi, . . . thời cũng hiểu. Chớ Hà-nội có cảnh đẹp, là vì có cái hồ Hoàn-kiếm ở vào giữa thành-phố, ngày xưa đã có dan-díu với vua Lê Lợi, mà mãi đến ngày nay còn làm một nơi mát-mẻ tĩnh-tịch, để cho người xứ này thường có chỗ dạo bước nghỉ-ngơi. Đi xa ra nữa thời có Tây-hồ : hồ này thời rộng hơn nhiều, thuyền đò đi lại được, nhưng lại không phải ở giữa phố - phường nữa.

Cảnh tay người bày ra. — Những thứ cảnh này thời quá nhiều : nào đường-sá phố - phường, nào lâu-đài nhà-cửa, nào các trường học, nào các nhà máy, nào chùa, nào chợ, nào đình,

nào miễu, nào vườn bách-thú, nào các rạp hát, nào sở cô-đầu, kể ra không xiết được.

Kể các thành-phố Đông-Pháp, thời Hà-nội thật là một nơi đô-hội lớn, đường-sá rộng, phố-phường nhiều, ngày xưa đã có câu « ba-mươi-sáu phố-phường», nên người lạ mới đến một mình có khi đi phải lộn. Nào người, nào ngựa, nào xe tay, xe hơi, xe điện, suốt ngày không có lúc nào là vắng-vẻ. Nhưng bây giờ đã thay-đổi nhiều, nhà cửa đông-đúc, tây nam đủ kiểu, Thăng-long thành cũ, những mấy triều đô-hội đất này, mà ngày nay dấu-tích còn lại, thời chỉ biết rằng có cái tên phố Cửa Bắc, phố Cửa Đông . . . Vật đổi sao dời, người mới cảnh lạ . . . .

Các đền chùa có tiếng nhất ở Hà-nội thời có chùa Ngọc-sơn, chùa Thánh Đồng-Đen, Văn-miếu, vân, vân.

Nhưng chỉ chùa Ngọc-sơn là ở vào giữa hồ Hoàn-kiếm, hình như một hòn đảo nhỏ, có cầu bắc ngang, có cây có đá, có sen nở một mùa, có đèn điện rạng soi cửa Phật, thời quả-phúc tưởng được mấy phần hơn trước. Hồ này bao-bọc lấy chùa kia, lại có đền vua Lê Lợi là một cái bia kỷ-niệm, ghi công lớn người đời trước đã khổ-tâm cứu-dân trong buổi bùn-than: áo vải Lam-sơn, gươm vàng Hoàn-kiếm, non xanh nước biếc, nghìn thu sau để một tiếng thơm. Chùa Thánh Đồng-Đen, ở cạnh Tây-hồ, gần vườn Bách-thú, từ hồ Hoàn-kiếm đi xe điện lên chừng 15 phút đồng-hồ. Chùa này ở xa hay nghe tiếng, là vì có tòa tượng lớn bằng đồng đen; các ngày tiết lễ, nhân-dân đến cúng cũng đông lắm. Ở chùa Thánh Đồng-Đen rẽ vào một đoạn thời đến vườn Bách-thú. Nào là các thứ chim, nào là các thứ muông, nào đường rộng cây, cao, bóng mát, hễ đến chiều chiều thời làm một nơi tụ-hội vui-vẻ cho dân thành-phố. Văn-miếu thời lại ở về phía khác, chính nơi nhà Giám cũ, cũng không xa thành-phố mấy, mà cũng có đường rây xe điện từ hàng Bông đi qua. Bây giờ tuy Hán-học đã bỏ, mà mỗi năm tế lễ còn cứ trọng-thể; ấy cũng là một cách để ghi nhớ các bậc Thánh Hiền đời trước, tuy chưa tầng bước chân sang cõi Việt-thường, mà cái đạo-đức tiềm-nhiễm vào lòng con người ta đã biết là bao!

Các cảnh để khuây buồn cho người những lúc khuya vắng, thời có các rạp hát, có phố cô-đầu. Ở Hà-nội các rạp hát người mình trước mở ra nhiều lắm, nhưng bây giờ có hai nhà thịnh-lợi hơn, là rạp Quảng-lạc, thường hát bội, rạp Sán-nhiên-đài, thường hát chèo. Những người đã xem hát nơi khác rồi sau đến Hà-nội thời biết rằng nghề diễn-kịch ở đất này đã cải-lương nhiều. Cái nghĩa-vụ của nghề ấy đối với xã-hội lợi hại thế nào, các nhà nghị-luận viết đi viết lại đã lắm; nhưng một điều rõ-ràng trước mắt, là một cuộc mua vui để tiêu-khiển con người ta.

Ai đến Hà-nội thời cũng nghe tiếng hàng Giấy, đó chính là sở cô-đầu, mà có nơi lại gọi là nhà-trò. Ở Trung-kỳ về các tỉnh miền bắc cũng có làng nhiều cô-đầu, nhưng sánh lại với cô-đầu ngoài Bắc thời là ít. Nghề hát cô-đầu xem ra thật thịnh-vượng; nhưng cũng vì cái thịnh-vượng ấy mà có lúc sinh ra đôi cảnh suy-bại. Cái hại này nhiều người hiểu mà ít người biết chừa, thời chơi cô-đầu ắt cũng có một cái thú riêng khó tả. Cái thú ấy về ngày trước thời chén rượu câu ca, rung đùi gõ trống, mà về ngày nay thời lại đổi khác. Ấy cho nên cô-đầu chính để hát, mà lại ít người biết hát hay; đi chơi cô-đầu chính để nghe hát, mà lại ít người biết nghe hát hay; như thế thời cái nghề hồng-lâu đáng gọi là suy, mà không nên cho là thịnh.

* * *

Người ấy, cảnh ấy, giang-sơn linh-tú, trải mấy nghìn năm ; đất nước hữu-tình khiến cho người xa khách lạ đến ngụ nơi này, lúc ra về bước đi một bước một dừng. . . .

Tớ vốn tài hèn trí mọn, sinh-trưởng giữa vùng non nước Hồng Lam ; nghiệp nhà thi - lễ, gặp phải phong-trào buổi mới, xem sách lại thấy có hai chữ « tùy-thời », nên phải xoay sang Tây-học trong mấy năm trời, quê người vòi-vọi, trước Bình Hương, sau Nùng Nhị, lòng cố-hương đau-đáu một mình. Nay nhân lúc thanh-vắng, ngồi sực nghĩ đến xứ cũ Thăng-long, sẵn bút nghiên xin chép lại đôi hàng, cũng gọi là một bức thư con, từ người, giã cảnh.

Huế, Février 1921

HÀ HUY-SÂN

VĂN - UYỂN

Đề lăng vua Lê

Lăng vua Lê ở làng Mĩ-đại, là xã sở-tại huyện Hưng-nhân, tương-truyền vua Lê bị Mạc hãm, kiên-thành tử-thủ ở đấy, nhưng xét trong Nam-sử thì không thấy sự-tích ấy.

I

Lam-sơn xa-cách lối đi về,
Nhác thấy di-lăng nhớ họ Lê.
Ba thước giải-giầu rêu đá biếc,
Bốn bề sầm-uất bóng cây che.
Thành rồng trải mấy cơn phong-vũ,
Xe hạc còn in giấu tuyết-nê.
Sông Luộc mây tuôn hồn cố-quốc,
Nghìn thu đường-bệ chốn sơn-khê.

II

Lăng rậm như rừng khắp bốn bề,
Tương-truyền di-tích của vua Lê.
Đất đường cỏ trắng che vừng nấm,
Bia phủ rêu xanh lấp chữ đề.
Cảm Mạc gió lay cây cối động,
Nhớ Lê gươm trỏ nước non thề.
Còn trời còn đất còn lăng-miếu,
Xe hạc còn in dấu tuyết-nê.

Đề mộ nhà Trần

Tương-truyền mộ nhà Trần phát-tích ở xã Thái-đường thuộc về huyện Hưng-nhân, trước tam-thai, sau thất-tinh, cửa đền có hai giếng gọi là Nhật Nguyệt lưỡng-tỉnh ; đủ cả cờ trống cân đai ấn kiếm.

I

Phúc-địa trời riêng đãi phúc-nhân,
Thái-đường phát-tích mộ nhà Trần.
Án tam-thai nọ nền sinh-thánh,
Mạch thất-tinh kia nhạc giáng-thần.
Nào trống nào chiêng nào ấn kiếm,
Có cờ có tán có đai cân.
Đông-a vượng-khí nay còn kết,
Khởi-phục cho hay đất có tuần.

II

Khen ai điềm-huyệt mộ nhà Trần,
Cát-địa trời dành đãi cát-nhân.
Hai giếng cửa đền phân nhật nguyệt,
Ba gò trước mặt hội phong-vân.
Xoay vần chớ bảo trời không mắt,
Kết phát cho hay đất có tuần.
Thần thánh giáng-sinh dòng Tức-mặc,
Trăm mười năm lẻ một nền nhân.

Cảnh chùa Tây-phương

(Họa nguyên-vận của ông Nghĩa-viên)

Chùa dựng bao lâu mãi đến giờ,
Ngắm xem phong cảnh dễ mần ngơ ?
Tượng phai phấn trắng mầu da cũ,
Bia phủ rêu xanh nét chữ mờ.
Tỉnh giấc tang-thương hồi mõ sớm,
Gọi người kim-cổ tiếng chuông trưa.
Tây-phương cực-lạc là đây nhỉ,
Cát-lịnh tu-hành nhớ thủa xưa.

Trứng rồng lại nở ra rồng

(thể luận)

Các loài vật ở trong thế-gian này, có giống nở ra con, có giống nở ra trứng, tuy rằng bẩm-thụ khí-chất của trời đất sinh ra, nhưng mà nòi nào vẫn theo giống ấy, không khi nào lẫn sang giống khác được.

Rồng là một vật thiêng hơn cả trong loài tứ-linh, hay tối, hay sáng, phi-đằng biến-hóa, không biết đâu mà lường, cho nên người ta thường lấy rồng ví với vua. Tôn ngôi vua thì nói rằng « *long phi cửu ngũ* », trông thấy khí vua thì nói rằng : «*long thánh ngũ thái*», đều là lấy nghĩa báu lạ khác thường.

Rồng đã là một vật quí như vậy, cho nên rồng sinh ra trứng, trứng nở ra con : đã ở trong trứng mà ra, thì long-đầu, long-vĩ, long-tu, long-cốt, không một cái gì không phải là giống rồng, con cha cháu ông, giống lông giống cánh, trứng rồng không bao giờ nở ra dòng liu-điu được. Lúc còn là rồng chìm thì hoặc ở nội, hoặc ở vực, ẩn-nép mà đợi thời ; lúc đã làm rồng nổi, thì hoặc làm mây hoặc làm mưa, văn-minh cho thiên-hạ ; đã không phải là khúc rồng khúc rắn, lại không phải là đầu rồng đuôi tôm, con dòng cháu giống, cá chép cũng không có thể hoá ra được.

Kia ngày xưa bà Khánh-Đô cảm tinh con rồng mà sinh ra ông Đường-Nghiêu, bà Bạc-hậu mộng giao với rồng mà sinh ra ông Văn-đế, tuy rằng sự khác thường, mà thực là lẽ cảm-ứng như vậy.

Nước Nam ta vua Lạc-Long cũng là giống rồng, mà vua Hùng-vương ở trong trứng rồng nở ra, cha truyền con nối, mười-tám đời nối-dõi ngôi rồng, sau khi ấy ông Đinh Tiên-Hoàng rồng hiện trong lấy, ông Lê Đại-Hành rồng phủ trên cối, ông Trần Thái-Tôn đi như giáng rồng, ông Lê Thái Tổ mặt như mặt rồng, ông cha gây dựng đã lâu, con cháu sinh sản cũng thịnh, hơn hai-mươi triệu đồng-bào đều là dòng-dõi giống rồng cả.

Than ôi ! cha rồng mẹ tiên, cùng một khí-huyết, ta phải nâng nhau như nâng trứng, thân yêu nhau như anh em một nhà, không nên cồng rắn cắn gà nhà, cũng không nên rước voi về dày mồ. Đã biết giữ giống như vậy, nữa rồi ra gặp hội rồng mây, có vây có cánh, ta cũng nói ra rồng, khôn như rồng, vùng-vẫy trong năm châu, có lẽ nào rồng vàng lại chịu tắm nước ao tù ?

Bài phú huyện Hưng-nhân

Hạn 4 vần — Thái-bình cảnh-sắc

Thái. — Bên tả Nhị-hà, phía trên Bồ-hải, có huyện Hưng-nhân, thuộc về tỉnh Thái. Trước cai trị theo về Hưng-yên, mới phân-sáp từ năm Thành-Thái. Nam Lý-nhân tây Tiên-hỉ, đối ngạn hai bên ; đông Thư-trì, bắc Diên-hà, tiếp liền một dải. Kể từ lúc Hoàng-Lê khai-sáng, tên cũ vốn gọi Ngự-thiên ; sau đến năm giáp-ngọ phân ra, huyện mới đem về Mỹ-đại. Phong-cảnh đẹp như tranh vẽ, bốn mặt bình-dương, địa-hình trông giống quả tim, ba kỳ giáp-giới.

Bình — Người nhiều đất rộng, nước biếc non xanh. Gần sông gần chợ, có thủy có thành. Hai giẫy phố cửa nhà san-sát ; một con đường đi lại thênh-thênh. Bộ-hành thẳng Diên-hà Tiên-hưng, xe đi một mạch ; tàu thủy đáp Hải-phòng Hà-nội, cỏi rúc thâu canh. Điền-thổ hai vạn mẫu linh, cấy hai vụ qua thu sang hạ ; đê-bối ba-mươi nghìn thước, vòng ba mặt từ bản đến kênh. Thái-sư chảy suốt một dòng, gió đưa thuyền cá ; cửa Luộc chia ra ba ngả, sông lặng sóng kênh. Tính số đinh một vạn hơn hai nghìn người, cầy cấy chuyên-cần thực-nghiệp ;

khắp trong hạt bảy tổng tám-mươi-ba xã, làm-ăn vui-vẻ thái-bình.

Cảnh.— Một cõi danh-khu, nghìn thu thắng-cảnh. Danh-lam nức tiếng mọi nơi; cổ-tích nhiều hơn các tỉnh. Mộ Thái sư ở làng Chi-cấp, danh-thắng lạ-lùng; đền Trạng-nguyên về xã Hải-triều phụng-thờ tôn-kính. Thái-đường huyệt kết mộ nhà Trần thai trước tinh sau; Mỹ đại rừng xanh, lăng vua Lê mây hòa cỏ tinh. Chức quận-công sáu bảy ông phong-tước, sự-tích vẫn còn; bia tiến-sĩ mười-tám người đăng-khoa, văn-vật cũng thịnh. Lý tàng bát-tướng, Cao-vương có kiểu lưu-truyền; địa xuất anh-hùng, Hồng-đức còn thơ đề-vịnh.

Sắc.— Huống-chi vật-sản cũng nhiều; công-nghệ rất mực. Nghề võng Cầu-Lê; thợ mộc Mỹ-giặc. Đay Thánh-triều, mía Hà-lão, đất trồng đủ thứ hoa mầu; lụa Phương-la, chiếu Hải-triều, hàng bán khắp miền nam bắc. Nếu biết thông-biến theo thời, kinh-doanh hết sức; học-hành mở rộng trí khôn; luân-lý gìn-giữ đạo-đức. Cờ bạc kiện cáo, bỏ thói điêu-ngoa, thương-mại canh-nông, chuyên nghề sinh-thực. Sẽ có ngày tấn-tới văn-minh, mở mang trí-thức. Người đông của đủ, tô thành cẩm-tú giang sơn; thói tốt dân thuần, riêng chiếm thái-hoà cảnh-sắc.

Ngạc-đình PHẠM QUANG-SÁN

Thơ lưu-giản hồi ở Nghệ-an vào Quảng-bình

Trí thiền tài sơ có cậy chi,
Cửu-trùng rộng mở bước đường đi.
Mâu-sơn cảnh đẹp riêng giành đó,
Nam-thủy ngày xuân lại có khi.
Lai-láng tấc lòng người phụng-hịch,
Bâng-khuâng hai chén khách phân-y.
Đã hay trí-trạch nào đâu dám,
Dư-luận còn nhờ chỗ Tứ-tri.

VƯƠNG TỨ-ĐẠI
Bố-chánh Quảng-bình.

Văn-tế

(*Mẹ được truy-tặng*)

Cao-giầy đức mẹ, bao thu còn chất nặng nghìn non;
Đằm-thắm ơn Vua, nhất-mạnh cũng vang-lừng chín suối.
Nhớ Mẹ xưa:
Hiền-hòa sẵn nết, thi Giản-nam như vẽ bức truyền-thần;
Hòe-quế đua tươi, chốn Đường-bắc vẫn xum-vầy dưới gối.
Những tưởng đất còn dài, trời còn rộng, trong gia-đình ngày lại thêm xuân;
Nào ngờ cây muốn lặng, gió chẳng đừng, cuộc dâu-bể bỗng đà khuất núi.
Cảm công nặng cao sâu trời-bể, sự đền ơn mong được mảy-may;
Dẫu sau này nghìn vạn đỉnh-chung, lòng báo-đáp càng thêm hân-hủi.
Nay Mẹ đã ngũ-phẩm tặng-truy, Chín-Lần mưa gội.
Cha được phong, Mẹ được tặng, trên Bệ-Rồng đã thấu đến phận tôi-con;
Thác như sống, mất như còn, chốn Minh-phủ cũng hả lòng khi sớm-tối.
Gặp lúc vui mừng thêm tưởng nhớ, đường hiển-vinh xưa ý Mẹ vẫn ước-ao;
Từ đây Linh-sảng cũng sáng soi, niềm báo-bổ hả gia con bằng mong-mỏi.
Con nay: vâng mệnh Tuyên-Phong, Phần-hoàng theo lối.
Ba tuần rượu nhạt, chút niềm tây mong thấu đến trùng-tuyền;
Một Sắc Giấy-Vàng mùi hương khói cũng thơm lây bốn cõi.

Làm ở Nam-định, ngày 20 tháng tư tây năm 1920.

Nhân-sơn Trí-hi BÙI VĂN-QUÝ.

DỊCH PHÁP-VĂN

Une belle nuit dans le désert du Nouveau-Monde

Un soir, je m'étais égaré dans une forêt à quelque distance de la cataracte de Niagara ; bientôt je vis le jour s'éteindre autour de moi, et je goûtais dans toute sa solitude le beau spectacle d'une nuit dans le désert du Nouveau-Monde.

Une heure après le coucher du soleil, la lune se montra au-dessus des arbres à l'horizon opposé. Une brise embaumée que cette reine des nuits emmenait de l'Orient avec elle, semblait la précéder dans les forêts comme sa fraiche haleine.

L'astre solitaire monta peu à peu dans le ciel ; tantôt il suivait paisiblement sa course azurée ; tantôt il reposait sur des groupes des nues qui ressemblaient à la cime des hautes montagnes couronnées de neige.

Ces nues ployant et déployant leur voile se déroulaient en zônes diaphanes de satin blanc, se dispersaient en légers flocons d'écume, ou formaient dans les cieux des bancs d'une ouâte éblouissante si doux à l'œil qu'on croyait ressentir leur mollesse et leur élasticité.

La scène sur la terre n'est pas moins ravissante ; le jour bleuâtre et volouté de la lune descendait dans les intervalles des arbres et poussait des gerbes de lumière jusque dans l'épaisseur des plus profondes ténèbres. La rivière qui coulait à mes pieds, tour à tour se perdait dans le bois, tour à tour reparaissait brillante des constellations de la nuit qu'elle répétait dans son sein.

Dans une savane de l'autre côté de la

Đêm vắng ở khoáng-giã bên Tân-thế-giới

Vừng hồng gác núi chênh-chênh,
Hài văn lạc bước kề gành Nặc-la.
Bóng tịch-dương dần-dà im mát,
Cảnh thiên-nhiên phảng-phất quanh [người.
Trông ra khoảng vắng mù khơi,
Mỹ-châu riêng chiếm bầu trời phong- [quang.

Non đoài đã ác vàng vội gác,
Trời đông xem thỏ bạc lần ra.
Gương trời trang-điểm bóng Nga,
Sáng lòe ngấn nước, lập-loà ngọn cây.
Bỗng đâu gặp đêm này im mát,
Hương thoảng đưa bát-ngát mùi bông.
Gió mát với bóng trăng trong,
Đưa nhau lần bước giữa vùng rừng [xanh.

Kìa chị Nguyệt thênh-thênh nhẹ bước,
Giữa thanh-khung mườn-mượt mầu [da.
Non mây khi nghỉ gót hoa,
Chòm mây tuyết điểm như là non cao.

Màng mây trắng lao-xao khép mở,
Chói hào-quang lại ngỡ bức là.
Khi như bọt nước mới sa,
Khi xem nào khác chòm hoa giữa trời.
Như sờ thấy dẻo-dai mềm-mại,
Nét thu-ba ngắm mãi càng xinh.

Đêm trăng lần một mầu xanh,
Trên mây dưới đất có hình khác chi.
Đọi bóng thỏ xanh rì ngàn liễu,
Vẻ ngân-hà sáng chiếu hang sâu.
Quanh chân dòng bích nao-nao,
Lồng trăng đáy nước in sao mặt gành.
Khúc sông chảy quanh-quanh sườn [núi,
Khi hiện hình khuyất lại bỗng [nhưng.
Cảnh đồng phẳng lặng bên sông,

rivière, la clarté de la lune dormait sans mouvement sur les gazons. Les bouleaux agités par les brises, et dispersés çà et là formaient des îles d'ombres flottantes sur cette mer immobile de lumière. Auprès tout aurait été silence et au repos sans la chute de quelques feuilles, le passage d'un vent subit, le gémissement de la hulotte ; au loin on entendait des sourds mugissements de la cataracte de Niagara qui, dans le calme de la nuit se prolongeaient de désert en désert et expiraient à travers les forêts solitaires.

La grandeur, l'étonnante mélancolie de ce tableau ne sauraient s'exprimer dans les langues humaines. Les plus belles nuits en Europe ne peuvent en donner une idée. En vain, dans nos champs cultivés, l'imagination cherche à s'étendre, elle rencontre de toute part des habitations des hommes. Mais dans ces régions sauvages, l'âme se plaît à s'enfoncer dans un océan de forêt, à planer sur le gouffre des cataractes, à méditer au bord des lacs et des fleuves, et pour ainsi dire à se trouver seul devant Dieu.

CHATEAUBRIAND.

Lâu-lâu ngọn cỏ mấy trùng đìu-hiu.
Cây réo-rắt gió hiu-hiu thoảng,
Bể hào-quang cồn bóng nhấp nhô.
Đêm thanh lặng-lẽ như tờ,
Gương Nga vằng-vặc thập-thò trên mây.
Hoa e gió cánh bay rải-rác,
Chim chào trăng tiếng hót ri-rào.
Tai nghe thác chảy lao-xao,
Âm-thầm mặt đất ồn-ào trên mây.
Nơi khoáng-giã tiếng bay khắp núi,
Nghe vang lừng dọng suối Nặc-la.
Gió đưa tiếng sóng xa-xa,
Rừng xanh thăm-thẳm dần - dà khắp [nơi.

Cảnh tịch-mịch khiến người buồn-bã,
Dễ đem văn mà tả nên lời.
Âu-châu quang-cảnh dẫu tươi,
Khác chi một nước một trời kém xa.
Miền thôn-giã xứ ta rộng-rãi,
Cảnh khoáng-trương quảng-đại mặc [dầu,
Bao-hàm đến tận đâu-đâu,
Cũng trong đài-các đều lầu nhân-gian.
Mà đây chốn thâm-san cùng-cốc,
Mảnh linh-hồn lại được thảnh-thơi.
Vẫy-vùng mặt nước chân trời,
Khoan-nhàn giạo khắp tuyệt-vời rừng [xanh.
Khi dòng thác đầu gành lơ - lửng,
Lúc giang-hồ lững-thững xem trông,
Một mình đối với Hoá-công !

Học-trò năm thứ ba trường Quốc-tử-giám (Huế) dịch

THỜI-ĐÀM

Quan Toàn-quyền đi kinh-lược các tỉnh Bắc-kỳ. Quan Toàn-quyền Long đại-nhân vừa ở Pháp sang, không từ khó-nhọc, trong suốt tháng năm tây vừa rồi, cùng với phu-nhân, quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT, quan Chánh văn-phòng CHATEL, quan hai hầu DELORME, đi kinh-lược các tỉnh trên Thượng-du Bắc-kỳ rồi đến các tỉnh dưới Trung-châu. Việc ngài đi kinh-lược này, đáng có thám-ý lắm vậy.

Một quan Toàn-quyền, một ngày muôn việc, quyền ra ngàn dặm, trong tay thống-nhiếp cả thổ-địa, nhân-dân, chính-sự, đã đành rằng có các quan phân-trị, có các tờ thông-báo, nhưng quyền thì cao, trách càng trọng, mà ở trong cái thời-đại này, công-việc bôi-bời, hiện-tình

thường đổi, không có thể rủ áo khoanh tay, ngồi cao thăm-thẳm mà thi-hành chính-sách được. Vả chăng, có xét sơn-xuyên hình-thế, có rõ phong-tục dân-tình, có trông thấy những công-cuộc thi-hành còn sót, thời mới có thể nhân điều lịch-lãm mà thi ra chính-sách cử-an được. Đáng cũng vì cái lý-do ấy mà cổ-giả Thiên-tử phải năm năm đi tuần-thú một lần, và ngày nay hiệt-cường thường sai thế-tử hay các quan đi ngoại-du các nước.

Nay quan Toàn-quyền ta đi kinh-lược các tỉnh thực là đích-đáng lắm vậy.

Bắt đầu, ngài đi lên Lạng-sơn Cao-bằng là hai nơi giáp-giới với Trung-hoa. Ngài đi thăm động Kỳ-lừa, ngài nghe giọng hát Thổ, ngài thấy dân-tình yên-ổn, chăm-chỉ làm-ăn, thì ngài an-ủi mừng cho dân bản-hạt tăng-tiến hơn xưa, một dạ trung-thành, mà không tiêm-nhiễm cái phong-trào phiến-động ở lân-bang. Khi ngài đi thăm tỉnh Nam-định là một chỗ thị-trường to thứ ba ở xứ Bắc-kỳ, ngài đi xem thành-phố, xem các xưởng kỹ-nghệ, nhà nấu rượu, dệt bông, cùng trại lính với nhà thương; ngài có hứa rằng ngài sẽ trù-tính việc dựng đèn điện, lập máy nước là hai điều khuyết-điểm rất to của tỉnh Nam. Rồi ngài đi thăm tỉnh Bắc-ninh, đến xem xưởng làm giấy ở Đáp-cầu, và nhà thương ở Thị-cầu.

Nói tóm lại là ngài đi đến địa-hạt nào, ngài cũng chú-ý xem-xét về việc y-tế, việc kinh-tế là hai vấn-đề ngài gia-tâm nhất; và khi ngài đến tỉnh nào, dân-tình ở đấy rất hoan-nghênh, từ quí-quan, nam-quan, cho đến các viên đồn-điền, các người bảo-mục... đều có vẻ nghênh-tiếp ân-cần, khác nào như được một vị Phúc-tinh lai-lâm tư-thổ vậy. Có lẽ sau khi ngài đi kinh-lược xong, các hạt sẽ được mông ơn mưa-móc.

Ước-ao rằng nhân dịp này, các đại-biểu ta ở các nơi nên lịch-trần những điều khuyết-điểm của bản-hạt, để sau này ngài trù-tính cho các phương-diện đều được hoàn-toàn an-thoả.

.˙.

Lễ Nam-triều nghênh-tiếp quan Khâm-sứ Pasquier. — Quan Khâm-sứ Pasquier mới vào nhận trọng-chức ở Huế, Hoàng-thượng tuy ngọc-thể vi-hoà mà cũng, gượng làm lễ tiếp ngay quan Khâm-sứ mới.

Theo nghi-lễ đã định, ngày 17 tháng 5 tây quan Khâm-sứ vào bệ-kiến vào khoảng 4 giờ rưỡi chiều. Hoàng-thượng tiếp ngài ở điện Cần-chánh, tỏ lòng ân-cần thân-thiết lắm. Muốn nối lại cái lễ cũ đã lâu nay không thi hành, Hoàng-thượng mời quan Khâm đi vào cửa giữa Đại Cung-môn, tặng ngài một chiếc Kim-bài và một chiếc Kim-khánh đặc-hạng.

Trong khi tiếp truyền, Hoàng-thượng hai ba lần ân-cần nhờ quan Khâm chuyển lời kính mến của Ngài cho hai quan Toàn-quyền Long và Thuộc-địa-bộ Thượng-thư Albert-Sarraut.

Ngay chiều hôm ấy thời Hoàng-thượng sang thăm lại quan Khâm-sứ, cũng theo nghi-lễ như thường. Ngài tiếp cả các quí-quan đầu các tòa, với ai cũng tỏ tình ân-cần lắm, các quí-quan đều lấy làm cảm-phục.

Sau khi Hoàng-thượng sang thăm quan Khâm thời quan Khâm cho đệ vào trong Nội một cái xeô-tô kiểu *limousine* của quan Toàn-quyền Long đã thửa từ bên Đại-Pháp để kính-tặng Hoàng-thượng. Xe ấy đệm sắc vàng, các máy chạy bằng điện cả, trong xe lại có đặt một bộ đồ «hoá-trang» (*objets de toilette*) rất xinh đẹp; Hoàng-thượng ngự xem, lấy làm đẹp lòng lắm, bèn nhờ quan Khâm chuyển lời cảm ơn quan Toàn-quyền đã có bụng yêu tặng Ngài một bộ xe quí-hoá như thế.

Ngày 18 tháng 5, quan Khâm cùng với quí-phu-nhân vào yết-kiến Lưỡng-cung, đem tặng Lưỡng-cung những vòng xuyến bằng vàng và bằng kim-cương, lại biếu Thái-tử một cái đồng-hồ đeo tay. Hoàng-thượng nhân mấy bữa trước phải bệnh «ghíp», ngọc-thể chưa an, vẫn còn hơi lưng-vưng, vậy mà bữa ấy cũng gượng ra để cùng Lưỡng-cung tiếp quan Khâm và quí-phu-nhân.

Chiều hôm ấy thời quan Khâm vào thăm viện Cơ-mật để đáp lễ các quan Đại-thần đã đến chào ngài.

Quan Khâm mới được yết-kiến Hoàng-thượng và tiếp mặt các quan Đại-thần lần đầu, lấy làm vui-vẻ và có cái cảm-giác tốt lắm.

Khi quan Khâm vào bệ-kiến thời ngài có đọc bài chúc-từ như sau này:

« Tâu Hoàng-Thượng,

« Bản-chức đến đây để dâng lời kính-chúc Hoàng-thượng, kính-chúc Hoàng-tộc, và mừng dân Nam-Việt, không những là làm một việc theo nghi-lễ mà thôi, thực là tỏ tấm lòng luyến-ái vô-cùng. Bản-chức thiết nghĩ rằng nước Đại-Pháp đã đến cắm cờ ba-sắc ở đâu, thời cũng là đem cái lòng nhân-từ, cái lẽ công-chính đến đấy ; lòng nhân-từ ấy, lẽ công-chính lấy, ngày nay nhân sự chiến-thắng hoàn-toàn, lại càng rõ-rệt hơn nữa.

« Bản-chức vẫn biết rằng Hoàng-thượng vẫn có lòng quảng-đại. Lòng quảng-đại ấy là Hoàng-thượng chịu được tự đứng Tiên-Đế ngày xưa, đứng Tiên-Đế vừa là một bậc vua tốt cho dân, vừa là một người bạn thành với nước Đại-Pháp; nên Hoàng-thượng cũng biết rằng lấy tinh bằng-hữu mà đối với nước Đại-Pháp, tức là mưu sự hạnh-phúc cho cả dân Việt-Nam vậy. Ngài cũng nghĩ như đứng Tiên-Đế ngày xưa rằng nước Việt-Nam là một cổ-quốc ở cõi Á-đông này, được nhờ nước Đại-Pháp là một cường-quốc ở Thái-Tây bảo-hộ, lấy cái tinh-thần của Đại-Pháp mà cải-hóa cái quốc-túy của Đại-Nam, thời tiền-đồ nước Nam sẽ mỗi ngày một mở-mang to rộng, vì đã có một cường-quốc bênh-vực cho thời không sợ gì những cường-bang ngoại-địch khuy-tứ như các nước khác.

« Nước Bảo-hộ đã nhận lấy cái trách-nhiệm phòng-bị những sự ngoại-hoạn, thời Hoàng-Thượng được thong-dong mà cùng với các quan đại-thần là những bậc lão-luyện mưu các việc ích-quốc lợi-dân, là cái thiện-chức của các bậc đế-vương đời xưa đới nay vậy. Như vậy thời sau này, trong lịch-sử nước Nam, Hoàng-Thượng sẽ để lại cái tiếng thơm là một bậc minh-quân anh-chúa vậy. Trong khi Ngài thi-hành cái thiên-chức ấy, bản-chức đây là người đại-biểu của Chánh-phủ Bảo-hộ xin đem hết tài-lực, hết lòng kính-mến để giúp Ngài.

« Tâu Hoàng-Thượng, nhân dịp này quan Toàn-quyền đại-thần có nhờ tôi chuyền dâng lời ngài kính-chúc Hoàng-Thượng và mừng dân Việt-Nam. Lại quan Thuộc-địa Thượng-Thư cũng vẫn giữ một lòng tưởng-nhớ và kính-mến Hoàng-Thượng, bản-chức xin thay mặt Ngài kính-trình Hoàng-Thượng hay.»

Quan Khâm đọc xong, Hoàng-Thượng đáp lại như sau này :

« Kính quan qui-Khâm-sứ,

« Những lời Ngài vừa đọc đó, quả-nhân làm cảm-động lắm, vì đó vừa là lời một q Khâm-sứ của Chánh-phủ Bảo-hộ mới cử thay mặt Đại-Pháp ở Nam-triều, lại vừ lời một người bạn quả-nhân đã từng quen mà nay lại được gặp lấy làm vui mừng lắm

« Ngài vừa tỏ cái nhã-tình mà kể đến cô đức Đứng Hoàng-Khảo của quả-nhân, quả-n không bao giờ quên công-đức ấy, chỉ một l muốn noi theo, vì quả-nhân biết rằng qui-q bảo-hộ cho tệ-quốc là một sự hay, nên từ quả-nhân lên ngôi đến giờ, đối với các qui-q thay mặt Đại-Pháp ở Đông-Pháp này, th chung vẫn một lòng thành-tín. Quả-nhân c trong bụng rằng tệ-quốc được nhờ qui-q bênh-vực đưa-giắt cho, thời có thể yên-ổn vữ vàng mà bước lên đường văn-minh tiến-

« Chánh-phủ Đại-Pháp cử ngài nhận trọ chức Khâm-sứ ở kinh-đô này, thật là kén c đích-đáng, trên tự Hoàng-tộc, dưới đến th dân của quả-nhân được tin ấy, đều lấy vui mừng lắm. Vì ngài trước đã từng làm q ở đất Trung-kỳ này, ngài lại là người rất biểu những chế-độ, phong-tục, nhân-vật tệ-quốc, thời đó là cái chứng-cớ rằng ngà đây chắc cũng sẽ theo một cái chính-sách nh từ công-chính vậy.

« Quả-nhân xin nhân dịp này nhờ chuyền lời của quả-nhân cảm ơn hai q Toàn-quyền đại-thần và Thuộc-địa Thượng- đã cử ngài về đây.

« Quả-nhân nâng cốc rượu trước là c quan Thuộc-địa Thượng-thư ALBERT SARR và quan Toàn-quyền LONG đại-nhân, sau mừng Ngài cùng qui-quyến. »

. . .

Cuộc điều-tra dân-số ở Nam-k

— Phủ Toàn-quyền vừa mới gửi cho B chỉ một cái biểu kê dân-số mới điều-tra x tại Nam-kỳ ngày 15 tháng hai, như này.

Cứ xét cái sổ kê ấy thì dân-số trong N kỳ hiện nay cộng được 3. 915. 613 người, năm 1901 thì chỉ có 2. 968. 529 người, vậ

trong 100 phần tăng lên được những 27 phần 8 (27, 8o/o).

Dân ở ngoài đến trú-ngụ không có mấy, vậy cái số tăng thêm ấy phần nhiều là do số sinh-sản ở trong nước nhiều lên. Khi nào mà việc y-tế với phép vệ-sinh mở-mang thêm ra, con trẻ nuôi - nấng phải phép, không hay sài-đẹn chết-tróc nhiều như bây giờ thì số dân còn tăng thêm nhiều nữa.

Xứ Nam-kỳ thiếu nhiều nhân-công, cho nên một phần ruộng còn bỏ hoang, vậy thì chắc rằng dân-số sau này còn tăng thêm nhiều.

Dân-số năm nay tăng thêm như thế nhất là ở các tỉnh miền Tây, như tỉnh Cần-thơ, Châu-đốc, Hà-tiên và hai tỉnh Bạc-liêu, Rạch-giá, dân-số tăng quá bội-phần.

Thế mà lạ rằng ở những tỉnh trung-ương là những nơi giầu nhất, đông người nhất như tỉnh Tân-an, Mỹ-tho, Gò-công, Vĩnh-long, thì dân-số vẫn y như cũ.

Cái kết-quả đó là bởi các nhà làm ruộng những tỉnh trung-ương không có đất làm, phải vào khai-khẩn các miền mới có sông đào lạch khơi như ở Quan-lộ, Canh-đen, Sông Trèm là những nơi xưa nay vẫn bỏ hoang, không cầy cấy gì được.

Lại có một điều nên để ý vào là dân-số hai thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn cũng tăng thêm mau lắm. Hai thành-phố ấy trong năm 1901 Sài-gòn được 47. 577 người, và Chợ-lớn được 63. 237 mà nay tăng đến 83. 135 người và 93. 949 người, thế nghĩa là ở Sài-gòn 100 phần tăng lên 75 phần (75o/o), và Chợ-lớn 100 phần tăng lên 48 phần (48o/o). So với cái số trung-bình ở các tỉnh thì hơn nhiều lắm.

Nói tóm lại, thời tuy rằng cuộc chiến-tranh trong 5 năm trời có thiệt-hại đến việc thực-dân người Pháp và việc mở-mang cuộc y-tế ở Nam-kỳ thật, mà dân-số vẫn tăng-tiến rất nhiều, thì thật cũng đáng mừng lắm vậy

So-sánh dân - số Nam-Kỳ trong năm 1901 với năm 1921

Tên tỉnh	Số điều-tra trong năm 1901	Số điều-tra trong năm 1921	Số tăng lên	Dân-số năm 1901 mỗi trăm tăng lên được mấy phần
Bạc-liêu	87.877	179.305	91.428	104·l.
Bà rịa	54.902	60.098	5.196	9.5·l.
Bến-tre	216.816	261.403	44.587	20·l.
Biên-hòa	105.749	129.114	23.365	22·ỵ.
Cần-thơ	226.978	317.639	90.661	40·ỵ.
Châu-đốc	145.399	202.723	57.324	39.5·l.
Chợ-lớn	184.151	205.657	21.506	11.6·ỵ.
Gia-định	217.351	276.241	58.890	27.1·ỵ.
Gò-công	93.825	96.124	2.299	2.5·ỵ.
Hà-tiên	13.873	18.728	4.855	31.5·ỵ.
Long-xuyên	151.001	194.388	43.387	28.7·ỵ.
Mỹ-tho	312.324	326.561	14.237	4.5·ỵ.
Rạch-giá	102.389	233.987	131.595	12.8·ỵ.
Sa-đéc	182.924	203.588	20.664	11.3·ỵ.
Sóc-trang	155.116	195.288	40.172	26·ỵ.
Tân-an	92.815	104.553	11.738	12.6·ỵ.
Tây-ninh	66.533	92.144	25.611	38.5.ỵ.
Thủ-dầu một	105.774	125.578	19.804	18.7·ỵ.
Trà-vinh	185.164	227.108	41.944	22·ỵ.
Vĩnh-long	156.195	165.884	9.689	6.2·ỵ.
Sài-gòn (Thành-phố)	47.577	83.135	35.558	75·ỵ.
Chợ-lớn (Thành-phố)	63.237	93.949	30.712	48.6·ỵ.
Côn-lôn (Poulo-Condore)	559	2.418	1.859	
	2.968.529	3 795.613	827.084	27.8·ỵ.

Nã-phá-luân Hoàng - đế Bách - niên kỷ-niệm hội ngày 5 Mai 1921.

— Hội Kỷ-niệm này ở bên Pháp là do một hội-đồng có quan thống-soái Foch làm chủ lập ra, để ghi nhớ công-đức lớn-lao của một vị đại-hoàng-đế đã ra tay gây-dựng cơ-đồ quang-đại cho nước Pháp; mà ở bên Bông-Pháp thì là do một hội Ái-hữu của người Corse ở Nam-kỳ và ở Cao-miên lập ra, để tỏ tấm lòng kính nhớ một người đồng-quận đã làm vẻ vang cho nước Pháp, tức là làm vẻ-vang cho xứ Corse chỉ là một tiểu-đảo của nước Pháp trong Địa-trung-hải. Còn ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ ta thời không thấy cử-hành lễ kỷ-niệm này.

Đức Hoàng-đế Nã-phá-luân là một vị anh-hùng cái-thế, trong khoảng trăm năm nay những văn-nhân thi-sĩ ca-tụng công-nghiệp biết bao nhiêu. Cho đến những địch-quốc cừu-lân cũng tán-dương tài-trí, thế là cả thế-giới hồ khắp nhờ công-nghiệp của một vị hoàng-đế nước Pháp vậy. Huống-chi ta với nước Pháp tình liên-lạc bấy lâu khăng-khít, có lẽ đâu lại không biết người làm to lớn cho nước Pháp ấy là ai. Ba chữ « Nã-phá-luân » cùng với những danh-hiệu của các bậc đại-anh-hùng như Hoa-thịnh-đốn châu Mĩ, như Bỉ-đắc-lợi nước Nga, người Nam ta không mấy người là không biết. Biết danh-hiệu ngài mà không được dự lễ kỷ-niệm ngài, chỉ bằng ta ghi chép cái thân-thế, cái công-nghiệp của ngài lên trên tờ giấy, gọi là có chút lòng kính nhớ người xưa.

Đức Nã phá - luân là con thứ một ông trạng-sư, sinh năm 1769 ở thành Ajaccio đảo Corse. Thoạt tiên ngài học Binh-pháp ở trường Brienne, sau lên trường Cao-đẳng ở Paris, xuất-thân ra làm quan hai Pháo-thủ. Hồi Cách-mệnh ngài được đại-phong làm Tư-lệnh đội-trưởng ở đội pháo-thủ trong trận thành Toulouse; đến trận sang đánh Ý-đại-lợi năm 1794, thì ngài làm tướng. Binh-pháp thần-diệu thay, bấy trận được luôn. Hoàng-đế Áo phải kỳ tờ dự-ước, ấy tiếng-lừng ngài lừng-lẫy từ đấy. Trở về Paris, ngài thấy toà Chấp-chính Nội-các (*Directoire*) không có đặc-sắc, ngài đã sẵn có lòng đại-vọng rồi. Trong quyển ký-sự của ngài có nói: « Muốn cho ta lên ngôi hoàng đế, thì phải rằng khi ta đi vắng toà Nội-các phải bối-rối, mà khi ta trở về thì ta thắng-trận. » Vì thế khi ngài sang đánh Ai-cập ngài bỏ ngài về, tự-xưng làm Đệ-nhất-Tổng thống, đến sau trận đánh Y-đại-lợi lần thứ hai, ngài xưng làm Chung-thân Tổng-thống. Ngài dựng ra dân-pháp, phép tài-chính mới, nhà Băng cùng trường Cao-đẳng. Đến ngày 18 tháng 5 năm 1804 ngài lên ngôi Hoàng-đế.

Sau 15 năm trận-mạc, nào là nội-loạn, nào là lo ngoại-tặc, đến khi ngài lên quyền thống-nhất mà nước Pháp vẫn chưa được cử-an. Các nước châu Âu họp nhau lại để xâm-lấn nước Pháp; lấy ít mà địch lại nhiều, thế-lực nước Pháp bấy giờ thực rất nguy thay. Thế mà, vừa làm vua, vừa làm tướng, ngài lập thế tỏa-công, đánh lần từng nước, Anh, Nga, Áo, Phổ đều phải qui-hàng; Hoà-ước dẫu lập, nhưng cái lòng khuy-tứ của đồng-minh chưa dứt, nên ngài dẫu không muốn cùng-binh độc-vũ cũng không sao được. Tài kiệt binh hao, muốn cứu lấy sinh-mệnh cho quốc-dân, ngài phải xin nhượng-vị, tránh ra ở đảo Elbe. Vài tháng sau, đến hôm 26 tháng 2 năm 1815, ngài nghe tin trong nước, dân-tình còn mến-phục ngài nên ngài lại trở về. Nhưng các nước lại hợp nhau lại, đánh được trận Waterloo, lấn vào kinh-thành nước Pháp. Trước kia là anh-hùng tạo thời-thế, mà nay thực là thời-thế hạ anh-hùng, lần này ngài phải Đồng-minh đầy ra ở đảo Sainte-Hélène, đến hôm mồng 5 tháng 5 năm 1821 thì ngài băng-hà.

Ôi! lấy là một người thường-dân ở một tiểu-đảo, gặp buổi loạn-ly, cái nhà to nước Pháp, cơ-hồ gần đổ, mà một tay nâng-đỡ, cản ngọn sóng to, giữ vững nền nhà; rồi mà tung-hoành chí-khí, đem binh dẹp khắp châu Âu, những muốn để cho nước Pháp đứng vào một địa-vị rất vẻ-vang trong thế-giới. Chẳng may chí bất-toại, công bất thành, trải bao phen hao-binh tổn-tướng đến cái kết-cục là chung-mệnh ở một tiểu đảo xa nơi đất tổ, là đất ngài đã gây-dựng vẻ-vang. Tuy-nhiên, ngài lại là một nhà chính-trị có đặc-tài, nào việc tài-chính, nào việc pháp-luật nào, việc tôn-giáo, nào việc xã-hội, ngài đều sửa-sang lại cả. Văn-vũ kiêm-toàn, cổ-lai ít có vậy.

Năm 1821 là năm ngài một - mệnh, kể đến năm nay 1921 vừa đúng chẵn một trăm năm, thế thời hội Kỷ-niệm này đặt tên là « Bách niên

kỷ-niệm » là thủ-nghĩa ở đấy vậy.

Than ôi! thời-thế xui nên, anh-hùng khó trở, sơn-hà biến-sắc, công ấy về ai. Trên trăm năm đã vậy, dưới trăm năm này hồ-dễ có ai! Ta trông quang-cảnh nước Pháp ngày nay, mà sực phải nhớ đến người xưa tạo nên quang-cảnh ấy.

B.X

. . .

Ngày quốc-hội kỷ-niệm bà Trinh-Đức (Jeanne d'Arc): 8 Mai 1921. — Ta hồi-tưởng lại ngày kỷ-niệm bà Trinh-Đức hôm mồng 8 tháng năm tây vừa rồi, xem những cuộc vào hội như là kéo cờ, thắp đèn, điểm binh, rước đèn, hùng-dũng oai-vệ chừng nào, thì ta lại nhớ những cuộc vào hội rước đám, của ta, nào cờ nào trống, tiếng *tùng* tiếng *bi*, tiếp theo mấy anh phường chèo mang hia đội mũ, theo sau lại điểm thêm những tiếng âm-nhạc bi-vong của nước mình, mà khiến cho lòng ta phải nghĩ-ngợi biết bao!

Trong ngày hội kỷ-niệm này, lúc cảm-động nhất là lúc được mục-kích cái hình-ảnh bà Trinh-Đức treo ở trước cửa nhà thờ cho thiên-hạ công-lãm, và lúc điểm-binh, kèn thổi bài quốc-ca, mà khiến cho lòng ta cảm-phục những bậc anh-hùng hào-kiệt không nguôi lòng.

Nhớ lại cũng hôm 8 tháng năm tây năm ngoái, được đọc họa-báo, mới biết Giáo-hội đã tuân-theo lệnh đức Giáo-Hoàng tôn bà Trinh-Đức lên bậc thánh và lấy ngày ấy làm ngày hội bà; hôm ấy ở nhà thờ chính thành La-mã, có hàng mấy vạn người đến dự-lễ, các hàng quan-lại văn-võ đủ mặt và đức Cha Touchet ở xứ Orléans thay mặt Giáo-hội Đại-Pháp, có đọc bài diễn-văn để thuật lại công-đức bà Trinh-Đức. Ở Pháp, thì trước tượng bà dựng ở thành Orléans có làm lễ diễn binh, chào cờ, rất là oai-nghiêm, quan dân đến dự-lễ, người đông như kiến, cả đến quan và binh lính nước Anh cũng có đến dự-hội; thế mới biết bà Trinh-Đức là một bậc đại-anh-hùng, các nước đều kính-phục, cũng vì tấm lòng ái-quốc của bà đã hầu thành một tôn-giáo chung cho nhân-loại, mà dân-tộc nào cũng đáng sùng-mộ.

Ôi! những người có lòng yêu nước mỗi lúc đến ngày hội kỷ-niệm này, ai chẳng động lòng bái-phục! Không biết những người đi xem hội ở nước ta có hiểu rõ sự-nghiệp của bà Trinh-Đức mà cảm-phục không, hay là lại mô-hồ như hội Chính-chung (14 Juillet) là một hội kỷ-niệm cái chủ-nghĩa « tự-do công-lý của Đại-Pháp cộng-hòa chính-thể », mà người mình cho là một ngày ăn-tết, cũng đem đồ lễ tết, tài làm cho người ngoài dẫu chẳng nói ra nhưng cũng nực cười.

Nhân hội này, ký-giả lại nhớ đến công-nghiệp hai bà Trưng nước mình cũng bởi tấm lòng ái-quốc, cứu nạn cho nước, mà danh-tiếng đã lừng-lẫy trong đất Việt-Nam, thì ký-giả mong sao các quan Đại-thần tâu cùng Thánh-Thượng mà hạ chỉ-dụ cứ mỗi năm cũng làm hội Kỷ-niệm hai bà Trưng nước ta như thế, cho thoả cái linh-hồn những bậc anh-hùng đã vì-quốc vong-thân, mà sau nữa cho thiên-hạ biết nước mình cũng có người đáng nghìn thu thờ-phụng.

Trong đời tuy có nhiều danh-nhân, cao-sĩ, cũng có nhiều sự-nghiệp vẻ-vang, người thì phát-minh được cách-trí hóa-học, người thì lập-công về văn-chương triết-học, nào cơ-khí mới, nào lý-tưởng mới, các sự-nghiệp ấy tuy cũng lớn-lao cả, nhưng cái sự-nghiệp ra phò-dân giúp nước thì lại càng danh-vọng oanh-liệt biết chừng nào! Cái sự-nghiệp này, từ đời thượng-cổ cũng đã vẻ-vang lắm rồi, mà xem ra bất-cứ thời-đại nào, dân-tộc nào, cuộc thịnh hay suy trong một nước, cũng do bởi tấm lòng ái-quốc thấp hay cao của quốc-dân, lòng yêu nước của quốc-dân cao, thì nước thịnh, mà lòng yêu nước của quốc-dân thấp thì nước nguy.

Cuộc thắng trận của Đồng-minh vừa rồi, cũng do tấm lòng ái-quốc của dân Đồng-minh rất là nhiệt-thành, dẫu nhiều phen thất-bại mà cũng một lòng vì nước quên mình nên mới được toàn-thắng.

Cũng vì nghĩa ấy nên nước Đại-Pháp từ nay cứ mỗi năm, đến ngày chủ-nhật thứ nhất tháng 5 tây, làm quốc-hội kỷ-niệm công-đức bà Trinh-Đức.

Bà Trinh-Đức sinh ở xứ Domrémy trong năm 1409 — Lúc bà còn nhỏ, thì nước Pháp bị nước Anh chiếm-đoạt gần hết đất,

gặp lúc quốc-vận nguy-nan, sinh-dân đồ-thán, bà tuy còn bé nhưng thấy tổ-quốc nguy-vong, thì một lòng ái-quốc rất là nhiệt-thành, lúc nào cũng nghĩ đến nước mà cảm-thương. Sau bà xin cùng thân-phụ đi đánh giặc cứu nước, nhưng thân phụ không cho, nghĩ con mình còn bé, có lẽ đâu làm được sự-nghiệp to như thế, chẳng qua là một sự mộng-ảo mà thôi. Nhưng bà càng nghĩ đến vận nước chừng nào, thì càng thêm quả-quyết chừng nấy, bà bèn sang xin cùng cậu, thì ông cậu thuận cho, và dân thành Baudricourt đều hoan-nghênh cả ; sau quan thiếu-tá ở đấy mới cấp cho bà sáu tên lính để đưa bà đến bái-yết vua CHARLES thứ 7. Bà đem tấm lòng ái-quốc mà tâu bày cùng vua, quyết chí báo-thù cho nước, nên vua cũng cảm-động mà thuận cho bà đem binh để giải vây thành Ô-lê-ăng (Orléans).

Bà đi đến đâu, thì nhân-dân đều cảm-phục mà theo bà, đều hô-hào là một bậc nữ-anh-hùng ra cứu nước.

Ngày 29 tháng 4 năm 1429, bà giải vây được thành Ô-lê-ăng, rồi đem vua CHARLES thứ 7 về thành Ren (Reims) để tôn-vương tức-vị ; xong rồi bà xin từ-giã vua mà về quê nhà để nuôi cha cho trọn chữ hiếu trung.

Ôi ! trung-hiếu lưỡng-toàn, thật là hiếm có vậy ! — Xưa nay những người được công-nghiệp lớn, thì cái lòng tham danh trục-lợi lại càng to, mà bà vừa được cả công-đức và tư-đức, thật là ít có.

Tuy bà từ-chối xin về quê hương, nhưng vua không nghe, nên bà lại phải đem thân thờ nước cho trọn nghĩa-vụ làm thần-dân.

Đến trận Compiègne, thì bà ngã ngựa phải bị bắt, sau bà phải tội thiêu. Trong lúc hỏi tội, quan tòa có hỏi bà rằng : « Trời có thù ghét gì nước Anh không ? » ; bà trả lời rằng : « Sự Trời yêu ghét, thì tôi không biết, nhưng tôi chỉ muốn làm thế nào cho người nước Anh đừng quấy-nhiễu đất nước tôi nữa ».

Lại đến lúc bà bị thiêu thì bà không run sợ gì cả mà kêu to lên rằng : « Trời ơi ! xin chúc Đại-Pháp tổ-quốc được thái-bình ! » — Khẳng-khái thay những lời nói ấy, tưởng nghìn năm cũng còn lưu-truyền mãi-mãi.

Quốc-dân mình thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp, mà được biết truyện một bậc anh-hùng như thế, thật đáng thâm-phục Quí-quốc. Nay Nhà-nước Bảo-hộ lại muốn cho dân ta cũng được tham-dự vào hội này, thì từ nay ta cũng phải nên hiểu biết cái ý-nghĩa thâm-trầm của hội Kỷ-niệm này là thế nào vậy.

H. H. Đ.

. . .

Hội Ái-hữu các tân-cựu sinh-viên trường Đại-học (L. A. U.)

Ngày 15 tháng 5 tây vừa rồi, ông Nguyễn Văn-Tâm, cựu-học-sinh trường Đại-học, ban Pháp-chính, hiện tham-tá ở tòa Chính-trị phủ Toàn-quyền, có họp cả các tân-cựu sinh-viên trường Đại-học có mặt ở Hà-nội tại nhà hội Tri-tri để bàn lập một hội Ái-hữu. Các tân-cựu sinh-viên đến hội-đồng tới 300 người, đều biểu-đồng-tình với ông Nguyễn Văn-Tâm và y-nhận các khoản điều-lệ ông đã dự-thảo. Bản điều-lệ ấy hiện nay đương đệ trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt-y và cho phép. Ông Tâm có gửi cho Bản-chí một bản điều-lệ và bài diễn-thuyết của ông bữa hội-đồng. Muốn biết cái chủ-nghĩa hội Ái-hữu này thế nào, tưởng không gì bằng lược-dịch bài diễn-thuyết bằng pháp-văn của ông như sau này để các bạn đọc báo đồng-lãm. Lời diễn-thuyết rằng :

« Ngạn-ngữ tây có câu : « Hiệp-lực làm ra sức mạnh » ; cái gì sức một người làm không được, họp nhau thành đoàn-thể thời làm được ngay.

« Sự đoàn-thể ích-lợi là đường nào, chắc các ngài đã hiểu rõ, nên tôi có lời bá-cáo, các ngài hưởng-ứng ngay.

« Thưa các ngài, hiện nay những cựu-sinh-viên tốt-nghiệp ở các ban Đại-học Đông-Pháp ra tòng-sự Nhà-nước tản-mạn khắp mọi nơi, không có cách gì để cho mọi người được thông-tiếp với nhau. Khác nào như những sức mạnh rời-rạc, bây giờ cần phải họp lại thành một cái đồng-lực to.

« Nhiều người ở Đại-học ra rồi thời xa-cách với anh em cũ, anh em làm công-việc gì không biết, gặp cảnh vui hay cảnh buồn cũng chẳng hay. Cái tình-hình như thế cũng đã không nên rồi, lại thêm có cái ý người Nam kẻ Bắc không hòa-hiệp nhau, hoặc là người bạn này với kẻ bạn khác khi tốt-nghiệp rồi gặp nhau thường có khi bắt tay nhau mà ngần-ngại.

« Cái hiềm-khí ấy ta phải làm thế nào cho tiêu-tán đi, để gây lấy một mối đồng-tâm rất thân-mật, vì quyền-lợi của ta, cái tiền-đồ sự

nghiệp của ta có thể mới bảo-tồn được. Nói tóm lại là ta phải có một hội Ái-hữu, mục-đích là nhất-diện ràng-buộc lấy cái tình bằng-hữu thân-mật trong các hội-viên với nhau, nhất-diện bảo-hộ quyền-lợi cho nhau cùng tìm cách mở-mang sự-nghiệp cho nhau.

«Vả lại, người ta thường nói xứ Đông-Pháp nhờ sự tân-học đã có một hàng thượng-lưu mới, vì lời nói ấy là phải thời các ngài thử nghĩ có phải bọn ta cũng có thể hi-vọng tới bậc ấy, cũng có tư-cách mà đảm-đang được những công-việc cùng trách-nhiệm bọn thượng-lưu không? Chắc các ngài cũng nghĩ như tôi rằng tuy tự-cao tự-phụ quá là không nên, nhưng không chịu nhận cái giá-trị của mình, không biết đem cái giá-trị ấy mà lợi-dụng về việc công-ích cho nước, thời thật là không hiểu cái thâm-ý của các quan đã sáng-lập ra trường Đại-học vậy.

«Nhờ có trường Đại-học mà ta đã thu-hoạch được cái học-thức đủ dùng để chữa bệnh cho người đau, dạy-dỗ cho con trẻ, khai-khẩn được đồn-điền, xây-đắp được cầu cống, cũng là biết luật-lệ mà hộ-vệ được những việc chánh-đáng. Vậy thời ta phải hiệp-lực lại mà ra công làm việc ích-lợi cho công-chúng, nhưng mà phải làm thiệt-lực, nghĩa là cần yên-lặng mà làm, chỉ lấy cái lòng nghĩa-vụ làm phương-châm, để chứng cho người ta biết rằng bọn thượng-lưu học-thức xứ Đông-Pháp này không có giống đâu những kẻ mơ-tưởng kia, làm ích cho nước chưa thấy đâu, mà có lẽ lại làm hại cho nước, vì hay nói nhiều.

«Thưa các ngài, ấy đó là các lẽ đã khiến tôi khởi-xướng lập ra hội «Đông-Pháp Đại-học tân-cựu học-sinh Ái-hữu-hội», tôi mong rằng các ngài sẽ ra sức giúp tôi.»

Bản-chí có lời mừng ông Nguyễn Văn-Tâm đã chủ-trương một việc có ích, và chúc cho hội Ái-hữu này được trường-thọ mãi-mãi và phát-đạt vô-cùng.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

1. *Sơ-học thiên-văn* (Eléments de Cosmographie). Của Cố P. Delmas, thuộc địa-phận Thanh, soạn ra. — In ở nhà in Nazareth ở Hương-cảng năm 1920. Bán ở Nhà-chung Phát-diệm (Ninh-bình), giá 0 $ 70 một quyển (gửi xa thêm 0 $ 06 tiền bưu-phí).

Các Cố, ngoài việc dạy-dỗ người ta về đường đạo-giáo, lại thường hay soạn những sách học về các môn cách-trí, thật là ích-lợi cho sự phổ-thông giáo-dục trong quốc-dân ta. Người mình bây giờ đương thiếu những sách bằng quốc-văn để học cho tiện, được các bộ giáo-khoa ấy, soạn kỹ-lưỡng, in rõ-ràng, có hình vẽ, có tự-vựng, thật đáng qui-hóa vô-cùng. Bản-chí mỗi lần tiếp được những sách của các cố có bụng yêu gửi đến cho, vẫn sẵn lòng giới-thiệu cho các bạn đọc bao biết. Mấy kỳ trước đã giới-thiệu những sách của cố Thịnh (Père Chaize) ở Kẻ Sở về thực-vật-học, động-vật-học, v. v. Nay lại mới tiếp được quyển *Sơ-học thiên-văn* này của cố Delmas dạy triết-học ở trường Lý-đoán Phát-diệm soạn, cách đặt lời văn thật là dễ nghe dễ hiểu, tưởng không những học-trò các trường nên mua mà học, mà người thường ai thích khảo-cứu về thiên-văn cũng nên có một quyển mà xem. Mà người ta ai là người không nên biết thiên-văn? Khoa-học nào cũng là hay là cần cả, nhưng tưởng không khoa nào dễ làm cho người ta bay-bổng ra ngoài nơi trần-lụy, tiêu-dao lên những chốn cao xa, bằng khoa thiên-văn. Những khi đêm khuya thanh-vắng, trời tĩnh mây quang, nhìn lên khoảng không vô-tận, thấy những tinh-tú xoay vần, trong lòng có cái cảm-tưởng thanh-cao biết bao nhiêu! Nhưng cái cảm ấy chẳng qua là sự hứng-thú thoảng qua trong một lúc: muốn cho thành ra sâu-xa đằm-thắm thời phải khảo về thiên-văn-học. Nhất là ở đời cạnh-tranh kịch-liệt này, không có khoa-học nào cao-

thượng mà phong-thú bằng khoa này.

Sách của Cố DELMAS có phụ thêm một tập Tự-vựng về thiên-văn-học và một cái biểu tên các sao, vừa chữ Pháp, vừa Quốc-Ngữ, vừa chữ Nho, thật là tiện-lợi cho các nhà khảo-cứu.

— Nhân nói về sách các Cố, xin nhắc lại cho các bạn đọc báo nhớ rằng Cố HUE ở Hưng-hóa có in riêng thành sách những bài *Minh-giáo xích-độc* đăng trong *Thánh-giáo tuần-báo*, bản-chí trước đã từng giới-thiệu rồi. Hiện đã xuất-bản tới số 7. Nên chú-ý nhất là số 2 giải về câu «Đạo nào cũng quí, đạo nào cũng trọng», số 3 bàn về vấn-đề «Đức Khổng-tử có giữ đạo-giáo nào không?», số 7 giải câu «Đã giữ luân-lý, đi đạo làm gì?» Cố HUE là người rất sành lối văn quốc-ngữ mới, nên lời văn thông - thạo chải-chuốt lắm, mới đọc không biết là người ngoại-quốc viết. Lại nghị-luận rẫn-giỏi, ý-tứ dồi-dào, tưởng các nhà làm văn ta ít người sánh kịp, vì các cố tuy là người ngoại-quốc viết bằng tiếng mình không khỏi ngượng-ngập, nhưng toàn là người có học-thức, lại thường chuyên-trị khoa lý-luận trong các sách la-tinh, nên cách phô-diễn ý-kiến có sành-sỏi hơn người mình nhiều. — T. - C.

. . .

2. — *Á-nam văn-tập. 今生緣 Duyên nợ phù-sinh.* Á-nam TRẦN TUẤN-KHẢI soạn. — Hanoi, Vĩnh-Thành Công-ti in, 1921 ; 60 trang ; giá bán : 0$15.

Đã lâu nay các sách thơ-văn xuất-bản không được mấy quyển hay : nay mới lại được đọc tập *Duyên nợ phù-sinh* của ông TRẦN TUẤN-KHẢI này, thật là văn-chương có giá-trị. Tập này đủ các lối : thi, ca, phong-dao, từ-khúc, thuyết-văn, bài nào cũng nghe được, có cái giọng êm-ái thanh-cao. Nhiều bài hát thật là hay, như bài « Tiễn chân anh khóa xuống tàu », và thứ nhất là bài « Gánh nước đêm», lời giản-dị mà ý-tứ sâu-xa biết bao nhiêu ; xin trích-lục bài ấy ra sau này để các bạn đọc báo thưởng-giám một lối văn-chương đặc-biệt :

Em bước chân ra,
Con đường xa tít,
Con sông mù-mịt,
Bên vai kĩu-kịt,
Nặng gánh em trở ra về.
Ngoảnh cổ trông sông rộng trời khuya...
Vì chưng nước cạn nặng-nề em dám kêu ai.
Nghĩ tiếc công bà Nữ-Oa đội đá vá trời,
Con dạ-tràng lấp bể biết đời nào xong !
Bước đêm khuya thân gái ngại - ngùng,
Nước non gánh nặng, cái đức ông chồng
hay hỡi có hay ?
Em trở vai này ! ...

Đó là cái tình-cảnh một chị nhà quê gánh nước đêm, nhưng ở đời há chẳng có những người chí-khí khác thường, cũng từng nặng lòng vì gánh nước-non, mà những khi đêm khuya khoảng vắng, thở dài mà thán-tích cho cái công bà Nữ-Oa vá trời, con Dạ-tràng lấp bể, vì « đức ông chồng » là kẻ quốc-dân kia thường không biết cho cái nông-nỗi đau lòng, cái công-phu khó-nhọc...

Tùng-sử cả tập thơ chỉ được một bài này cũng đáng khen, huống còn nhiều bài hay nữa ; vậy Bản-chí rất vui lòng giới-thiệu tập *Duyên nợ phù-sinh* này cho các bạn đọc báo, và ước-ao rằng sự-nghiệp văn-chương của ông TRẦN TUẤN-KHẢI mỗi ngày một tấn-tới, vì như lời ông nói « hai vai thân-thế, một gánh giang-san, cuộc văn-chương dẫu đến khi tàn mà ngọn bút quan-hoài biết bao giờ cho ráo mực»; và một ngọn bút thanh-tao thuần-túy như ngọn bút ông chắc có thể giúp cho quốc-văn ta được nhiều vậy. Bản-chí có lời khen ông, mừng ông và hết lòng mong-mỏi cho ông vậy. — T. - C.

. . .

3. — *Cảnh hoa điểm tuyết.* Xã-hội tiểu-thuyết. ĐẶNG TRẦN-PHẤT soạn. — In ở Vĩnh-Thành Công-ti, 1921. — 66 trang. Giá bán : 0$30

Lối tiểu-thuyết ta bây giờ chưa định-thể, nhưng chắc là mỗi ngày một theo về lối mới, vì cái lối « muốn biết nốt truyện, xin xem hồi sau », ngày nay đã quá cũ lắm rồi. Nhưng nghề văn-chương cũng như sự giáo-dục, việc chính-trị, lúc đổi phương-châm là lúc khó phán-đoán hơn cả. Cho nên một bộ tiểu-thuyết mới xuất-bản, nhà bình-phẩm dẫu ý riêng ưa hay không ưa cũng không dám hạ-bút quả-đoán là sách hay hay sách dở. Thi-ca thì phán-đoán được, vì là những thể văn-chương cũ. Tuy vậy mà đương buổi bây giờ nhà làm văn nào dám phá hẳn cái sáo cũ, mà quả-quyết theo lối mới, bất-luận sách làm ra hay hay là dở, sự quả-quyết ấy cũng đáng khen. Ông Đặng Trần-Phất soạn bộ tiểu-thuyết *Cảnh hoa điểm tuyết* này thật là phá hẳn qui-củ cũ mà quyết theo lối tiểu-thuyết tây. Ông theo đã được hệt chưa, chưa dam chắc, nhưng thật cũng đã có công-phu. Truyện là truyện một cô con gái nhà nền-nếp bị long-đong vì nỗi chồng con, ông đề là « xã-hội tiểu-thuyết » vì ở trong cũng tả về hiện-tình xã-hội, có nhiều chỗ cảm động. Lời văn thời bình-thường giản-dị, nhưng có lẽ có nhiều đoạn không được chải-chuốt lắm. Cách kết-cấu tưởng hơi vụng, vì truyện là truyện ở nơi thượng-lưu xã-hội mà ký-giả thuật rằng đã chép được ở miệng người phu xe, ngồi hàng nước vừa hút thuốc vừa kể .... Song đó là những sự khuyết-điểm nhỏ, không quan-hệ gì cho lắm, và cũng nên khen tác-giả đã làm được bộ tiểu-thuyết mới, mong rằng sách sẽ tiêu-thụ được nhiều cho bổ công trước-tác.

— T. - C.

4. — Tiểu-thuyết *Năm lần cửa*. Kim Quang-Ích, mĩ-hiệu Lạc-nhạn soạn. — In tại Đông-kinh Ấn-quán; 59 trang. — Giá bán : 0 $ 26.

Bỉ-nhân đương ngùi-ngùi về cái tang chung cho báo-giới, là ông Cử Phan Kế-Bính mới tị-trần, tức là cái tang công-cộng của các nhà làm văn làm sách nước nhà, liền đột-xuất một điều lo : nền quốc-văn hưng-thịnh thực là nhờ ở báo-trương, ở sách-vở; nhưng báo khai-trương lắm mà báo không ra báo, sách xuất-bản nhiều mà văn chẳng thành văn, thời lại thêm cái bệnh cho quốc-văn, mà cái bệnh ấy chỉ là do cái bệnh truyền-nhiễm của ít nhiều người bất-tự-lượng mà lan ra... Chợt tiếp được bản-chí chủ-bút đưa cho giới-thiệu quyển sách này, bỉ-nhân lại càng chán như cơm-nếp, những ngại-ngùng chẳng muốn mở ra xem vội. Sau mở xem, xem bài Tựa của tác-giả làm lấy, có nói : « ... Đã làm phải có ngông, có ngông mới nhiều kẻ thích, nhiều kẻ thích thì mới thích mua mà sách mới đắt ... », bỉ-nhân phải để sách mà tự-hỏi cái lương-tâm của tác-giả đối với xã-hội thế nào, sực nghĩ tới truyện Tần-hoàng phần-thư mà bỉ-nhân toát cả mồ-hôi .., Sau đọc hết 54 trang nữa, thì ra bộ tiểu-thuyết này tác-giả kể truyện mình đi du-lịch, nhưng hẹn đến quyển sau mới giải nghĩa « Năm lần cửa » là cái gì, nên bỉ-nhân chưa biết thế nào mà bình-phẩm để độc-giả thích xem, thích mua cho cái văn « ngông » của Lạc-nhạn tiên-sinh dám quả-quyết đem ra bán cho đời. Nhưng giá quyển sau có xuất-bản đi nữa, bỉ-nhân xin thú trước rằng tài hèn chí mọn, chưa đủ tư-cách mà bình-phẩm những văn-chương cố ý làm ra ngông như thế.

— B. - X.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI «KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC»

Nhà hội-quán — Nhà hội-quán trong khoảng tháng bảy tây thời xong. Còn đồ-đạc bày trong nhà thời hiện đương vẽ kiểu. Phải cần đến mấy cái tủ để sách đựng đồ và thật nhiều bàn ghế. Hội định nghĩ một kiểu riêng cho các đồ-đạc ấy, để vừa tiện-dùng, vừa hợp với kiểu nhà và lại vừa có đặc-sắc khác các kiểu thường.

Hội-viên mới. — Các ông có giấy xin vào hội đã đăng tên lên báo từ số 43, 44, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào hội kể từ ngày 1er Juin 1921.

Vào chân chủ-trì

Ông Hoàng Yên, Lê Bình-Tuệ, Nguyễn Xuân-Hanh, Nguyễn Quang-Hoắc, Nguyễn Văn-Điền, Bùi Nam (đăng tên trong báo số 43)

Ông Hoàng An, Sư-cụ Mai Tâm-Tĩnh, Trần Minh-Tài, Albert Billault dit Trần Văn-Cầu, Phạm Duy-Trì (trước là thường hội-viên) (Đăng tên trong báo số 44).

Vào chân thường-hội-viên

Ông Nguyễn Văn-Trọng (đăng tên trong số báo 43).

Đơn xin vào hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông sau này gửi giấy xin vào hội, hạn trong hai tháng ai có dị-nghị xin viết thơ cho hội biết:

Xin vào chủ-trì

1° Ông Nguyễn Hữu-Lộc, tri-huyện Kim-thành, Hải-dương.

2° Nguyễn Văn-Quỳnh, café restaurant Cát-thành, 59 Rue de la Soie. (Do ông hội-viên Bạch Thái-Sơ giới-thiệu).

3° Nguyễn Đức-Ngọc, dit Marcel, cai de dépôt à la Cie du Yunnan à Lahati, Yunnan. (ông Thọ ở Lahati giới-thiệu).

Xin vào thường-hội-viên

1° Ông Phạm-Thức, secrétaire comptable à la Société des Distilleries, 9 Boulevard Doudart de Lagrée, Hanoi.

2° Phan Văn-Cơ, buôn-bán ở phố huyện Hưng-nhân, Thái-bình (do ông hội-viên Lương Kim-Tuyến giới-thiệu)

MẤY LỜI VIẾNG ÔNG BƯU-VĂN (1)

Bản-chí đã xếp in gần xong mới tiếp được bài viếng ông cử PHAN KẾ-BÍNH *của quan huyện* HOÀNG HỮU-ĐỒN, *xin vội-vàng đăng như sau này, để tỏ rằng ông cử Phan mất quốc-dân nhiều người thương tiếc.*

Ta ngồi nghĩ đến sự đời, thấy cuộc tang-thương biến-cải, đời người đổi thay, mà xiết bao những nỗi đau lòng! Ôi! Cuộc đời ngắn-ngủi, vì chẳng qua một đam phù-vân, sinh-sinh tử-tử, nhục-nhục vinh-vinh, hôm kia còn đó, bây giờ đi đâu!

Ký-giả cùng ông Bưu-văn vốn không phải là có tình nằng-hữu, thân-thuộc gì, nhưng nghe tin ông tạ-thế, mà thốt-nhiên sinh mối cảm-tình, thương-xót vô-hạn.

Ông Bưu-văn ôi! đương lúc trong nước còn đương hiếm người văn-học, thiếu kẻ nhân-tài, sao ông nỡ từ-giã cuộc đời mà yên giấc nghìn thu cho đành lòng, hỡi ông!

Ông là một người cựu-học, mà có tư-tưởng mới, kiến-văn nhiều, trong mười ba năm trời, gởi thân vào báo-giới, đã lấy ngòi bút tài-tình, lời văn cao-thượng, mà cảnh-tỉnh được biết bao nhiêu đồng-bào còn đương ở chốn mê-thanh, nằm nơi ám-thất, ông thật

(1) Bưu-văn là tên tự ông cử Phan-Kế-Bính, giúp việc các báo quốc-văn đã 13 năm nay, tạ-thế hôm 30 tháng 5 tây năm 1921.

là một người có công cùng Việt-Nam-tổ-quốc vậy.

Ký-giả nhớ một hôm được thừa tiếp ông có vài giờ, mà những lời khảng-khái của ông nói, cho đến ngày nay, tuy ông đã khuất mặt đi rồi, mà tiếng nói vẫn tưởng-tượng như còn văng-vẳng bên tai.

Hôm ấy gặp ông, thì trông nét mặt ông ưu-phiền, mà có sắc xanh-xám; tôi mới hỏi: « Tôn-ông thế nào mà buồn-rầu và người xanh thế? » — Ông liền đáp lại rằng: « Thưa ngài, vui làm « sao được mà chẳng phải buồn, đương « khi nước còn nghèo - hèn, dân còn « ngu - dốt, biết lấy ai lo - liệu cho tổ- « quốc mình được cường - thịnh bằng « người; lại đáng lo thay một nỗi cái « trình-độ còn thấp - hẹp như thế, mà « người trong nước, không biết lấy mối « đồng-tâm làm trọng, chưa ra gì mà « đã bè nọ đảng kia để tương-tàn tương- « hại lẫn nhau, phơi bụng cho người « cười; còn như thân - thể tôi bất-an, « cũng vì đa-tư đa-lự, nên mặt tôi mới « sinh biến - sắc; nhưng xin ngài « đừng lo chi « *cái sắc mặt một người* « *xanh xám, mà nên lo thay cho hậu-* « *vận một nước mờ đen.* » Nói đoạn, ông mặt càng bi-ai, mà nhìn tôi một cách nghiêm - trang.

Tôi thấy ông nhọc, bèn từ - giã ra về, mà xin đa-tạ ông đã ban một bài học, nghìn năm cũng còn ghi nhớ.

Ôi! đời đến ngày nay, thế-sự chuyển vần, nhân-tâm biến-đổi, thiên-hạ đều xô đẩy nhau mà cạnh - tranh lên đường thế-lộ, ham danh trục lợi, bỏ nghĩa tham vàng, mà còn nghe được một lời nói khí - khái như thế, thì đáng thâm-phục và cảm-động biết bao!

Nghĩ đến những kẻ bam - mê tình-dục, vui vui cười cười, vinh - vang mày - mặt, vô-tư vô-lự, không nghĩ gì đến vận nước hưng suy, mà khá buồn thay!

Một điều nữa đáng khen, là ông chung - thân vẫn giữ được một chủ-nghĩa « vì nghĩa-vụ mà sống »; suốt đời ông không khi nào chịu khuất thân mà cầu danh - lợi, ông vẫn giữ cái ngực ông trắng, không muốn đeo những bả vinh-hoa cho nặng mình, vẫn lấy đạo-đức cương - thường làm trọng, danh-cương lợi-tỏa làm khinh; mình tuy xuất - thân khoa - mục, mà quyết-chí chẳng qua đến bề hoạn - trường, ông vẫn giữ một cái nghĩa-vụ « ái-quốc hợp-quần » cho đến lúc từ-trần mới thôi!

Ông Bưu-văn ôi! tôi viết mấy lời viếng này là do lương-tâm xui khiến, chớ không phải vì tình - nghĩa gì, vì tôi không được quen-biết ông lắm, mà cũng không phải vì quyền - thế chức - phẩm giầu-sang gì, vì ông thật là một người đạo - đức, thanh - bạch, dẫu mồi phú-quí cùng bả vinh-hoa, cũng chẳng dử được lòng xa - mã, và lừa được gã công-khanh.

Tuy ông không gặp dịp làm được công-danh sự-nghiệp lớn như các bậc danh-nhân cao-sĩ đời xưa, nhưng tấm lòng « ái - quốc đạo - đức » của ông, cũng đáng làm một cái gương tốt cho đời cạnh-tranh phù-bạc này; ông thật đáng là một người đặc - sắc cho các bậc cựu-học và tân-tiến ngày nay vậy; đáng kính thay, đáng tiếc thay! Nhưng mà sống thế cũng là sống vinh, mà thác này cũng chẳng phải là thác nhục.

Thế-tình, thường phúng viếng nhau bằng câu đối vòng hoa, hay ca-tụng nhau vì giầu-sang quyền-tước, nhưng ông là một người quân - tử, thì tưởng mấy lời thành-thực này cũng đủ thấu đến suối vàng mà an-ủi linh-hồn ông vậy.

HOÀNG HỮU - ĐÔN.

Tri-huyện Yên-phong (Bắc-ninh)